

15 THÁNG 6 NĂM 1968

# BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

*năm mười hai*

VÕ PHIẾN *tuổi trẻ như một phát giác* \* TỪ TRÌ *những*  
*đặc tính của chính sách đối ngoại Hoa-kỳ* \* NGUYỄN

HIỂN LÊ *Lão-Xá* \* NGUYỄN THẢO *đóng khung giáo*  
*lý* \* HỒ DÃ TƯƠNG *xét lại vấn đề văn hóa dân*  
*tộc* \* VƯƠNG HỒNG SẼN *tôi nhớ Huế: một chuyến*  
*đi săn đở cỏ* \* SƠN NAM *xóm Rạch Ong Tế*  
*bần* \* TỪ TRÌ *thời - sự thế-giới* \* VÕ HỒNG

GIÓ *cuốn* \* BÙI ĐĂNG *cúi mặt* \* KIÊN GIANG  
*mưa trên vùng đất cháy* \* TRẦN THỊ TUỆ MAI  
*người Việt* \* LINH BẢO *hội*  
*phụ mẫu độc thân* \* TRÀNG

THIÊN *thời sự văn nghệ* \*

275



*Activité locale accrue sans répercussions générales*

# **l'Hydrocortancyl**

en applications topiques

*eczème*

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100  
de delta-hydrocortisone  
dans un excipient fluide,  
non gras, hydrodispersible

*collyre*

Flacon compte-gouttes  
contenant 3 ml soit 15 mg  
de principe actif, d'une  
suspension d'acétate  
de delta-hydrocortisone  
titrée à 0,5 p. 100

*gouttes nasales*

Acétate de delta-hydro-  
cortisone en suspension  
aqueuse titrée à 0,50 p. 100  
Flacon de 8 ml

---

**LES LABORATOIRES ROUSSEL**

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7<sup>e</sup>

---

**ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON**

---

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

---



**B Á C H**  
**K H O A** THỜI-ĐẠI  
**Số 275 ngày 15 - 6 - 1968**

VÕ PHIẾN <i>tuổi trẻ như một phát giác</i>	3
TỪ TRÌ <i>những đặc-tính của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ</i>	10
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>Lão-Xá</i>	20
NGUYỄN THẢO <i>đóng khung giáo lý</i>	26
HỒ DÃ TƯƠNG <i>rút kinh-nghiệm cũ : xét lại văn-đề văn-hóa dân-tộc</i>	31
VƯƠNG HỒNG SẼN <i>tôi nhớ Huế: một chuyến đi săn đồ cò (hồi-ký)</i>	35
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	41
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	46
SƠN NAM <i>xóm Rạch-Ong Tể-bần (tùy bút)</i>	57
KIÊN GIANG <i>mưa trên vùng đất cháy (thơ)</i>	63
TRẦN THỊ TUỆ MAI <i>người Việt (thơ)</i>	65
LINH BẢO <i>hội phụ-mẫu độc thân (phóng sự)</i>	68
TỪ TRÌ <i>thời-sự thế-giới</i>	75
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn-nghệ</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ CHÂU  
 Tòa soạn :  
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
 Điện-thoại : 25.539  
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI  
 133 Võ-Tánh Saigon  
 GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi  
 Cao Nguyên và Miền Trung :  
 thêm cước phí máy bay

# Sách báo mới

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch-giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây.

— **Người dân xã và hội-đồng xã** do một nhóm thẩm phán biên soạn, nhóm «Nghiên cứu và dự hoạch» xuất bản. Nhóm «Nghiên cứu và dự hoạch» gồm các ông : Lê-Tài-Triển, Nguyễn-văn-Lượng, Trần Thúc Linh. Sách dày 312 trang, gồm 3 phần : Tổ chức hành chánh xã ấp ; các bản văn qui định nền hành chánh xã ấp ; các mẫu biên bản. Giá 70đ.

— **Mấy vấn-đề xây dựng văn hóa** của Nguyễn hiến Lê, do Tao-dàn xuất bản thuộc tủ sách «Thời đại mới» và tác giả gửi tặng. Sách dày 186 trang, gồm 3 phần chính : Ta phải là ta trước hết ; Phát huy của mình và tiếp thu của người ; Nhiệm vụ lúc này. Giá 100đ.

— **Cho những mùa xuân phai** tập truyện của Nguyễn thị Hoàng do tập san Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 5 truyện. Bản đặc biệt, bìa do Nguyễn Trung minh họa

— **Ngày qua bóng tối** truyện của Nguyễn thị Hoàng do Hoàng đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 140 trang, in lần thứ hai. Bản đặc biệt. Bìa do Trịnh Cung minh họa.

— **Về trong sương mù** truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Thái Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang, Lê phương Chi trình bày. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 120đ

— **Đời tranh-đấu của M. Luther**

**King nguyên-tác của Lerone Brnnett Jr :** (What manner of man) Quế-Thanh dịch theo bản rút gọn của Nannette H. Feutkin, do Ca-dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 158 trang Giá 70đ.

— **Đất đứng** số tháng 6 (1968) tập san do một nhóm sinh viên Hành-chánh chủ trương Ô Phạm-trần-Anh chủ biên. Tập san in ronéo 2 mặt, khổ 20x26 dày 84 trang gồm nhiều bài biên-khảo, nhận-định, liên quan đến thời cuộc, sáng tác văn-nghệ và sinh hoạt Đại-học.

— **Nước ta** số 12, nội san học tập của cán bộ và khóa sinh xây-dựng nông-thôn Vũng Tàu do Trung tá Nguyễn-Bé chủ nhiệm. Mỗi số dày 120 trang, in ronéo 2 mặt, gồm nhiều bài nghị luận, truyện, thơ v.v... và phụ bản.

— **Cùng khổ** số 1 tháng 6 (68), tạp chí của lớp người trẻ miền Trung Việt-Nam, do Đoàn-Minh-Hải chủ-nhiệm, Phương-Tấn chủ bút, Tòa soạn và trị-sự ở 31 Nguyễn-Trãi, Đà-Nẵng. Mỗi số dày 62 trang, gồm những bài quan điểm, nhận-định, nghị luận, và sáng tác văn nghệ của các cây bút trẻ. Giá 50đ.

— **Sacerdos** Linh-mục nguyệt-san, số đặc-biệt : Ngày truyền thông xã-hội (số 78, tháng 6-1968) do Trung-ương Thông-tin báo-chí công-giáo Việt-Nam gửi tặng. Mỗi số dày 80 trang.

— **Saigon 7** Tập truyện bằng anh-ngữ gồm 7 truyện của Ô. Huỳnh Thanh Tâm, về các đề tài thời sự và chiến tranh tại Saigon, dày 174 trang do tác giả gửi tặng Giá 100đ.

# TUỔI TRẺ như một phát giác

Có những người trẻ không chắc sẽ men đến tuổi già, nhưng mọi người già nhất định từng có tuổi trẻ. Điều mà ai nấy đều có thì không quý. Bởi vậy, ngày xưa người ta quý tuổi già.

Bây giờ trái lại. Tuổi trẻ có đó rồi lại mất đi. Tất cả chúng ta đều mất hay sẽ mất tuổi trẻ. Nhưng tuổi già thì không mất. Không ai mất tuổi già cả, ít ra không có ai ở thế-gian này mất tuổi già. Vì thế tuổi trẻ là một hãnh-diện.

Phải trải qua bao nhiêu thế-kỷ mới nhận thức được điều giản-dị ấy, thế đã là lạ. Lạ hơn nữa, tuổi trẻ ngày nay được xem như một hãnh-diện không phải chỉ vì bảo-đảm một hạn sống còn dài, mà lại vì bảo-đảm một giá-trị. Trong nhiều trường-hợp, trẻ có nghĩa là tốt.

Nhiều người trong những lớp tuổi không còn trẻ lấy làm ngạc nhiên, rồi ngò vức, rồi giận: « Bọn chúng làm quá. Tại này cũng có hồi trẻ vậy chớ, hồi ấy tại này đâu có vênh-váo, phách lối như chúng nó bây giờ ».

Quá, có quá thật. Trước kia cũng có hạng trẻ lỏi-lạc. Nguyễn-Thái-Học tồ-chức, điều-khiển một chính-đảng chống với Pháp trong bao nhiêu năm, lúc lên đoạn-đầu-đài vẫn còn tuổi ba mươi, Vũ-Trọng-Phụng mất năm hăm tám tuổi cũng đủ để lại một sự-nghiệp văn-chương lớn. Lùi thêm về trước, Nguyễn-

Huệ đã trẻ, Trần-Quốc-Toản còn trẻ non. Tim xa và rộng hơn nữa: Lý-Bạch thành công rất trẻ, Victor Hugo cũng vậy, Paganini, Rimbaud, Napoléon v. v... mỗi người trong địa-hạt riêng của mình, đều trẻ. Cho đến cả Đức Thích-Ca và Chúa Giê-su đều làm chuyện kinh-thiên động-địa trong thời xuân-xanh cả. Thế mà tuyệt nhiên không có ai trong những kẻ ấy kêu gọi thiên-hạ chú-đến tuổi trẻ của họ. Như thế điều ấy không có gì quan-trọng, như thế nó không nói lên được gì cả, nó là chuyện vô-vị không đáng đề-cập tới.

« Lớp trẻ hôm nay » thì không thế. « Trẻ » hôm nay thành làm một « lớp ». Ý-thức về một giai tầng riêng biệt ấy rất rõ ràng. Dù là tướng-lãnh hay là chính-khách, là thi sĩ hay là họa sĩ v.v... dù hoạt-động trên những lãnh-vực rất xa nhau họ vẫn có chỗ gặp gỡ chung sẵn sàng được nhắc đến: tuổi trẻ. Họa-sĩ trẻ, văn sĩ trẻ, tướng trẻ..., thậm chí có cả đoàn-thể sinh-viên trẻ. Trẻ là cái cần nhấn mạnh, cần trưng lên.

Trẻ thì ăn mặc khác già, nói năng khác, đi đứng khác, bộ điệu khác. Cái khác lắm khi là cái gàn-bướng, dơ dáy, chẳng có gì hay ho; thế nhưng không thể bỏ, mà phải càng ngày càng phát-triển. Bởi vì đó là nhân hiệu.

Cái nhân thường bị đánh cắp. Ngày



Bìa tạp-chí Newsweek, số 21-3-1966



Bìa tạp-chí l'Express, số 1-8-1966

ngày, nam cũng như nữ, hạng đã quá tuổi xuân vẫn tìm mọi cách để giữ lại vẻ trẻ trung. Ông tôi qua đời trước đây hơn sáu mươi năm, người trong gia-đình những ai còn nhớ đều mô-tả ông như một cụ già: đạo-mạo, râu ria. (Không phải thứ râu mép oai-vệ của thanh-niên). Kỳ thực ông mất hồi mới ba mươi tuổi. Nửa thế-kỷ trước đây người ta không nghĩ đến việc giả-mạo tuổi trẻ. Bây giờ còn trẻ thì khoe trẻ, hết trẻ thì giả trẻ. Bằng một mái tóc, một lối phóng xe, một kiểu áo quần v.v... Hạng đã quá xuân rồi còn cố đeo cứng lấy tuổi xuân, như thế trách gì hạng trẻ họ không làm ồn-ào quá đáng về cái tuổi của họ.

Và lại cái ồn lầm lúc không do cả ở họ. Ngày mà đám tứ quái Beatles được ông bầu đưa qua Mỹ, đồng loạt trên nhiều hệ-thống truyền hình khắp Hoa-kỳ người ta thấy loan báo dồn dập những tin tức như sau :

- Tứ quái hiện có mặt ở phi-trường Liverpool ;
- Tứ quái vừa lên đường bay sang Nữ-ước ;
- Tứ quái sẽ đến Nữ-ước trong vòng một giờ ;

- Tứ<sup>quái</sup> sắp đến Nữ-ước trong 30 phút ;
- Chỉ còn 15 phút nữa, họ tới ;
- Các bạn chỉ còn có 10 phút để đi đón ;
- Một phút nữa, họ đến.

Được quảng-cáo kiểu ấy làm sao họ không nghĩ mình nổi danh hơn Chúa ? Sự thực, Chúa Cứu-Thế ra đời có được báo tin một cách hồi-hộp như vậy đâu.

Xung quanh tuổi trẻ, cả bộ máy kinh-doanh thương-mãi hoạt-động để khai-thác nó. Rốt cuộc tuổi trẻ thành ra hiện-tượng của thời-đại, hiện-tượng nổi bật. Tờ tuần báo *Time* mỗi đầu năm chọn in ngoài bìa hình của nhân-vật lừng lẫy nhất trong năm : khi thì một danh-tướng, khi thì một chính-trị-gia, khi thì một nhà bác-học thông-thái v.v... Năm 1966, nhân-vật ấy không tên, chỉ có tuổi : một bạn trẻ hiện nay, thế thôi. Trẻ, thế là đủ lừng lẫy rồi. Một bạn trẻ, đó là nhân vật số một rồi.

Nhận định của báo *Time* thật sáng suốt. Bởi vì non ba tháng sau tờ *News-week*, số 21-3-1966, in lên bìa một cặp trẻ đeo nhau trên chiếc xe gắn máy. Lại bốn tháng sau nữa, tờ *L'Express*, số ra

ngày 1-8-1966, cũng cho lên bla một cặp gàu y hết trên chiếc xe gàu y hết. Chàng hiệp sĩ ấy với con tuấn-mã bằng sắt ấy làm chủ thế gian.

Từ 1966 đến nay, sự thế còn diễn biến thuận lợi hơn cho tiếng tăm của thanh niên. Và nếu báo *Time* không ngại một trường hợp bán hữu, đầu năm tới họ rất có lý để in hình bạn trẻ lên bla một lần nữa, trong tư thế chiến đấu, với gach đ', với lựu đạn nội hóa trong tay làm vũ khí, với đôi ba chính phủ bị lật đổ làm thành tích.

oOo

Cái xu hướng chuộng trẻ, quý trẻ, trọng trẻ, mỗi lúc một thái quá, cái đó thật ra có lẽ trước hết không phải vì do tính trẻ bỗng vĩnh vào hay vì nét già ham trục lợi. Chiều hướng văn minh kỹ thuật nó khiến ra như thế.

Hồi xưa, tự xưng mình trẻ để làm gì? Nói: « Tôi còn ít tuổi lắm », như thế có nghĩa: « Tôi còn non nớt, hiểu biết chẳng bao lắm, kinh nghiệm không có mấy », tóm lại là: « Tôi còn đại dột. » Nói thế có ích lợi gì đâu?

Trái lại, ngày nay, trẻ có nghĩa là không lạc hậu. Năm 1958, báo « Tôi trẻ », tức báo rằng: « Tôi là kẻ đồng thời với chủ nghĩa hiện sinh, với hội họa trừu tượng, với Spoutnik đây... ». Năm 1958, báo « Tôi trẻ » tức báo: « Tôi thuộc thời kỳ của cơ cấu luận, của Luna, Apollo, Venus... Honda, Suzuki? Vâng, tôi cùng thời với những món đó nữa. » Như thế là tốt lắm. Như thế là nhất rồi, còn cãi sao nổi! Bởi vì từ năm nọ tới năm kia, xe Simca 8 hơn Simca 5, Simca 9 hơn Simca 8, Simca 1.000 hơn Simca 9; Honda kiểu 1968 hơn kiểu 1967, kiểu 1969 hơn kiểu 1968; Venus hơn Spoutnik. Kỹ thuật tiến bước chắc chắn,

không bao giờ thối lui. Sự kiện ấy ảnh hưởng đến cách nhận định của người thời nay đối với mọi sự mọi việc. Dần dần, trong dư luận của quần chúng quảng đại, kẻ biết triết hiện sinh của Sartre hơn kẻ biết triết trực giác của Bergson, rồi kẻ biết cơ cấu luận còn hơn kẻ biết hiện sinh luận, hội họa vô hình hơn hội họa hữu hình, tiểu-thuyết-mới hơn tiểu thuyết truyền thống v.v..

Đối với người trước, xã hội lý tưởng ở về phía dĩ vãng, trong thời Nghiêu Thuấn, tất cả sự khôn ngoan của nhân loại cũng ở về phía ấy. Đối với người bây giờ, lý tưởng ở về phía tương lai: càng đi tới càng gần cái tốt, càng mới càng tốt.

Trong một phòng tranh ngày nay, thường nghe những lời khen đại khái: « Khá lắm, có cái gì mới », hoặc những lời nhận định: « Tay này rất già dặn vững vàng. Tiếc quá, phải chi hẳn... mới mới một chút! » Thiếu cái một chút ấy, hẳn hoàn toàn không có hy vọng trời lên, gây sóng gió, mặc dù hẳn có thiên tài to lớn đến đâu. Đối với hẳn, người ta sẽ có cái cảm tưởng như đối với sự gàn bướng của hãng Citroën nếu cứ giữ kiểu xe Traction, của hãng Peugeot nếu cứ giữ mãi kiểu 203. Dù kiểu ấy có hoàn bị, tuyệt hảo đến đâu, sự gàn bướng cũng sẽ không thể biện minh được trước dư luận. Đã cõ thì không có cõ kính nữa, chỉ có cõ lỗ si. Phải mới mới một chút mới chịu được. Mới là một giá trị. Mới là giá trị.

Di nhiên thanh niên mới hơn bô lão.

oOo

Trong cách nhận - định này, kinh-nghiệm không phải là một yếu-tố được chú-trọng.

Thật là một bất ngờ đáng ghét, đối với lớp già. Nhưng thời-đại này vẫn có lý khi coi rẻ kinh-nghiệm. Kinh-nghiệm để làm gì kia chứ? Một người thợ đứng tuổi, lão - luyện trong nghề, tích lũy đầy đủ kinh - nghiệm, là người thợ đang b đào-thải. Bởi vì máy móc mỗi ngày mỗi đổi thay, thợ cũ muốn theo kịp phải học nghề lại, nghĩa là phải mất cả ưu-thế. Thợ cũ già nua chỉ khác thợ mới ở chỗ sức yếu, kém nhanh-nhẹn, trí-óc chậm-chạp, khó thích-ứng v. v...

Không những chỉ có máy móc thay đổi mà thôi, kiến-thức trên mọi địa-hạt đều luôn luôn bị xét lại, bổ cứu, canh-cải. Về việc dạy trẻ chẳng hạn, năm trước chọn phương-pháp này, năm sau lại tìm ra phương-pháp khác hay hơn, áp-dụng những phương - tiện thích-th tối-tân hơn. Ông giáo thâm niên không còn là ông giáo đáng tin cậy nữa.

Dạy trẻ như thế, trồng cây, nuôi súc-vật, làm việc gì cũng vậy. Thậm chí có kẻ nói ngày nay một thiếu - úy mới ra trường biết nhiều cái thích-thời hơn là cấp tá, và cấp tá hơn cấp tướng. Nói thế không phải là để chê bai các tướng-lãnh, bởi vì ngay đến giáo - sư Kastler, từng đoạt giải Nobel, đã phải thú-nhận rằng ông không hiểu nổi thứ toán-học mà con ông đang đem ra dạy. Một nhà bác-học mới sáu mươi hai tuổi mà còn bị vượt như thế!

Có kinh-nghiệm thì cũng hơn được không có kinh - nghiệm. Nhưng kẻ có kinh - nghiệm chẳng hơn được người thiếu kinh-nghiệm mà có học-vấn, nhất là học được những kiến - thức mới mẻ, thích-hợp với trình-độ kỹ-thuật hiện tại.

Lớp già chỉ có kinh-nghiệm làm lợi-khí, cái ấy đã mất giá. Còn học-vấn — cái đang có giá — thì lại thuộc về lớp trẻ.

oOo

Cuốn *Người về đầu non* của Võ-Hồng nói đến thờ'-kỳ mà văn-bằng yếu-lược ở một địa-phương miền Trung nước ta được coi rất quý báu, quý như bằng cử-nhân bây giờ. Thời ấy đâu có xa: chỉ là thời Võ-Hồng còn đi học. Ba mươi năm sau, bằng cử - nhân không còn cao xa nữa, các cô con gái của anh đã có thể đạt tới. Trong *Cánh tay nối dài*, Doãn-Quốc-Sỹ cũng kể câu chuyện một thanh-niên miền Bắc suốt đời lao-đao vì một ước-vọng: vào Đại-học. Nhưng Đại-học xa vời quá, anh ta không sao với tới nổi, cánh tay anh phải được nối dài bằng cánh tay của đứa con trai mới vươn tới. Nhân-vật hiếu-học của anh Doãn cũng không xa chúng ta, chắc hẳn anh ta vẫn còn hoạt-động đâu đây, bên cạnh chúng ta: anh ta cùng lứa tuổi với tác-giả, với Võ-Hồng.

Nước ta là nước chậm tiến mà cách nhau một thế-hệ sự học-vấn đã tiến xa đến thế, huống chi ở các nước Âu-Mỹ. Tại Hoa-kỳ, từ đầu thế-kỷ tới giờ tỉ-lệ sinh-viên Đại-học so với số thanh-niên từ 20 tới 24 tuổi tăng lên 11 lần, lại kể từ 1930 (vào khoảng thời-gian Võ-Hồng thi yếu-lược) đến nay ngân-sách dành cho giáo-dục tăng gấp 13 lần. Ở Hoa-kỳ hiện nay cứ trong hai thanh niên đến tuổi vào Đại-học thì có một được vào. Ở Nga cứ trong 100, có 24 người được vào. Ở Pháp cứ trong 100, có 16 người. Ở Nhật, cứ trong 100, có 13,5 v. v... Các cánh tay khắp nơi đều được nối dài một cách nhanh chóng để túm giật các mảnh bằng Đại-học.

Làn sóng thanh-niên tràn vào Đại-học đã gây khó khăn lúng túng ngay cho các quốc-gia tiên tiến. Năm ngoái, 28 nước Âu-Châu đã gửi đến Vienne 28 phái-đoàn, trong đó có 24 phái-đoàn do chính các vị bộ-trưởng giáo-dục đích thân cầm



đ'u, cả các chính-phủ cộng-sản lẫn chính phủ tự-do đều có mặt tại bàn họp tâm sự này để cùng nhau phơi bày các vấn-đề rắc rối trong ngành Đại-học. Cứ cho tất cả những bạn trẻ có tú-tài tha hồ vào Đại-học chẳng? Sát hạch để chọn bớt lại một số chẳng? Để họ tự do chọn ngành học ưa thích chẳng? Tùy nhu-cầu quốc-gia mà qui hướng cho họ chẳng? Làm sao để sau khi tốt-nghiệp họ có chỗ ứng-dụng sở-học? v. v... Rất cuộc, một phần vì không giải-quyết nổi những vấn-đề ấy mà năm nay khắp các quốc-gia Âu-châu đều bị sinh-viên nổi dậy quấy đảo đến điêu-đứng.

Về một phương-diện, Âu-Mỹ có thể kiêu-hãnh về cơn điêu-đứng ấy. Bởi vì xứ nghèo đói dốt nát làm gì có thừa sinh-viên để phá-phách (may ra có đủ để chờ đợi ra làm quan cai trị thiên-hạ). Cứ cái đà này, trong vòng năm bảy năm tới đây, ở bên xứ họ, hạng từ 25 tới 35 tuổi sẽ có nhiều bằng cấp Đại-học gấp năm hay sáu lần hạng 50, 60 tuổi.

Lớp già bị hạ với một tỉ-lệ thảm hại.

oOo

Đã thế bạn trẻ ngày nay lại giàu có hơn những kẻ đồng lứa hồi trước.

Thuở xưa, khi đa số còn sinh sống bằng nghề nông, ruộng đất hoa lợi thuộc về người chủ gia-đình, hạng trai trẻ biết tìm đâu ra tiền ngoài cách xin cha mẹ? Trong xóm làng có ai thuê mướn họ? Ngoài nông nghiệp, cũng có địa phương có nghề thủ công làm phụ, nhưng cũng tổ chức trong phạm vi gia-đình nhỏ nhỏ.

Bây giờ, trẻ lớn lên, nhất là ở đô-thị, kiếm ra tiền rất sớm. Mà dù chưa làm được gì họ cũng được phụ huynh chu cấp dồi dào hơn xưa, vì mức sống mỗi ngày mỗi cao hơn, nói chung nhà nào cũng dần dần khấm khá. Tết vừa rồi,

trong tập san *Sử địa*, một cụ già — cụ Vương-Hồng-Sên — nhớ lại câu chuyện mới « độ nào » mà so với hiện tại đã khác xa! « Độ nào phải chờ Tết đến mới có dịp cho trẻ em thấy đồng xu đỏ au và bạc các phong gói trong tờ giấy làm gói « lì xì » tân-niên. Được vài ba gói trẻ đã mừng húm, nhờ vậy mà con nít chóng lớn và người lớn thấy vậy cũng phần khởi thấy đời thêm vui. Ngày nay đời đời, trẻ con đi học đã có bạc ngàn bỏ túi, và thử cho trẻ một tờ giấy bạc năm trăm, chưa thấy nó mừng bằng lớp trước đây, được thưởng nửa đồng bạc đã cấp ca cấp cầm đề dành và đó là sưu tập cà-rô-bi (roupie) hiếm có. »

Đó là cảm tưởng của một nhà văn. Cảm tưởng không cần chứng minh bằng những con số, nhưng vẫn xác thực. Bởi vì năm 1963 viện Nghiên-cứu Công luận Pháp quốc (Institut français d'Opinion publique) điều tra về món tiền túi hàng tháng của mười bảy triệu thanh niên từ 14 tới 24 tuổi trong nước, thì kết quả cũng cho thấy họ giàu có không ngờ.

Họ giàu cho nên có bao nhiêu hạng người bao vây họ. Cả một kỹ nghệ khai thác thanh niên. Bio chỉ riêng cho giới trẻ, chương trình T.V. riêng, nhạc riêng, đĩa hát riêng cho giới trẻ. Có những kẻ chuyên nghi kiểu y phục lạ đời cho giới trẻ, kiểu xe gắn máy thích hợp với tuổi trẻ v. v., Chính nhắm vào túi tiền của đám trẻ mà có những lời quảng cáo như quảng cáo ban nhạc tứ quái nói trên. Thói thường cứ hề nhiều tiền nhiều bạc, tự nhiên được thiên hạ đồ xô tới chiều chuộng, toa hót, phụng sự hết mình. Huống chi đám trẻ đã nhiều tiền lại dựa tiêu tiền : giới thương mại bên Pháp nhằm tích trung bình mỗi cậu thanh niên hàng năm mua hơn năm chục đĩa

hát, còn bản nhạc thì vô kể. Ở Mỹ, trong hạng *teen-ager*, 90 0/0 con gái có máy ghi âm, con trai thì 75 0/0; ra đi-ô con trai 75 0/0, con gái 72 0/0; máy ghi phát âm con trai 50 0/0, con gái 72 0/0 sắm riêng mỗi người một chiếc.

« Ngày nay đời đời », ông hoàng con, vị khách hàng sộp ấy tự nhiên được thời đại bốc lên tới mây xanh.

oOo

« Ngày nay đời đời », sự dạy dỗ con cái cũng không còn như xưa nữa.

Cách chúng ta không bao xa, một nhà học giả tư tưởng uyên bác như Hồ-Thích tự cho mình suốt đời chịu ảnh hưởng chín năm dạy dỗ của mẹ hiền trong tuổi ấu thơ. Ông nhớ mãi những buổi sớm tinh sương, mẹ đánh thức dậy, chờ cho ông tỉnh thần tỉnh táo, quần áo xóc sữa ngay ngắn, mới đem những lời lầm ngày hôm trước ra phân tích, đem gương tốt của cha ra vừa khóc vừa khuyên ông cố gắng noi theo. Tuyệt không bao giờ mẹ rầy mắng con trước mặt kẻ khác, mà luôn luôn chờ lúc đối đầu một mẹ một con trong cái giờ gà vừa cất tiếng gáy đó. Thân mẫu ông, năm 17 tuổi làm vợ thứ ba của một ông già đã có con lớn hơn bà 7 tuổi, hẳn không phải thuộc giới cao sang học-thức cho lắm; vả lại về nhà chồng, bà còn được thân phụ ông dạy học như sẽ dạy ông về sau. Vậy những điều bà đem ra rèn luyện đứa con trai không phải là kết-quả công phu nghiên cứu trong sách vở về một thuyết giáo-dục nào; có lẽ chẳng qua đó là do bà thụ hưởng ở tập tục, ở truyền thống của gia đình. Cũng như những chuyện cho con ăn con bú, chuyện kiêng cử cho con khỏi sài khỏi đẹn v.v., những cái ấy đều được bản-sắc riêng của từng gia đình, giòng họ, từng địa

phương, từng tầng lớp xã hội. Những cái ấy làm cho mỗi người thanh niên lớn lên mang dấu vết ảnh hưởng của một hoàn-cảnh riêng biệt, có một bản sắ: riêng biệt. Một chàng trai con quan với một chàng trai con bác phu xe không có những sở thích chung, tác phong cốt cách chung. Họ không cảm thấy gần nhau.

Trái lại, một bà mẹ Hoa-kỳ chẳng hạn, ngày nay bà ta cho con ăn thứ gì, uống thêm thứ siah (sữa) gì, bú loại sữa nào, là theo lời chỉ dẫn của những bác-sĩ nhi-khoa mà tác phẩm thuộc loại đang bán chạy nhất, hoặc theo cuốn sách của cơ quan Y tế vẫn tái bản hàng năm với các tu-chỉnh kịp thời theo những kiến-thức mới mẻ nhất. Con chậm lên câu thì gọi bác sĩ chuyên về dinh dưỡng; con chậm nói, khó tính hay sợ ma, thì đưa tới chuyên viên về tâm-lý, về thần-kinh v.v.. Một bà mẹ Hoa-kỳ nuôi nấng con y theo muôn triệu bà mẹ Hoa-kỳ khác đồng thời, và khác hẳn những bà mẹ Hoa-kỳ của thế-hệ trước. Kinh-nghiệm, tập-tục riêng của các bà ngoại bị xua đuổi phủ phàng. Con trẻ của từng gia đình không có đặc điểm. Và bao nhiêu trẻ con đồng lứa trong xã-hội đều ăn, đều mặc, đại khái như nhau.

Thề-chất của chúng được dinh dưỡng theo cùng một cách, tinh thần chúng cũng được hướng dẫn theo một kiểu. Mẹ hiền của Hồ-Thích căn cứ theo từng lời di huấn của thân phụ ông mà rầy dạy con. Nhưng ở các nước Âu-Mỹ ngày nay thì người cha không còn là gì cả trong gia đình. Sau nhiều năm nghiên-cứu xã-hội Hoa-kỳ, Geoffrey Gorer mô tả người cha như một nhâu vật thảm hại: lỗi thời, lạc hậu, dốt nát, kém thông thạo đối với những « mới » mới,

những dụng cụ máy móc mới mà con trẻ cho là tầm thường thông dụng v.v... Và, trả lời bức thư ngỏ của André Maurois, một thanh niên đã nói toạc ra rằng « ở nước Pháp không còn hạng làm cha nữa »: chẳng bao giờ con cái được cha dạy bảo điều gì.

Ở Âu - Mỹ bây giờ không có gia huấn. Phần việc dạy dỗ con nít đã được chuyển giao cho xã-hội. Các cô ở lớp mẫu-giáo đào tạo trẻ từng loạt. Từ đó, chúng được đưa lên Tiểu-học, Trung-học, Đại học, đâu đâu cũng cùng hấp thụ một thứ kiến thức, phổ biến theo một phương pháp. Rất cuộc, người thanh niên hiện tại thấy từ sự sinh sống vật chất tới tinh-thần mình càng ngày càng gần bề bạn mà xa các bậc phụ huynh. Hàng ngày chẳng ai nhắc nhở tới gương kiên-nhẫn của ông cha, của người chú đã cố gắng ra sao để thoát khỏi cảnh bần hàn, tới những chiến công hiển hách của ông tổ năm đời bảy đời xưa kia theo vua Quang - Trung đánh giặc Thanh, theo Nã-phá-luân đánh quân Nga v.v... Chương trình giáo dục ở nhà trường mẫu giáo, trung học v.v... không hề dành chỗ để nhắc nhở cho từng đứa trẻ những chuyện như thế, cho nên không có gì khiến đứa trẻ nghĩ đến mối liên hệ giữa mình với quá-khứ của dòng họ. Trong đầu óc đứa trẻ, gương sáng không phải chiếu mặt mũi một bậc cha ông nào, mà là một anh hùng trong cái xã hội quen thuộc đồng-thời của mình: Bob Dylan, Johnny, Adamo... Thần tượng là những đấng như thế.

Chàng thanh-niên nọ kêu ngày nay không còn hạng làm cha nữa; lớp già cũng có lý nếu họ than rằng ngày nay không còn hạng làm con, hiểu theo nghĩa kẻ tiếp tục gìn giữ nếp nhà, làm rạng rỡ

gia - phong. Nếp nhà là gì nhỉ? Cái đó trở nên vô nghĩa. Con trẻ lần lần rời bỏ khung cảnh gia-đình càng ngày càng lạnh lẽo để gia-nhập vào cái tập-thể khác, nồng-nàn lôi-cuốn hơn: tập-thể của tuổi trẻ. Gia-đình mất con, trong khi ấy xã-hội đông thêm trẻ.

Trẻ càng đông, ý-thức tập-thể của họ càng rõ rệt. Nhờ thêm sự phát-triển của các phương-tiện thông-tin, họ càng gần bó nhau, sớm hôm gần gũi nhau trong gang tấc. Đài *Europe n° 1*, có chương-trình « Chào các bồ » (*Salut les copains*) được hoan-nghênh nhiệt-liệt. Hàng ngày họ theo dõi nhau, lắng nghe nhau, ngắm nghĩa nhau, bắt chước nhau. Tuổi trẻ tự say mê mình, và chỉ say mê có mình thôi. Họ tuyên-bố các thần-tượng sụp đổ hết rồi, cả Chúa cũng đổ. Nhưng trong đám các « bồ » đồng lứa, họ lại tìm ra lắm thần-tượng để sùng bái. Sự sùng bái cũng đạt tới mức vô lý như trong mọi trường-hợp cuồng-tín khác: Đầu tháng 12-1965, tạp chí *Arts* có đăng tải một thiên điều-tra về các bạn trẻ, trong đó có nói tới chuyện một chủ tiệm bán đàn ghi-ta tiết-lộ rằng để bán chạy hàng ông ta phải đặt một tấm gương thật lớn trong tiệm. Thử đàn bằng gương là một phương-pháp thử mới. Nguyên các cậu vào mua ghi-ta cậu nào cũng muốn mang đàn rồi ngắm xem bộ dạng mình có giống thần-tượng Johnny chẳng. Nếu giống là đàn tốt, mua được. Trong dự-định lập thân, họ không nghĩ đến sự-nghiệp một bậc tổ-phụ nào, mà mơ đến một thần-tượng mười lăm mười bảy tuổi.

Từ trước tới nay thời nào cũng có những người trai trẻ, vô số trai trẻ; nhưng đó là con cháu của từng gia-đình, thuộc từng địa-phương riêng rẽ, từng giai tầng xã-hội riêng biệt. Bây giờ, trai

trẻ mất liên-hệ với gia - đình, họ vượt trài ra khỏi các tập-thể nhỏ hẹp để hòa nhập làm một tầng lớp riêng. Trong lịch-sử, đến ngày nay trai trẻ mới thành một lớp, phần lớn có lẽ là do lẽ lối nuôi trẻ và dạy trẻ hiện tại.

oOo

« Lớp trẻ hôm nay » quả có lắm chuyện lố lằng, chướng tai gai mắt. Họ làm như thuở nào đến giờ chưa có ai trẻ cả, đến đây nhân-loại mới bắt gặp tuổi trẻ ; hoặc như thế các thế-hệ trước chỉ biết qua một thứ tuổi trẻ giả, không giá-trị, chỉ có cái tuổi trẻ của họ đang hưởng bây giờ đây mới là thứ thiệt, thứ đáng giá, đáng rêu rao.

Kỳ thực, như chúng ta vừa thấy, thái độ của họ không phải là vô lý, là không có lý do.

Một kẻ làm cha chú có thể nghĩ : « Nào, thử xem mày có gì xuất sắc. Tui mặt cũng nổi mụn vào khoảng mười lăm mười sáu tuổi như tao hồi đó, cũng lún phún ít sợi lông mép vu vơ hồi mười chín đôi mươi như tao. Mười tám tuổi tao cũng đậu tú tài, tiếng Tây còn khá hơn mày nhiều. v.v... » Từng người một, chàng thanh-niên giữa thế-kỷ này so với kẻ đồng lứa của thế-kỷ trước không được Tạo hóa cho hưởng thêm một sự cải thiện nào về thể xác cũng như về trí thông minh. Tuy nhiên, nhìn chung cả thế-hệ trẻ ngày nay, họ có vài ưu điểm so với các thế hệ trước : học giỏi, nhiều tiền ; họ lại có lợi thế ở chỗ xã hội

đang chuộng mới cho họ trẻ, và kinh nghiệm đang mất giá ; và nhất là họ cái ý thức về một tầng lớp riêng.

Nhiều người lại thích nghĩ rằng hạng trẻ gần đây họ có vùng vắng òn ào thật nhưng đừng lấy làm quan trọng : chứng tật chung của thanh niên muôn thuở là vậy đó, lạ gì. « Cứ sau một thời xáo động, cách mạng, chiến tranh, tới một thời tương đối yên tĩnh, bề ngoài có vẻ thịnh vượng, thì « đứ con của thế kỷ » lại buồn bực. Không dùng cái sức mạnh của mình trong quân đội được thì họ đập các cửa kính, đốt xe... và chửi rủa các ông già. » (1) André Maurois nhắc lại tâm trạng Werther của Goethe, René của Chateaubriand, Adolphe của Benjamin Constant, và vụ xung đột về vở kịch Hernani để dẫn chứng.

Thời nào cũng có những thanh niên vùng vắng, hục hặc, nhưng chưa có lớp thanh niên thời nào làm quá như từ đầu tháng 5-68 tại kinh đô nước Pháp của André Maurois. Làm thế chưa cho là đủ, anh chàng Boudit còn vội bươn bả qua Đức để thúc đẩy mạnh thêm phong trào nổi loạn bên đó nữa, « Đứ con của thế kỷ » lần này hung hăng, có khả năng và cũng có nhiều tham vọng hơn trước.

VÕ-PHIẾN

V — 1968

(Thư ngỏ gửi một thanh niên, Nguyễn-hiến-Lê dịch. (BK. TĐ số 264)

*Kẻ thù, anh em, cha mẹ, bà con chúng tôi đồng đều chuyễn đọc :*

### CÙNG KHỔ

tạp chí của lớp người trẻ miền Trung Việt-nam để tìm lại tinh tủy dân tộc trong một quê hương cháy rã

Chủ bút : Phương-Tấn

Tòa soạn và trị sự :

31 Nguyễn-Trãi Đà-nẵng

# NHỮNG ĐẶC-TÍNH

## *của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ*

● TỪ - TRÌ

Với đệ-nhất thế-chiến, Hoa-kỳ đã đột ngột xuất hiện trong đời sống quốc-tế với tư cách một đại-cường-quốc. Sau khi đệ-nhị thế-chiến chấm dứt, vai trò ngoại-giao của Hoa-kỳ đã chiếm một tầm quan-trọng vô cùng lớn lao. Tình-hình thế-giới cũng như tương-lai của nhân-loại đều tùy thuộc vào thái-độ của Hoa-kỳ và của Nga-xô, đối-thủ chính của Hoa-kỳ. Vì vậy hầu hết các quốc-gia trên thế-giới, khi ấn-định đường-lối ngoại-giao của mình, đều đặc biệt chú-trọng tới thái-độ của Hoa-kỳ, đề hoặc tán đồng hoặc chống-đối. Phân tích và tìm hiểu chính-sách đối-ngoại Hoa kỳ do đó trở thành một điều cần-thiết cho nền ngoại-giao của mỗi nước.

Đọc lại lịch-sử ngoại-giao của Hoa-kỳ ta thấy chính-sách đối-ngoại của nước này có ba đặc-tính :

— Đặc-tính dân-chủ

— Đặc-tính lý-tưởng

— Chính-sách hỗn-hợp vừa chủ-trương biệt-lập vừa chủ-trương can-thiệp.

Ba đặc-tính này là ba định-luật hướng dẫn nền ngoại-giao của Hoa-kỳ. Phân tích ba định-luật này ta sẽ hiểu rõ hơn thái-độ của Hoa-kỳ trước một vấn-đề quốc-tế. Tuy nhiên những định-luật này không có tính-cách tuyệt-đối. Chúng chỉ cho ta rõ những động-lực, những khuynh-hướng sâu xa của nền ngoại-giao Hoa-kỳ mà thôi chứ không nhất-thiết buộc chính-phủ Mỹ

phải tuân theo một cách mù-quáng. Thật vậy, chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ, cũng như mọi quốc-gia khác, chỉ là một nỗ-lực hoạt-động để phù-hợp lý-tưởng với nhu-cầu của một quốc-gia. Vì vậy ta không ngạc nhiên khi thấy đôi khi có sự mâu-thuẫn giữa hoạt-động ngoại-giao của Hoa-kỳ với các định-luật nói trên và giữa các định-luật ấy với nhau.

### 1 / Đặc-tính dân-chủ của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ

Đặc-điểm đầu tiên của chính-sách đối-ngoại Mỹ, là tính-cách dân-chủ. Dân-chủ ở đây không có nghĩa là tôn-trọng nguyện vọng dân-chúng tại các nước mà Hoa-kỳ can-thiệp. Dân-chủ đây có nghĩa là chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ luôn luôn được đặt dưới quyền kiểm-soát của quốc-dân Mỹ.

Thật vậy, theo Hiến-pháp Mỹ, Tổng-thống với tư cách là trưởng cơ-quan hành-pháp có nhiệm-vụ điều-khiển nền ngoại-giao dưới sự kiểm-soát của Quốc-hội nhất là Thượng-nghị-viện. Thượng-nghị-viện có quyền biểu-quyết đề tán-đồng hay bãi-nhiệm những công-chức ngoại-giao cao-cấp, trong đó có Bộ-trưởng Ngoại-giao, và các đại-sứ do Tổng-thống bổ-dụng. Ngoài ra các hiệp-ước do Tổng-thống ký với ngoại-quốc đều phải được sự chấp-thuận của Thượng-nghị-viện với đa số — 2/3 tổng số Thượng-nghị-đại-bi — mới có hiệu-lực. Trước khi tuyên-chiến, Tổng-thống Mỹ

còn phải được Quốc-hội (lưỡng-viện) đồng ý.

Vì quyền kiểm-soát của Quốc-hội trong lãnh-vực ngoại-giao rộng lớn như vậy nên các dân-biểu và thượng-nghib-sĩ hết sức quan-tâm tới chính-sách đối-ngoại. Họ luôn luôn bàn cãi, điều-trà và kiểm-soát việc thực-thi chính-sách này. Những khi bàn cãi về vấn-đề ngoại-giao, các dân-biểu và thượng-nghib-sĩ thường chú-trọng tới dư-luận dân-chúng địa-phương tức là cử-tri của họ, vì vậy họ thường có những luận-điệu mỉ-dân. Thí dụ các đại-diện dân-cử ở Nữu-uớc không bao giờ quên sự hiện-diện của nhóm người Mỹ gốc Do-thái ở tiểu-bang, nên phần lớn các đại-diện của tiểu-bang Nữu-uớc đều có thái-độ thân thiện với Quốc-gia Do-Taái. Tuy nhiên xuyên qua các cuộc bàn cãi ở Quốc-hội, Tổng-thống Hoa-kỳ có thể tìm ra được đường hướng chính của dư-luận quần-chúng.

Tại Hoa-kỳ, các cuộc bầu cử được tổ-chức luôn luôn; cứ 2 năm người ta lại bầu lại toàn-thể Hạ-viện và 1/3 tổng-số nghị-sĩ Thượng-viện, cứ 4 năm người ta lại bầu Tổng-thống. Trong những dịp này dư-luận quần chúng trước các vấn-đề quốc-tế quan trọng lại được bày tỏ sôi nổi Do đó vị trường cơ-quan hành-pháp luôn luôn có đủ yếu-tố để hành động phù hợp với nguyện-vọng của quốc-dân. Trong nhiều cuộc bầu-cử, một số ứng-cử-viên Tổng-thống lấy ngay chính-sách đối-ngoại làm đề-tài tranh-cử. Năm 1916 khi Woodrow Wilson tái ứng-cử Tổng-thống, đề vận động cho ông, đảng Dân-chủ đã nhắm vào đề-tài: Wilson đã « cứu Hoa-kỳ khỏi chiến tranh » (He kept us out of war). Trong cuộc bầu cử Tổng-thống vào tháng 11.1968 tới, vấn-đề Việt-Nam sẽ là đề-tài tranh cử chính yếu, dù vấn-

đề này có được giải quyết hay không trước ngày bầu-cử.

Dân chúng Mỹ cũng quan tâm nhiều tới vấn-đề ngoại-giao. Tại Hoa-kỳ các phương-tiện thông-tin rất phát-triển, vì vậy dân-chúng đều hết sức am tường các biến-chuyển quốc-tế và không ngần ngại phát-biểu những cảm-nghi của mình... Chính-phủ vì vậy hiểu rõ nguyện vọng của dân. Năm 1920, cử-tri Mỹ bác bỏ chính-sách đối-ngoại quá ư hoạt-động của Tổng-thống Wilson. Tổng-thống Harding được bầu lên thay thế không làm gì khác hơn là quay trở lại chính-sách không can-thiệp (non-intervention) số-hữu của Hoa-kỳ. Người ta cho rằng sở dĩ ông Roosevelt sau đó có thể quyết-định tham-chiến cũng chỉ vì ông đã hướng-dẫn được quần-chúng theo đường lối của ông. Thật ra Tổng-thống Roosevelt đã làm theo ý muốn của dân chúng vì những cuộc thăm dò dư-luận đã cho ông biết rõ tâm-trạng người dân Mỹ trước cuộc thế-chiến thứ nhì. Roosevelt theo dân chúng hay dân chúng theo Roosevelt không phải là điểm quan trọng. Điểm quan trọng là trong cả hai trường-hợp, dân-chúng vẫn giữ một vai-trò quan-trọng trong đường-lối ngoại-giao của Hoa-kỳ.

Tuy nhiên không phải là không có những trường-hợp đặc biệt mà chính-sách ngoại giao của Hoa-kỳ đã thiếu tính cách dân-chủ. Đôi khi những nhóm áp-lực (pressure groups) hay báo-chí có thể ảnh-hưởng sâu đậm chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ. Năm 1812, thế-hệ trẻ có khuynh-hướng bành-trướng lãnh-thổ (expansionist) do một nhóm gọi là « điều-hâu chiến-tranh » (1) (War Hawks)

(1) Ta nhận thấy danh-từ « điều hâu » chủ-chiến đã có từ hồi này.

đã làm áp-lực với Tổng-thống Madison đề tuyên-chiến với Anh nhằm chiếm miền Floride của Tây-ban-nha (đồng-minh của Anh) và nếu có thể, chiếm cả Gia-nã-đại (thuộc Anh). Năm 1895 nhóm báo-chí của Hearst thúc đẩy Tổng-thống Mac Kinley tuyên-chiến với Tây-ban-nha để chiếm Cuba.

Tuy có những biệt lệ, nhưng khuynh-hướng chính của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ vẫn là theo đúng đường-lối và lý-tưởng của quốc-dân Mỹ. Lý-tưởng này luôn luôn là một kim-chỉ-nam cho các nhà ngoại-giao Hoa-kỳ nên đã được các nhà khảo-cứu nâng cho là một đặc-tính và tính cách lý-tưởng do đó là định-luật thứ hai của chính-sách đối-ngoại Hoa-kỳ.

## 2/ Tính-cách lý-tưởng và chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ.

Tuy chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ luôn luôn bị nhiều người lên án là thực-dân, đế-quốc, nhưng sự thật chính-sách này chính lại là một chính-sách tình-cảm và « lý-tưởng » (idéaliste) nhất thế-giới. Có lẽ chính vì quá đặt nặng vấn-đề lý-tưởng mà chính-sách của Hoa-kỳ đượm màu sắc thực-dân, đế-quốc. Lý-tưởng của dân-tộc Mỹ là tiếp tục hoạt-động để thành công như tổ-tiên của họ đã thành công trong lịch-sử. Thật vậy, ngày nay người Mỹ nào cũng vẫn thần-phục thành-tích của cuộc Tây-tiến trong lịch-sử Hoa-kỳ. Tổ-tiên của người dân Hoa-kỳ đã là những người « sáng thủ » (pionniers) tiến về phía Tây khẩn đất, mở mang lãnh-thổ. Cuộc Tây-tiến là một mạo hiem vĩ-đại trong lịch-sử lập-quốc Hoa-kỳ. Để sống một cuộc đời mạo-hiêm phiêu-lưu đầy nguy hiem như vậy, các người sáng-thủ Mỹ đã có những đức

tính lớn như trí quật cường, tính kiên-nhẫn, tinh-thần xây-dựng v.v... Nhờ những người này mà lãnh-thổ Hoa-kỳ trong một thế-kỷ đã mở rộng được từ Đại-tây-dương tới Thái-bình-dương; diện tích Hoa-kỳ đã từ 850.000 cây số vuông lên tới 8 triệu cây số vuông. Cũng nhờ họ mà Hoa-kỳ đã là một xã-hội phát-triển và trù phú, người dân Mỹ có mức sống cao nhất thế-giới.

Lòng ngưỡng-mộ quá-khứ cho người dân Mỹ một lý-tưởng là noi gương tiên-nhân. Họ cho rằng tổ-tiên họ đã thành công thì nếu cứ giữ nguyên lý-tưởng cũ, họ cũng sẽ thành công không kém. Họ chăm làm việc để tiến tới thời-đại vàng son (âge d'or) trong tương-lai.

Lý-tưởng của Hoa-kỳ đã khiến chính-sách đối-ngoại của nước này đôi khi trở thành ngây thơ. Trước vấn-đề chiến-tranh người Mỹ đã có sẵn một ý-niệm hết sức xa thực tế. Họ cho là chiến-tranh chỉ là những cuộc thanh-toán bản thủ của những người Âu-châu. Vì các nước Âu-châu đánh nhau nên mới nghèo và có lẽ cũng vì nghèo nên các nước Âu-châu mới đánh nhau để chiếm-đoạt của cải của nhau thay vì làm việc. Vì vậy, Tổng-thống Washington, trước khi rời bỏ chính-trường, đã đặt ra một nguyên-tắc là sống tách rời khỏi Âu-châu và Tổng-thống Jefferson chủ-trương không liên-minh « quí quyết » (entangling) với Âu-châu. Hai nguyên-tắc trên đã được áp dụng cho tới Đệ-nhất thế-chiến.

Sau khi Đệ-nhất thế-chiến chấm dứt, cũng nhân danh lý-tưởng mà Hoa-kỳ đã lên án Pháp là quá tàn nhẫn với Đức, khi đòi Đức bồi-thường chiến-tranh. Theo Pháp thì Đức đã phá-hủy thì nay Đức phải xây-dựng lại đũa cho Pháp. Nhưng theo ý Mỹ thì Pháp đã được

trận mà còn qui tham-lam đòi tiền Đức quá nhiều. Chính-phủ Hoa-kỳ đã cố hết sức để giảm số tiền Đức phải trả cho Pháp. Vì vậy mà năm 1924 Hoa-kỳ đã đưa ra kế-hoạch Dawes và năm 1928 kế-hoạch Young, để giảm tiền bồi-thường chiến-tranh. Nhưng đối với các nước đã cùng với Hoa-kỳ chiến-đấu chống Đức như Anh, Pháp v. v... Hoa-kỳ nhất định đòi nợ. Các nước này đã vay của Hoa-kỳ 10,35 tỷ Mỹ-kim với số lãi là 5% để tài trợ nỗ-lực chiến-tranh. Theo Hoa-kỳ đã vay thì phải trả. Tổng-thống Harding đã nói một câu làm cho các quốc-gia Âu-châu phẫn - uất: « Họ nợ tiền phải không? ». (Ils doivent de l'argent n'est-ce-pas?) Âu-châu không muốn trả nợ vì cho đó là phần đóng góp của Hoa-kỳ vào cuộc chiến.

Thái-độ của Hoa-kỳ đã vô tình làm suy yếu các nước dân-chủ Âu-châu và cũng đồng thời nâng-dỡ một nước Đức độc-tài, để nước này có thể trở lại chính-sách xâm-lãng khởi sự từ năm 1934.

Vì lý-tưởng nên người Mỹ muốn đóng vai-trò của một vị thẩm-phán chứ không muốn đóng vai-trò của một người cảnh-sát. Trong thế-kỷ trước, khi Hải-quân Anh và Quân-đội Pháp còn mạnh nhất thế-giới, hai quốc-gia này đảm-trách vai trò cảnh-sát giữ trật-tự cho thế-giới. Và Hoa-kỳ được rảnh tay ngồi phàn xét thái độ của nước này hay nước nọ có hợp với đạo-lý hay không. Trong vai-trò thẩm-phán, Hoa-kỳ đã nhiều lần « giật đuôi con sư-tử Ấng-lê » để phá Anh. Ngày nay Anh và Pháp suy yếu, Hoa-kỳ bắt buộc phải đảm-nhiệm việc giữ trật-tự trên. Vai-trò mới không phù-hợp với đặc-tính lý-tưởng của Hoa-kỳ nên chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ nhiều

khí lúng-túng, thiếu cương-quyết.

Dân Mỹ lại còn có một quan-niệm không chính-xác về người ngoại-quốc. Hơn ai hết, người Mỹ có rất nhiều dịp tiếp xúc với người ngoại quốc. Nhưng người ngoại quốc này là những người di cư. Họ đã rời xứ nguyên-thủy của họ để sang lập-nghiệp ở Hoa-kỳ với ý-định trở thành công-dân Hoa-kỳ. Do đó họ được Hoa-kỳ đồng-hóa rất dễ dàng. Thêm vào đó cuộc Tây tiến đã khiến cho những người Mỹ cũ và những người di cư được dịp sống chung, đề cùng đối phó với mọi nguy nan, cùng làm việc, cùng có một nếp sống. Sự đồng-hóa những di dân cho tới năm 1890, là khi cuộc Tây-tiến hoàn tất, lại càng thêm dễ dàng.

Dân chúng Hoa-kỳ tưởng rằng mọi người trên thế-giới đều muốn trở thành Mỹ và trở thành một cách dễ dàng như những dân di-cư ở Mỹ. Hơn nữa hãnh diện về quá-trình lịch-sử, về văn-minh cũng như về kinh-tế của họ, người dân Hoa-kỳ thành thực muốn giúp các quốc-gia trên thế-giới có nếp sống của Mỹ. Họ cho là họ có sứ-mạng phổ-biến văn-hóa Mỹ trên thế-giới. Văn-hóa Mỹ thật ra bắt nguồn từ văn-hóa Âu-châu. Nhưng vì được phù hợp với mức tiến-bộ và điều-kiện lịch-sử của Hoa-kỳ nên đã trở thành một nền văn-hóa độc-đáo của Hoa-kỳ. Vì dân Mỹ cố gắng bành-trướng văn-minh của mình nên nhiều người đã nói tới chủ-nghĩa đế-quốc văn-hóa của Hoa-kỳ.

Chính vì muốn giúp cho các quốc-gia khác có được nếp sống Mỹ (American way of life) mà Hoa-kỳ đã có một chính-sách đối-ngoại nhiều khi mâu-thuẫn và lạ kỳ. Hoa-kỳ vào năm 1940 — 1947 đã giúp Tưởng-giới Thạch, nhưng vì chính-



thề của Tưởng-giới-Thạch đầy tham nhũng nên Hoa-kỳ lại giúp luôn cả Mao-trạch-Đông để phe của Mao đã phá sự tham nhũng của chính-quyền Tưởng-giới-Thạch. Thái-độ của Hoa-kỳ đối với Hy-Lạp vào năm 1947—1948 cũng không kém phần kỳ quặc. Giúp Hy-Lạp chống Cộng là điều tốt, nhưng như vậy tức là duy-trì nền quân-chủ của Hy-Lạp — từng bị nhiều người đả kích— lại là một điều xấu. Hoa-kỳ đành giúp vua Hy-Lạp dẹp Cộng-sản và hy-vọng rằng chế-độ của nước này sẽ được cải tạo. Tóm lại thành thật muốn giúp người nhưng lại muốn giúp cho người ta có lý-tưởng Mỹ nên nhiều khi Hoa-kỳ bị coi là thực dân, là đế-quốc. Hoa-kỳ viện trợ cho nhiều quốc-gia, nhưng vì muốn các quốc gia này xử-dụng viện-trợ Mỹ phù hợp với quan-niệm Mỹ, nên chính-phủ Hoa-thịnh-Đốn luôn luôn tổ chức những cuộc điều tra, kiểm soát gắt gao khiến những nước bạn đồng-minh trung-thành nhất cũng phải mất lòng.

Sau hết, lý-tưởng của Hoa-kỳ còn được thể-hiện trong khái-niệm về biên-giới của Hoa-kỳ. Trong lịch-sử Hoa-kỳ, biên-giới không phải chỉ là một đường giới-hạn giữa hai quốc-gia mà còn là giải đất bất ngát ở phía Tây. Cuộc Tây-tiến đầy lui biên-giới cho tới bờ biển Thái-bình-Dương năm 1890. Từ đó biên-giới đối với Hoa-kỳ là một mục-tiêu vật-chất hay tinh-thần mà người dân Mỹ tự đặt ra và cố gắng thực-hiện. Thuyết New Deal của Roosevelt, thuyết Fair Deal của Truman, thuyết New Frontier của J.F. Kennedy và thuyết Great society của L. B. Johnson cũng không ngoài quan-niệm này. Về mặt ngoại-giao, khái-niệm về biên-giới tăng cường lòng ham muốn giúp các nước ngoài tấn bộ như Hoa-kỳ

dù bằng biện-pháp mạnh. Vì thành thực, người Mỹ thường thất-vọng trước thái-độ mà họ coi là «vô ơn» của các nước được họ giúp và họ quên rằng chính vì cách thế giúp đỡ mà Hoa-kỳ đã gây nên nhiều kẻ thù,

Đặc-tính lý-tưởng (Idéalisme) của Hoa-kỳ đã đưa nền ngoại-giao Hoa-kỳ tới hai con đường trái ngược là một chính-sách biệt lập (Isolationnisme) và một chính-sách can-thiệp.

### 3 / Chính - sách biệt-lập và chính-sách can-thiệp

Như ta đã có dịp nói ở trên, lý-tưởng của Hoa-kỳ là bắt chước tiên-nhân để thành công và để thực-hiện sự trù phú cho đất nước. Vì Tổng-thống Washington và Tổng-thống Jefferson đã từng khuyên là nên sống tách-biệt với Âu-châu, nên áp-dụng lời khuyên đó, Hoa-kỳ chủ-trương chính sách biệt-lập. Hoa-kỳ đã phát triển mạnh mẽ và mau lẹ là vì trong lịch-sử, nền an-ninh của nước này chưa bao giờ bị đe dọa ngoại trừ mùa hè năm 1814 khi quân đội Anh tiến vào thủ-đô Hoa-thịnh-đốn đốt phá Tòa Bạch-ốc và điện Capitol. Nhờ có một nền hòa-bình trường-cửu, nền kinh-tế, văn-hóa và lãnh-thổ Hoa-kỳ đã mở mang tới một mức chưa từng thấy. Do đó Hoa-kỳ tránh không muốn dính dáng tới công việc của Âu-châu.

Nếu tại Âu-châu chủ-trương hiếu-hòa là ý-thức-hệ của tả-phái, trái lại hiếu-hòa ở Hoa-kỳ lại là ý-thức-hệ của nhóm đại-kinh-doanh (big business). Mỗi khi bên Âu-châu có chiến-tranh, Hoa-kỳ lại giữ vững chính-sách trung-lập để lại có dịp làm giàu. Vì nhân-công Âu-châu được huấn-luyện sẵn đã di-cư sang làm việc tại Hoa-kỳ và Hoa-kỳ cũng có cơ-hội bán hàng cho Âu-châu.

Hòa-bình có lợi như vậy nên Hoa-kỳ cố hết sức tránh chiến-tranh với Âu-châu. Nếu tại Âu-châu có những thành-phần chủ-hòa thì thuyết chủ-hòa này là thuyết của kẻ yếu, sợ chiến-tranh. Tại Hoa-kỳ, ngược lại chủ-hòa là thuyết của kẻ mạnh. Chưa ai dám đe dọa Hoa-kỳ mà Hoa-kỳ lại còn đuổi người da đỏ để mở rộng lãnh-thổ. Người Mỹ không sợ chiến-tranh, nhưng không muốn chiến-tranh vì chiến-tranh làm cản trở mức phát-triển trong nước. Vì là kẻ yếu, người chủ-hòa Âu-châu muốn tổ-chức đời sống quốc-tế để loại bỏ chiến-tranh. Vì là kẻ khỏe, người chủ-hòa Mỹ không tham-gia vào đời sống quốc-tế.

Chủ-trương của Washington và Jefferson được áp-dụng liên tiếp cho tới năm 1947 khi thuyết không can-thiệp được chính-sách can-thiệp của Truman chính-thức thay thế.

Năm 1917 Tổng-thống Mỹ Wilson đã đặt ra một ngoại-lệ cho thuyết Washington - Jefferson bằng cách tham-chiến ở Âu-châu. Nhưng khi chiến-tranh chấm dứt, quốc-dân Mỹ vội vã từ bỏ chính-sách Wilson và năm 1920 với Tổng-thống Harding, Hoa-kỳ đã trở lại chính-sách biệt-lập cho tới tháng 12 - 1941. Suốt trong thời gian này để mặc cho Âu-châu lo mọi vất-về thế-giới, Hoa-kỳ chỉ lo việc phát-triển cho quốc-gia mình. Từ năm 1925 tới 1929 Hoa-kỳ đã qua một thời-đại trù-phú (prosperity). Hoa-kỳ chỉ thỉnh thoảng can thiệp vào đời sống thế-giới để lo củng-cố hòa-bình. Năm 1927 Ngoại-trưởng Mỹ, Kellogg, ký với Ngoại-trưởng Pháp Briand, một hiệp-ước cam kết không dùng chiến-tranh làm phương-tiện để đạt tới mục-đích chính-trị quốc-gia. Hiệp-ước này được mở rộng để các quốc-gia khác có thể nhập ược.

Dân-chúng Hoa-kỳ đã trở nên hiếu-hòa đến nỗi khi Nhật bắt đầu đánh chiếm Mãn-châu, Ngoại-trưởng Mỹ Stimson tuy muốn can-thiệp mà Tổng-thống Hoover không chịu. Stimson chỉ còn có mỗi cách phản đối xuống hoàn toàn vô-hiệu là đưa ra thuyết Stimson: "Hoa-kỳ không công nhận những cuộc thôn-tính bằng võ-lực".

Tại Âu-châu trước âm mưu xâm lăng của Hitler, Hoa-kỳ vẫn nhất định không chịu can thiệp. Năm 1938 tại hội-nghị Munich, Hitler đã bắt buộc Anh Pháp phải cắt vùng Sudètes của Tiệp-khắc cho Đức. Thủ-tướng Anh Chamberlain và Thủ-tướng Pháp Daladier yêu-cầu Tổng-thống Roosevelt đứng ra hòa-giải, nhưng Roosevelt đã khước từ. Hơn nữa, từ năm 1935 Quốc-hội Hoa-kỳ cố gắng tránh sự tái-diễn của những biến-chuyển năm 1917 nên đã biểu-quyết một số các đạo luật trung-lập không cho Hoa-kỳ bán khí-giới cho các quốc-gia đang đánh nhau. Vì những đạo luật này Tổng-thống F. D. Roosevelt đành bó tay trước cuộc Đệ-nhi thế-chiến. Mãi đến tháng 12, 1941 khi Nhật tấn công Trân-châu-cảng Hoa-kỳ mới rời bỏ chính-sách biệt-lập để nhảy vào vòng chiến.

Khi Đệ-nhi thế-chiến chấm dứt vào năm 1945, Hoa-kỳ cũng đã dứt khoát với chủ-trương biệt-lập. Từ nay Hoa-kỳ đã mạnh bạo đảm nhiệm trách nhiệm trên toàn thế-giới. Chính-sách được Hoa-kỳ áp-dụng ngày nay là chính-sách can-thiệp.

Thật ra, Hoa-kỳ không bao giờ hoàn-toàn sống biệt-lập. Ngay cả những lúc chính sách biệt-lập ở vào thời cực-thịnh, Hoa-kỳ cũng không ngần ngại can thiệp vào đời sống thế-giới nếu quyền lợi quốc-gia đòi hỏi. Chính sách biệt-

lập trước đây là qui-tắc tổng-quát và chính-sách can thiệp chỉ là những trường hợp đặc biệt ngoại lệ. Hai chính-sách này đã được áp dụng cùng một lúc trong lịch-sử. Tuy chủ-trương biệt lập nhưng cho tới năm 1917 Hoa-kỳ đã can thiệp vào đời sống thế-giới tới 130 lần.

Từ khi lập quốc tới khi tham gia kỳ Đệ-nhi thế-hiến, sự can thiệp của Hoa-kỳ chỉ có một cách nhất tời và chỉ giới hạn ở vùng vùng nhỏ trên thế giới mà thôi.

Tuy nhiên chính-sách can thiệp của Hoa-kỳ đã tuân theo những định-luật bất biến nhất định và hiện thời vẫn còn giá-trị.

Định-luật đầu tiên của chính-sách can thiệp Mỹ là Châu-Mỹ la-tinh phải thuộc về vùng ảnh-hưởng của Hoa-kỳ. Chính vì vậy mà năm 1823 Tổng-thống J. Monroe và Ngoại-trưởng J. Q. Adams đã đặt ra chủ-thuyết Monroe: « Mỹ-châu không còn có thể được coi là thuộc-địa của Âu-châu và mọi hành-động có phương hại tới các quốc-gia Mỹ-châu sẽ được coi như là bất thân thiện đối với Hoa-kỳ ».

Thuyết Monroe đã có hậu quả là loại mọi âm-mưu tái thôn-tính của Âu-châu để đặt các quốc-gia Mỹ-châu vào vòng lệ-thuộc của Hoa-kỳ. Trong suốt lịch-sử Hoa-kỳ, người ta đã thấy Hoa-kỳ biến Mỹ-châu la-tinh thành những nước bán thuộc-địa. Bằng võ-lực hay áp-lực kinh-tế, Hoa-kỳ đã và đang chế-ngự rất nhiều nước tại lục-địa này. Tuy Cuba đã hoàn toàn thoát ra khỏi vòng kiểm-tòa của Hoa-kỳ, nhưng Hoa-kỳ không bao giờ chấp nhận một quốc-gia nào khác có thể kiểm-soát Cuba. Năm 1962 chỉ vì Nga chở hỏa-tiến và vũ-khí nguyên-tử sang Cuba mà Tổng-thống Kennedy đã có những quyết định nghiêm trọng gần đưa Hoa-kỳ tới chiến-tranh với Nga.

Tuy Hoa-kỳ không muốn đóng vai cảnh-sát nhưng đối với Mỹ-châu la-tinh, Tổng-thống Theodore Roosevelt đã không ngần ngại đưa ra một hệ-luận về bổ-túc thuyết Monroe (corollaire à la doctrine Monroe): « Hoa-kỳ đảm-nhiệm vai trò cảnh-sát quốc-tế để bảo-vệ trật-tự ở Mỹ-châu ». Từ năm 1898 tới 1914 chính-sách can thiệp của Hoa-kỳ ở Mỹ-châu hoàn toàn có màu sắc thực-dân.

Sau định-luật Mỹ-châu la-tinh, ta có định-luật Thái-bình-dương. Thái-bình-dương cũng được coi là khu-vực riêng của Hoa-kỳ, vì là sự nối dài của cuộc Tây-tiến. Chính-phủ Hoa-thịnh-đốn do đó luôn luôn quan-tâm tới đại-dương này. Ta không nên quên rằng năm 1917 và năm 1941, Thái-bình-dương đã là nguyên-nhân trực-tiếp khiến Mỹ phải nhảy vào vòng chiến. Thật vậy năm 1917 Đức chỉ vì sợ phải đối-phó với Mỹ trên Thái-bình-dương mà đã tìm cách liên-minh với Mễ-tây-cơ. Biết âm-mưu của Đức, Hoa-kỳ đã tuyên-chiến với Đức. Năm 1941 Hoa-kỳ chỉ nhảy vào vòng chiến sau khi Nhật tấn công Trân-châu-răng ở Thái-bình-Dương. Nhiều người còn cho rằng chính cũng vì muốn ngăn ngừa âm mưu của Nga tại Thái-bình-dương nên Monroe mới đưa ra chủ-thuyết mang tên ông, mà chúng ta đã có dịp nói ở trên. Để giữ vững con đường Thái-bình-dương Hoa-kỳ đã lần lượt chiếm Hawaii, Midways, Samoa. Năm 1898 lợi dụng một cuộc nội-loạn ở Cuba, Hoa-kỳ tuyên-chiến với Tây-ban-nha để cướp Cuba (ở trên Đại-tây-dương) và nhân dịp cướp luôn Porto-Rico và... Phi-luật-Tân. Như vậy năm 1898 Hoa-kỳ đã thực-hiện được một bước nhảy vọt tới cửa lục-địa Trung-Hoa. Trung-Hoa do đó trở thành một mục-tiêu của ngoại-giao Mỹ. Để có thể bán được

sản-phẩm kỹ-nghệ, Ngoại-trưởng John Hay đã đưa ra thuyết « cửa mở » ở Trung-Hoa.

Sau hết ta cũng không nên quên rằng Hoa-kỳ đã ép buộc Panama ly-khai khỏi Colombie để người Mỹ có thể đào được kênh Panama. Kênh này cho phép hạm-đội của Mỹ di chuyển từ Đại-tây-dương sang Thái-bình-dương một cách dễ dàng vào lúc Nhật đang trở thành một hải-thương cường-quốc.

Hiện thời Thái-bình-dương vẫn còn là mối quan-tâm lớn của nền ngoại-giao Hoa-ỳ. Ta không thể hiểu được ý-nghĩa của sự tham-chiến của Mỹ ở Việt-Nam nếu ta không đặt cuộc chiến tranh Việt-Nam vào khuôn khổ của định-luật Thái-bình-dương.

Sau hết tính-cách lý-tưởng mà ta đã nói ở trên cũng còn có tác-dụng khiến Hoa-kỳ phải can-thiệp mạnh mẽ vào đời sống quốc-tế vì muốn các dân-tộc khác cũng có một mức sống « như Mỹ », nghĩa là cũng tiêu-thụ máy giặt, xe hơi, coca-cola như người Mỹ mà Hoa-kỳ cố gắng can thiệp đôi khi bằng một cách vụng về vào nội-bộ của nhiều quốc-gia khác.

Sau Đệ-nhị thế-chiến, chính-sách can-thiệp không còn là một biệt-lệ của chính-sách biệt-lập mà trở nên một chính-sách chính-yếu. Thật vậy, thế-giới vào năm 1945 đã có một bộ mặt hoàn toàn đổi mới. Các Đại-cường-quốc cũ-điển như Anh, Pháp, Đức đều bị chiến tranh làm tiêu hao kiệt quệ. Hoa - Kỳ và Nga trở thành hai đại-cường chính. Thế-giới bị chia làm hai phần, mỗi phần được đặt vào ảnh-hưởng của một đại-cường. Nga đe dọa cộng-sản-hoá Âu-châu và Á-châu, Hoa-Kỳ bắt buộc phải sử-dụng chính-sách can thiệp để bảo-vệ

cho thế-giới tự do và bảo-vệ cho chính mình. Năm 1947 Anh không còn đủ sức bảo-vệ Hy Lạp. Mỹ phải thay thế Anh trong vai trò chống Cộng tại đây. Cũng năm 1947, thuyết Truman ra đời chủ-trương : Mỹ can-thiệp trên toàn thế-giới để giúp bất cứ một quốc-gia nào bị cộng-sản đe dọa. Với sự xuất-hiện của thuyết Truman, kỷ-nguyên biệt-lập của ngoại-giao Hoa-Kỳ đã chính thức chấm dứt. Với lực-lượng nguyên-tử hùng hậu nhất thế-giới, Hoa-kỳ đã áp-dụng thuyết Truman một cách liên-tục cho tới ngày nay. Tại Âu-châu, Hoa-kỳ đã đưa ra kế-hoạch Marshall để kiến-t iết và phát triển các quốc-gia Tây-Âu ngõ hầu ngăn chặn làn sóng đỏ. Tại Á-châu, Hoa-kỳ đã tham-chiến ở Triều-tiên năm 1950 và ở Nam Việt-Nam từ năm 1950. Sau nhiều nỗ-lực, Hoa-Kỳ đã thiết-lập một hệ-thống liên-minh phòng-thủ chạy dài từ Mỹ-châu tới Âu-châu qua Á-châu với những Minh-ước như Bắc Đại-tây-dương (OTAN), liên Mỹ-Châu (minh-ước Chapultépec), Đông-Nam-Á (OTASE) v.v... Ngoài ra Hoa-Kỳ còn ký những Minh-ước song-phương với các quốc-gia Đại-Hàn, Nhật, Phi-luật-tân, Úc, Tân-tây-lan...

Hoa-Kỳ còn tích-cực tham-gia vào các tổ-chức quốc-tế như Liên-Hiệp-Quốc để góp phần vào công cuộc phát-triển sự thông-cảm quốc-tế. Hoa-Kỳ còn ra sức viện-trợ kinh-tế cho bất cứ nước nào yêu-cầu để mong sẽ lôi cuốn được họ vào vòng ảnh-hưởng của mình.

Đặc-tính của hậu bán-thế-kỷ thứ 20 là sự can thiệp trực-tiếp hay gián-tiếp của Hoa-Kỳ vào đời sống quốc-tế. Sự can thiệp này quá mạnh mẽ và nhiều khi quá vụng về đến nỗi ngay các nước đồng-minh của Hoa-kỳ cũng phải nói tới chính-sách đế-quốc của Mỹ.

oOo

Trong gần 200 năm lịch-sử quốc-gia mà Hoa-kỳ đã dần dần nắm vai trò chủ-chốt trong đời sống quốc-tế. Sự hiện-diện của Hoa-kỳ trên toàn-thế-thế-giới đã là một dữ-kiện quan-trọng và thường-trực khiến nền hòa-bình của thế-giới tùy thuộc rất nhiều vào chính-sách đối-ngoại của Hoa-kỳ. Nếu đường-hướng chính của nền ngoại-giao Hoa-kỳ là tiến-triển từ một chính-sách biệt-lập cô-truyền tới một chính-sách can-thiệp mạnh bạo, thì trong thực-tế hai chính-sách trái ngược này đã thường được áp dụng cùng một lúc. Ngay từ khi lập quốc, Hoa-kỳ tuy lớn tiếng chủ-trương sống biệt-lập, nhưng mỗi khi quyền lợi bị xâm phạm họ đều không ngần ngại can thiệp bằng võ-lực hay ngoại-giao. Thêm vào đó tính-cách lý-tưởng đã thúc đẩy người Mỹ phải áp dụng, tùy trường-hợp, một trong hai chính-sách.

Vì những sự kiện này, ta thấy trong toàn bộ chính sách ngoại-giao của Hoa-kỳ có nhiều mâu-thuẫn: mâu-thuẫn giữa lý-tưởng và thực-tế, mâu-thuẫn giữa chủ nghĩa quốc-tế (internationalisme) và chủ nghĩa quốc-gia và sau cùng mâu-thuẫn giữa chủ-trương can-thiệp và không can-thiệp. Những mâu-thuẫn này đã tạo cho chính-sách đối-ngoại của Mỹ một tính-cách ngập-ngừng, thiếu cương quyết và là nguyên-nhân của nhiều sự trở mặt (vol e face) bỏ rơi mà các nước bạn gọi là những « phản bội » và các nước đối-lập coi là những « thất bại » (1).

TỪ-TRÌ

(1) Thí dụ: trường-hợp Tổng-thống Truman trong vụ bỏ rơi Tưởng-giới-Thạch, trường hợp Tổng-thống Eisenhower trong vụ thương-thuyết với Bắc-Cao bỏ rơi quyền-lợi Nam-Cao, trường-hợp Tổng-thống Kennedy trong vụ Vịnh Con-heo (Baie des Cochons) bỏ rơi những người Cu-ba quố-c-gia v.v...

**Tăng cường sinh lực**

**bằng**

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

1483BYT - D.P.Đ.C

# LÃO XÁ

Đất-đai, khí-hậu không luôn luôn giải-thí h được tính tình con người nhưng có ảnh-hưởng ít nhiều đến cảm-quan của ta.

Mao-Thuần sinh ở Chiết-Giang, một tỉnh gần biển, nhích về phía Nam, tính tình lãng-mạn, đa cảm, ưa tả những thiếu-nữ u-sầu; Lão Xá sinh ở Bắc-kinh, xa biển, tính tình tự nhiên, thẳng thắn, ưa tả phái nam hơn; Mac-Thuần bông-bột, dễ dàng hưởng-ứng với cách-mạng, Lão Xá trầm tĩnh, trung thực với cá-tính của mình và tới bốn mươi tuổi mới thấy cách-mạng có lẽ là cần-thiết; văn của Mao-Thuần hoa-mĩ, văn của Lão Xá mạnh mẽ, dùng nhiều thô-ngữ Bắc-kinh, nên những người miền khác, nhất là người Việt mình, khó hiểu được hết.

Lại thêm ảnh-hưởng của giáo-dục cùng hoàn-cảnh: Mac-Thuần đọc nhiều sách Nga và Pháp; Lão Xá học ở Anh, rất thích Dickens; trong những năm 1925-1930, Mao-Thuần ở trong nước, có dịp dự vào phong-trào cách-mạng, còn Lão Xá thì ở Luân-Đôn và ân-hận rằng đã vắng mặt trong cuộc vận-động Ngũ-táp.

Còn ảnh-hưởng quan-trọng nhất, ảnh-hưởng của gia-đình, thì chính Lão Xá đã chép lại cho ta trong tập *Lão ngưi phá xa* (Chiếc xe nát của con bò già).

*« Tôi nghèo từ hồi nhỏ. Tính tình tôi chịu ảnh-hưởng sâu xa của má tôi — người khẳng-khái chịu đói chứ không chịu xin ai, nhưng người cũng rất ngay thẳng trong sự giao-thiệp với mọi người. Vì tôi nghèo nên tôi nghiêm-khắc với đời (...), vì tôi thẳng thắn nên tôi có chút thiện-cảm với người khác. Tôi phân tích sơ sơ như vậy để độc-giả hiểu tại sao tôi cười cợt để chỉ-trích thói xấu chứ không bao giờ thâm độc tới hại người. Tôi không có giọng mỉa-mai chua-chát mà có giọng trào-phúng nhẹ nhàng. (...) Tôi ghét kẻ ác, nhưng kẻ ác cũng có phía tốt của họ; tôi yêu người tốt, nhưng người tốt cũng có sở-đoán của họ. Tôi mới tìm ra được điều này « sự tinh-ranh của kẻ nghèo cũng có chút công-bình ».*

Ông tên là Thư-Khánh-Khuan, dòng-dõi người Mãn, sinh ở Bắc-kinh năm 1897, nhà nghèo, học ở Đại-học Bắc-kinh rồi qua Anh học trường Oxford Ông vừa học vừa viết tiểu-thuyết và nhờ sự giới-thiệu của Lạc-Hoa-Sinh, lúc đó cũng ở Luân-Đôn, tiểu-thuyết đầu tay của ông, *Lão Trương đich triết-học* được đăng trên *Tiểu-thuyết nguyệt-báo* năm 1926 và được độc-giả đề ý đến liền.

Năm 1930 ông về nước, ghé Tân-gia-ba, được mục-kích lần đầu những cuộc bạo-động của cộng-sản mà lòng rất xao-xuyến. Từ 1931 đến 1935 ông học ở nhiều trường rồi bỏ nghề để chuyên trứ-tác. Các tạp chí tranh nhau mua tác-phẩm của

ông, và để thỏa mãn họ, ông phải viết vội. Trong khoảng mấy năm đó, ông cho ra được sáu bảy tập truyện dài và ngắn, đều có tính cách trào-phúng: *Nhị-Mã*, *Triệu tử Viết*, *Ly hôn*, *Miêu thành ký*, *Tiểu-Pha đích sinh-nhật*, *Ngư-Thiên-Tử truyện*, *Anh hải tập*.

Trong thời kháng Nhật, ông soạn kịch, làm vè, và viết hai bộ truyện giá-trị đều kém: *Hỏa táng*, *Tứ thế đồng đường*.

Tin ở Hương-Cảng ngày 1-10-66 cho hay ông, bị vệ-binh đỏ làm nhục mà tự-tử. Lúc đó ông đã 69 tuổi.

oOo

Truyện *Lão Trương đích triết-học* (Triết-học của Lão Trương) được độc-giả thích vì có giọng trào-phúng, chữ kỹ-thuật còn non. Khi chép lại kinh-nghiệm viết văn của mình trong tập *Lão ngư phá xa*, Lão Xá thú thực rằng viết truyện đầu tay đó, ông phỏng theo lối của Dickens trong truyện *Nicholas Nickleby* và truyện *Pickwick papers*. Ông moi ký-ức, thấy truyện gì ngộ ngộ thì chép, chẳng cần nối lại cho có đầu đuôi, cho được nhất trí. « Y như một người mới mua chiếc máy ảnh đầu tiên, vội nhắm bên đây bấm một cái, nhắm bên kia bấm một cái, cứ thấy cảnh nào linh-động nhất là chụp đại, chẳng lựa chọn sắp đặt cho thành một đại-thề, cũng chẳng lưu-ý tới ánh sáng, bóng tối ».

Tới truyện *Triệu Tử Viết*, kỹ thuật đã khá hơn. Nhân vật chính, Triệu Tử Viết, là một chàng vô tư, ham vui, tiêu tiền không tiếc, và ngây thơ gần như ngốc. Gã chỉ mong được một chức gì trong chính phủ Bắc-kinh để mở mặt với đời. Mà chính Phủ Cộng-hòa hồi đó, mới thành lập, cực kỳ thối nát, tham nhũng. Gã mời bạn bè chè chén, tiệc tùng, mong được bạn giúp đỡ, chạy chọt cho mình một chân trong công sở, rốt cuộc chỉ được làm gia sư cho một tướng lãnh. Bạn bè gã khuyên gã ủng hộ một hội tranh đấu cho nữ quyền, nhưng con đường đó cũng chẳng đưa gã tới đâu: gã tốn bộn tiền, chỉ được thấy tên mình nêu lên trên vài số báo. Sau gã còn bị bạn và gái lừa nữa, gia tài gần khánh tận. Lúc đó gã mới tỉnh ngộ, và một người bạn tốt của gã, Lý Cảnh Thuần, khuyên gã: « Chỉ có hai đường: một là vùi đầu nghiên cứu để xây dựng lại tinh thần quốc gia; hai là làm một hiệp sĩ giết bọn bất lương, sâu mọt của xã hội. Như vậy đời mới có ý nghĩa. » Gã lựa con đường sau, định ám sát Vũ Đoan, một tên gãa như búa nước. Nhưng gã chưa kịp ra tay thì chính Lý Cảnh Thuần đã bị bắt vì âm mưu giết một số tham quan ô lại, còn Vũ Đoan thì hối hận vì hành động bỉ ổi của mình, lựa con đường nghiên cứu để giúp nước.

Đọc đoạn tóm tắt ở trên, độc giả cũng đoán được rằng, tác giả đã lựa đề tài đó có thể mĩa mai mọi giới trong xã hội đương thời, từ bọn quan lại tới bọn chính khách, sinh viên, quân đội..

Đây một đoạn về sinh viên và quân đội:

« Có hai lực lượng mạnh trong xã hội mới là quân đội và sinh viên, chỉ trừ người ngoại quốc ra thôi, còn ai cũng bị quân đội quất cho ba cái... Chỉ

trừ quân đội ra thôi, còn ai cũng bị sinh viên đập cho bả g gậy. Vì vậy hai lực lượng đó hợp tác với nhau thì dân chúng ý thức được chính sách của võ bị".

Đọc truyện của ông ta thấy xã hội Trung-Hoa thời đó sao mà giống xã hội chúng ta mấy năm gần đây thế: quan lại thì tham nhũng, chính khách thì xôi thịt, linh tráng thì hung hăng mà sinh viên thì vô kỷ luật. Có gì mới mẻ dưới gầm trời này đâu! Cơ hồ như dân tộc nào mới đầu cũng phải xém cái vị chua chát của chế độ Cộng-hòa trong một thời gian đã.

Tin tưởng của tác giả hiện rõ trong đoạn kết: muốn cứu quốc thì nên nghiên cứu các học thuyết để cải tạo tinh thần dân tộc như Vũ-Đoan. Ông là một nhà ái quốc: ôn hòa, có thể nói là không theo kịp thời đại nữa.

cOo

Truyện *Nhị Mã* (Hai cha em họ Mã) vạch những mâu thuẫn nực cười giữa hai thế hệ, cha và con, và giữa hai dân tộc, Anh và Trung Hoa, Mã Tắc Nhân và con trai là Mã Uy qua Luân Đôn, cha mê một quả phụ Anh, con mê thiếu nữ của quả phụ đó. Tâm lý không sâu sắc, truyện có tính cách khôi hài, tác giả muốn châm biếm thái độ kẻ cả của người Anh và thái độ tự ti hoặc tự cao vô lý của kiểu bà ông ở Luân Đôn.

*Tiểu Pha dịch sinh nhật* (Ngày sinh nhật của bé Pha) chỉ là một truyện cho trẻ em, nhưng chứa nhiều nhận xét tế nhị về tình ngầy thơ của một đám trẻ Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ.

Trong *Miêu thành nhật ký* (Nhật ký trong châu thành của loài mèo), ông dùng giọng phúng thích của Lỗ Tấn để mặt sát bọn nghiệp thuốc phiện, tư cách đê hèn, quỉ mọp trước ngoại nhân, để cho Nhật hiệp đáp. Có giá trị về tài liệu, kỹ thuật kém xa Lỗ Tấn.

cOo

*Ngưu Thiên Tứ truyện* tuy không thành công nhưng cũng đáng giới thiệu vì đánh dấu sự thay đổi thái độ của tác giả. Trước kia Lão Xá nghĩ rằng, muốn cứu nước thì cá nhân phải tự cải thiện và khi mọi người sáng suốt, có đức hạnh thì xã hội sẽ tiến. Hành động của bọn hiệp sĩ thời cổ không còn hợp thời, chỉ còn có con đường nghiên cứu và truyền bá những tư tưởng tân tiến mà xác đáng. Chủ trương của ông gần như chủ trương duy tân. Trong cuốn *Li hôn* ông khuyên mỗi cá nhân phải có can đảm đoạn tuyệt với quá khứ hủ lậu, với hiện tại xấu xa để thực hiện một đời sống mới. Tóm lại, ông tin ở sức mạnh của cá nhân.

Nhưng trong truyện *Ngưu Thiên Tứ* ông bắt đầu ngờ sức mạnh ấy và trong truyện sau, *Lạc đà Tường Tử*, ông thấy cần phải hành động tập thể mới có kết quả. Không rõ ông có chịu ảnh hưởng của phái tả hay không mà thay đổi lập trường như vậy, chỉ biết rằng trước khi xuất bản hai truyện trên, ông được cảm tình của mọi phe, và khi chiến tranh Trung Nhật xảy ra thì phe tả đề cao ông, bầu ông làm chủ tịch hội Văn-ngệ chống địch.

*Ngưu Thiên Tứ* là một đứa trẻ bỏ rơi, được một phú nông đem về nuôi. Bản



tiền nó tốt, thương dân nghèo, muốn giúp đỡ họ, nhưng vì sống trong một gia đình địa chủ, nó cũng nhiễm thói xa hoa, tàn nhẫn của giai cấp đó, vung phí tiền của và khi cha nuôi nó phá sản, chết, nó mới thấy giá trị lớn lao của đồng tiền, cho tiền bạc là tất cả, vì cả nền văn minh nhân loại xây dựng trên tiền bạc. Từ đó nó quyết tâm học hành để làm giàu cho thật mau. Sau đó thành công, nhưng thành công mà chính là thất bại vì nó đã đánh mất thiên lương. Tác giả muốn chứng tỏ rằng trong một xã hội xấu xa con người khó mà lương thiện được.

Trong truyện *Lạc đà Tường Tử*, tác giả tiến một bước nữa, vạch sự thất bại của những chiến đấu cá nhân. Truyện này thành công nhất, năm 1945 được dịch ra tiếng Anh, nhan đề là Rickshaw boy (Người phu xe).

Một thanh niên lương thiện, ít nói, khỏe mạnh, có chí, tên là Tường Tử, làm nghề kéo xe ở Bắc Kinh. Hắn chỉ có ước mơ tham vọng là để dành đủ tiền để mua một chiếc xe mà thành hạng "phu xe cao đẳng". Hắn mồ côi từ nhỏ, không nhớ ngày sinh tháng đẻ, định ngày nào mua được chiếc xe thì lấy ngày đó làm sinh nhật.

Mới thực hiện được cái mộng đó thì chẳng may bỗng bị một bộ đội bắt làm cu li và cướp luôn chiếc xe. Một hôm hắn trốn thoát được, dắt theo ba con lạc đà của quân đội, đem bán vội lấy ba mươi lăm đồng. Hắn biết rằng hành động đó bất lương nhưng tự bào chữa: tại họ cướp giật xe của hắn, hắn mới ăn cắp lạc đà để bù lại. Từ đó lòng lương thiện của hắn giảm dần.

Vẫn không bỏ cái mộng làm chủ một chiếc xe, hắn kéo ngày kéo đêm, cố để dành tiền. Chủ xưởng xe Nhân Hòa, họ Lưu, cho hắn ngủ trong nhà chứa xe. Con gái chủ xe, tên là Hồ Nữ (1), vừa xấu xí vừa dữ tợn, 37 tuổi mà chưa chồng, ve vãn hắn. Hắn không thích ả, vẫn định hễ có tiền thì cưới một chị nhà quê khỏe mạnh hiền lành. Sợ ở lâu gỡ không ra, hắn bỏ đi, làm công cho giáo sư Tào, một người có tư tưởng xã hội. Một hôm công an tới xét nhà giáo sư, vợ vét hết số tiền hắn dành dụm được, thế là hắn phải trở về xưởng Nhân Hòa, sống với Hồ Nữ. Cũng vẫn là những nét xấu xa của xã hội thời đó: lính tráng thì cướp bóc, quan lại thì tham nhũng.

Lão Lưu không cho con gái lấy một tên phu xe. Hồ Nữ bỏ nhà, mượn một căn tại xóm lao động, sống với Tường Tử.

Tai nạn liên tiếp xảy tới, Tường Tử nằm liệt giường hai tháng, kể đó Hồ Nữ chết vì khó sanh. Hắn phải bán chiếc xe mới mua được nhờ tiền của vợ, để lo việc chạy chữa và tống táng. Tay trắng lại hoàn tay trắng.

Hắn thương một gái điếm tên là Tiểu Phúc Tử, muốn sống chung với ả, nhưng lại sợ gánh nặng của ả: ả phải nuôi một người cha nghiện ngập và hai đứa em trai. Chán nản, hắn đâm ra hút sách, rượu chè.

Có lần hắn muốn tu tỉnh lại, nhưng không được lâu, rồi lại bê tha kiếm được đồng nào tiêu hết đồng ấy, có khi ăn cắp vặt, rốt cuộc phải đi xin ăn trong các đám cưới hay đám ma.

(1) Miền quê phương Bắc Trung-Hoa người ta gọi con gái là nữ, tức như ngoài Bắc ta gọi là "cái", Hồ nữ là cái Hồ.

Trong đời hai lần hẳn gặp một người phu xe già. Lần đầu lão dắt một đứa cháu nội về một quán trà, ngồi cùng bàn với hẳn, kể chuyện cho hẳn nghe, trước kia lão cũng có chí, cũng dành dụm mua được một chiếc xe, cũng thành một « phu xe cao đẳng », mà rồi mỗi ngày một suy, tới giờ thì thành ra thân tàn ma dại. Lão chịu thua, không đấu đấu nữa. Lần đó hẳn ở quán trà rơ, hoang mang, mất tự tin.

Lần sau, vào cuối truyện, lão phu xe đã hoàn toàn cô độc (đứa cháu nội đã chết), tâm sự với hẳn :

« Em tưởng có thể một mình tự xoay xở mà làm nên được ư ? »

Ai mà chẳng tưởng như vậy ? Nhưng có ai một mình tự xoay xở mà thành công không ? Hồi đầu thân thể qua xương còn cứng, lòng còn tốt, xoay xở cho đến bây giờ dề đến nông nổi như vậy đây ! Thân cứng ư ? Nhưng hạng người như sắt đá cũng không trốn khỏi cái thiên la địa võng (1) Lòng tốt ư ? Nhưng ích lợi gì ? Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo ư ? đâu có cái chuyện nhà Phật ấy ! Qua hồi tuổi còn trẻ, đúng là người có nhiệt tâm, thấy việc của người mà coi như việc của mình. Có ích gì không ? Không. Qua đã cứu mạng cho thiên hạ, kẻ trảm mình, kẻ treo cổ, qua đều cứu cho cả, mà có báo ứng không ? Không !

Qua nói em nghe này, không chừng một ngày nào đó qua sẽ chết công cũng nên, qua thấy rõ mà. Cái thân cu li cu leo mà tính chuyện một mình xoay xở làm nên được thì còn khó hơn là lên trời nữa. Một cá nhân thì sức mảy mà đòi nhảy vọt ? Này, em có nhìn con châu chấu chắc bao giờ không ? Một mình nó có thể nhảy xa được đấy, nhưng khi nó bị một đứa trẻ bắt, cột nó oào sợi chỉ thì đến bay nó cũng không bay được nữa. Nhưng nếu nó hợp nhau thành đàn, ào tới từng đám thì phải biết, chỉ một loạt là chúng phá hoại hết cả một mùa màng, không ai ngăn cản nổi. Phải vậy không em ? Lòng qua vẫn tốt chứ, vậy mà đến đứa cháu nội, qua cũng không nuôi nổi. Nó đau, qua không có tiền mua nổi thuốc cho nó, nhìn nó chết trong tay mình ! Thôi nói nữa thêm rầu ! Có trà rồi kia. Trà còn nóng thì uống đi chứ !

Thực là chán nản ! Sự chiến đấu của cá nhân trong một xã hội sa đọa theo Lão Xá chỉ là công dã tràng. Mà ông có lý. May mắn lắm, một trên muôn, ức hay triệu, mà có kẻ nào thành công thì lại vì tiếm nhiệm mà bỏ rơi mất cái thiện lương như Ngưu Thiên Tứ. Phải đoàn kết nhau lại như châu chấu kia thì mới được. Lời của lão phu xe có giọng như đe dọa.

Vậy tư tưởng Lão Xá đã thay đổi, đã thiên tả, mặc dầu ông vẫn còn độc lập. Phân tích nguyên do thất bại của Trương Tử, ta thấy xã hội chịu trách nhiệm một phần lớn (bộ đội đã cướp chiếc xe của hẳn, bọn công an đã vợ vét số tiền dành dụm của hẳn, bọn y sĩ, phù thủy đã móc túi hẳn khi vợ hẳn đau...) Còn một phần nữa là do xui xẻo (hẳn đi hai tháng mới mạnh thì vợ hẳn chết), nhưng trong một xã hội con người gặp xui xẻo mà không được cứu mang thì xã hội đó cũng không phải là tốt đẹp.

(1) Lưới trời lưới đất.

Tuy nhiên xã hội đó không phải gồm toàn những người xấu : cả gia đình giáo sư Tao đều rất thương người, mà mối tình của cô gái điếm Tiểu Phúc Tử đối với vợ chồng hấu cũng chắt thành, cả n động. Tác giả không có vẻ bôi nhọ xã hội cho hợp với chủ trương của mình, ông có thiện cảm với người nghèo và với một giới trí thức tấn bộ, nhờ vậy tác phẩm được hoan nghênh.

Đọc xong truyện, không ai quên được hình ảnh Tường Tử, cuộc đời chìm nổi của hắn ; không ai không thương hại người lao động ngay thẳng, can đảm, rần thoát ly cuộc đời « lạc đà » (1) của mình đó. Nhiều cảnh sinh động, nhiều nét sâu sắc về tâm lý. Toàn truyện có tính cách hiện thực và bố cục đã chặt chẽ. Giọng văn mạnh mẽ, hóm hỉnh lại có hương vị tiếng địa phương miền Bắc. Nghệ thuật vượt hẳn những tập trước và hơn cả những tập sau. Các nhà phê bình dù tả dù hữu, cũng đều nhận rằng *Lạc Đà Tường Tử* là một trong vài truyện hay nhất của văn học Trung Hoa hiện đại.

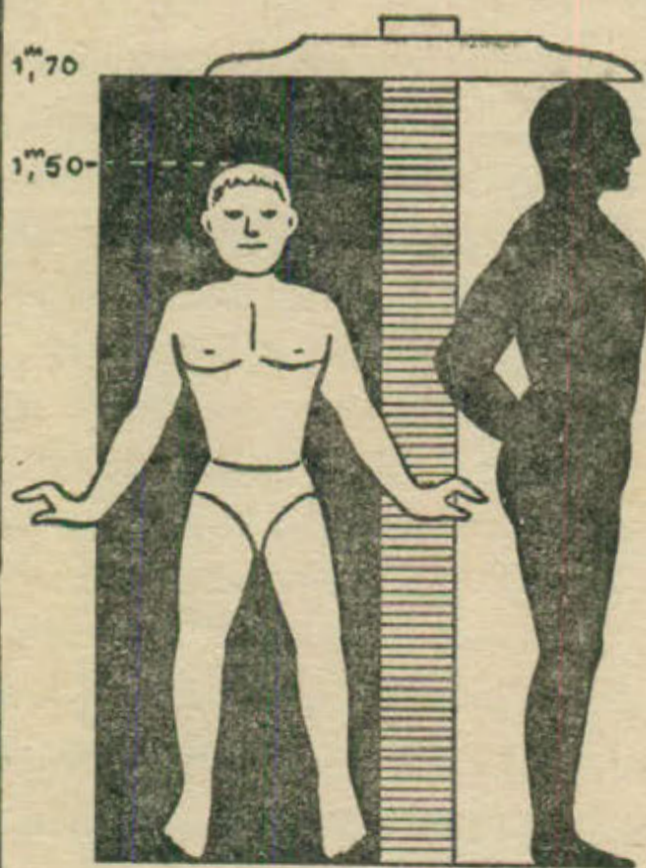
NGUYỄN HIỂN LÊ

(1) Tiếng « lạc đà » ở miền Bắc Trung Hoa, nghĩa bóng trỏ những cái gì khom khom như lưng lạc đà ; trong truyện tác giả dùng để trỏ bọn phu khom lưng kéo xe.

KN S6 78 MBYT/QCDP

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ  
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

# Đóng khung giáo-lý

NGUYỄN-THẢO

Có người đã nhận xét một cách khá lý-thú : Cái hay trong giáo-lý Đức Phật không phải ở những điều Ngài nói ra mà chính ở những chỗ Ngài lặng thinh không giải đáp. Bởi vì, nếu giáo-lý Đức Phật chỉ vồn vện ở những điều Ngài đã thuyết-minh thì chẳng có gì là đặc-sắc để có thể chinh-phục cả thế-giới... Nhưng kết-quả ngược lại là do ở những thắc-mắc còn lung-chừng chưa được giải-đáp lúc Phật còn tại thế... (1)

Nhận xét trên đây chưa biết có được xác-đáng không. Nhưng cứ theo lối nhận-xét này, hẳn người ta có một ý-nghĩ tương-tự như sau : Giáo-lý Đức Phật gồm hai hình-thức : một hình-thức được thuyết-minh rõ ràng trong khi Ngài tại thế và một hình-thức nữa, Ngài chỉ dùng sự yên-lặng, hay đúng hơn, chỉ dùng sự gợi ý gián-tiếp. Những điều chỉ dạy thuyết-minh thì gọi là giáo-lý đã đành, mà những chỗ lặng thinh hay gián-tiếp gợi ý cũng gọi là giáo-lý. Và cái hay không phải ở chỗ Ngài đã nói ra mà chính ở chỗ Ngài không nói.

oOo

Thông thường ai cũng nghĩ rằng chỉ những điều Đức Phật đã chỉ dạy mới được gọi là giáo-lý mà thôi. Nghĩ như thế rồi, mới tìm cách đóng khung những lời của Ngài để làm khuôn vàng thước ngọc cho muôn đời. Và cũng do đó, mà có ý-nghĩ phải theo cho đúng với phương-pháp hành-tri và hình-thức tổ-chức giáo-hội như trong thời Phật còn tại thế, mới gọi là đúng theo truyền-thống.

Nhưng khổ nỗi, xã-hội nhân-loại, không chịu mãi-mãi đứng yên một chỗ. Và trí-thức con người cũng thế, không phải lúc nào cũng bằng lòng đi theo những đường mòn mà người đi trước đã khai-phá. Tính-chất của trí-thức là luôn luôn hoài-nghi và phản-kháng để tìm một hướng đi mới cho thích-hợp với hoàn-cảnh hơn.

Vả lại, thực-tế cũng cho thấy rằng :

những điều được ghi chép thành lịch-sử, nhiều khi không được phản-ảnh một cách trung-thực vì không thú-vị cho bằng những điều còn tản-mát trong huyền-sử, dã-sử. Bởi vì, màng lưới lịch-sử bao giờ cũng khôn khéo lọc-lựa những gì được cho là hợp-lý hay hữu-ích. Nhưng điều hợp lý hay hữu-ích của lịch-sử lúc này lại nhiều khi không thể là điều hợp-lý hay hữu-ích của lịch-sử lúc khác. Đã có sự lựa-chọn phân-biệt, tức luôn luôn có phủ-nhận hoài-nghi đi theo. Cho nên, con người được xuất-hiện trên lịch-sử, bao giờ cũng bị cắt xén thành phiến-diện.

Phải chăng, theo chiều-hướng này, khi nào người ta cố gắng về Đức Phật trong những vòng hào-quang rực rỡ ngũ sắc, tìm những chất quý-báu nhất trên

(1) Theo ý Jacques Bacot (Le Bouddha — trang 10-41).

đời để đóng khung những lời dạy của Ngài, thì lại còn có người tìm về Đức Phật trong hình bóng một con người lạng lẽ bước đi trong cát bụi (trên lưu vực sông Hằng và suy nghĩ về Ngài ở những chỗ mà kinh sách thành văn không chép hay chỉ ghi rằng: Đức Phật lạng thình, không giải-đáp. Chính những chỗ này mới là những chỗ kêu gọi lý-thú để suy nghĩ nhiều hơn về Ngài.

Tại sao Phật không nói? Tại sao kinh sách không ghi? Phải chăng vì đối-tượng là người nghe pháp hay phải chăng vì hoàn-cảnh xã-hội đương thời?

Trong kinh sách thành văn có ghi lại mầu chuyện như sau:

Một hôm Phật ở tại khu rừng Simsapa, Ngài hái một tấm lá và hỏi các đệ-tử:

— Các người xem, lá ta nằm trong tay nhiều hay lá trong rừng nhiều?

— Bạch Thế Tôn, lá trong rừng nhiều hơn.

— Cũng như thế, những điều mà ta nói với các người cũng rất ít so với những gì ta biết. Nhưng nếu nói hết ra, thật chẳng có lợi gì cho đạo diệt khổ cả..

Rõ ràng, vì mục đích mà Đức Phật phải phương tiện cắt xén sự giác ngộ của Ngài ra để thuyết minh. Và như thế, nếu tìm hiểu Đức Phật qua những lời Ngài đã nói, thì thật tình, đã hủy hoại rất nhiều sự giác ngộ của Ngài để giữ lấy một mảnh vụn. Và nếu chỉ chấp nhận những gì Phật nói ra mới là Giáo lý, thì gần như vô tình nói rằng chỉ có mấy cái lá trong tay mới được gọi là lá mà thôi chẳng?

Ở một chỗ khác, Phật cũng thừa biết

cái bịnh cố chấp của chúng sanh, nên đã dặn:

« Tất cả giáo lý chỉ có giá trị như ngón tay chỉ mặt trăng, đừng có lầm lẫn ngón tay là mặt trăng »

(*Kinh Viên Giác*)

Giáo-ly chỉ là phương tiện chứ không phải mục đích. Mà đã là phương tiện, tức luôn luôn phải tùy thời, tùy nơi cũng như tùy đối tượng.

Một hôm, Vua A-Xà-Thế phái một vị đại thần thân tín đến hỏi ý kiến Đức Phật trước khi đem quân đánh một nước lân cận. Đức Phật đã không trả lời trực tiếp nên đánh hay không nên đánh mà Ngài chỉ dạy gián tiếp bằng cách hỏi người đệ-tử bên cạnh là A-Nan về đời sống dân nước kia như thế nào, tổ chức như thế nào và hằng ngày sinh hoạt như thế nào...

Tất cả cuộc đối-thoại giữa Phật và người đệ-tử được vị đại thần kia về tâu lại, và nhờ đó Vua A-Xà-Thế đoán hiểu được lời dạy gián tiếp của Ngài.

Tại sao Phật không nói thẳng? Thật quá dễ dàng để thấy rằng trước một tình thế nghiêm trọng, trước một vấn đề khá tế-nhị, nói thẳng không phải là phương tiện thích hợp. Trong trường hợp này, nếu cứ hiểu trực tiếp theo cuộc đối thoại giữa Phật và Ngài A-Nan, thì làm sao có thể hiểu được câu trả lời chính mà Phật gián tiếp muốn nói.

Từ phạm vi này, người ta có thể nghĩ rằng, nếu vì một tình thế nghiêm trọng, trước một vấn đề tế nhị, Đức Phật đã nói tránh theo một lối gián tiếp, thì cũng có thể vì một hoàn cảnh xã hội Ấn-Độ lúc đó và tri thức con người lúc bấy giờ mà Ngài đã phải quyền biến

nói ra những phương tiện hóa độ cho thích hợp. Nếu hiểu như thế, thì không thể coi những phương-tiện này có tính-cách bất biến muôn đời, lại càng không thể coi những phương-tiện này như là tất cả sự giác ngộ của Phật.

Một xã-hội Ấn-Độ từ lâu được tổ chức: theo sự phân định cổ hữu của Bà-lamôn: xã hội 4 giai cấp. Sự hiện hữu 4 giai cấp được mọi người coi như một hợp-lý phải có. Cho nên, với sự giác ngộ Phật tinh bình đẳng, Đức Phật đã phải tìm cách san bằng thành kiến giai cấp không phải chỉ ở trong những lời thuyết pháp mà cả trong sinh hoạt giáo hội. Ngài chủ trương thu nhận bình đẳng từ kẻ vương giả cho đến người hạ tiện. Tất cả đều phải mang bát đi xin cơm và đi xin cũng phải bình đẳng không được phân biệt chỗ giàu nơi nghèo.

Đến như tri-thức con người cũng vậy, đã từ lâu nằm trong ảnh-hưởng giáo-dục của Bàlamôn, luôn luôn đặt vấn đề ở những đối-tượng siêu-hình xa-xăm là những hữu-ngã, vô-ngã, thế-giới trường-cửu hay biến-hoại v. v... mà bỏ quên những thực-tiến thiết-yếu để giải thoát. Phải chăng vì thế mà Đức Phật đã bắt đầu giáo-lý của Ngài bằng hiện tại, kéo con người về, nhón vào hiện-tại. Hiện-tại là khổ, đâu là nguyên-nhân làm cho khổ. Hạnh-phúc là khi hết khổ và những con đường nào đưa đến hạnh-phúc nói trên. Đó là tứ đế. Muốn giải-thoát thì phải bắt đầu bằng bốn chân-lý thực-tiến đó không thể đặt vấn-đề viển-vông được.

Đức Phật đã tùy bệnh cho thuốc, tùy xã-hội và con người mà thuyết-minh phương-tiện hóa độ. Từ đây, mới thấy được phần nào ý nghĩa tại sao sau khi thành đạo, Đức Phật lại ngần ngại chưa muốn đi thuyết-pháp độ-sanh

mà muốn nhập Niết-bàn ngay. Trong kinh cũng có chỗ giải rằng: Đức Phật thấy sự giác-ngộ của Ngài quá cao-xa mà căn-cơ của chúng-sanh quá thấp, làm sao hóa-độ được hữu-hiệu. Bởi thế nên Ngài do dự ..

Vậy, hiển nhiên, đối-tượng của giáo-pháp là chúng-sanh, là xã-hội loài người. Mà xã-hội loài người không phải lúc nào cũng là xã-hội bốn giai-cấp. Và tri-thức nhân-loại không phải luôn luôn nằm trong phạm-trù kiến-thức của Bàlamôn. Xã-hội từ chế-độ này sang chế-độ khác, tri-thức từ trạng-thái này sang trạng-thái khác, luôn luôn thay đổi, đành rằng thay đổi không có nghĩa là đoạn-tuyệt hẳn với quá-khứ.

Đức Phật cũng đã giác ngộ sự-kiện này, nên sau khi thuyết pháp xong Ngài phủ nhận ngay:

« Ta thuyết pháp 49 năm, nhưng thực ra chưa từng nói một lời »

(*Kinh Lăng Già*)

Hay ở một chỗ khác, Ngài dạy:

« Nay các thầy Tỳ Khưu, giáo lý của ta chẳng khác nào chiếc bè, nó chỉ để chở ta qua sông mà thôi, chứ không phải để đội trên đầu hay mang trên vai mãi mãi. Như vậy rồi các người cũng phải vứt bỏ giáo lý ấy đi như người kia vứt bỏ chiếc bè đã đưa họ qua mé bên kia. »

(*Kinh Trung A-Hàm*)

Giáo lý Đức Phật không phải là giáo điều luôn luôn cố định mà uyển chuyển theo đối tượng, theo hoàn cảnh. Do đó, nếu cứ mãi suy nghĩ về Ngài và giáo lý của Ngài trong những vòng đã khép kín, trong những khung đã đóng sập, đôi khi lại còn cố gắng rập theo cho đúng khuôn khổ những sinh hoạt thời Phật còn tại thế, thật quả là làm cho giáo lý của Ngài trở nên nghèo nàn, hạn hẹp. Hay nói một cách khác, trả Phật giáo trở về cái xã-hội bốn giai cấp của thời Bàlamôn

ngự trị, chứ không phải đưa Phật giáo vào đời sống của con người hiện hữu. Cứ theo đà đó, Phật giáo sẽ dần dần trở thành một môn đồ cổ để trang trí một viện bảo-tàng mà thôi.

Mặt khác, về phương-diện lịch-sử, kinh sách thành văn chưa được thực hiện trong thời Đức Phật, mà mãi đến kỳ kết-tập thứ 3, thời vua A-Dục (Asoka — 267 năm trước kỷ-nguyên) và kết-tập thứ 4, thời vua Kaniska (đầu thế kỷ thứ 2, sau kỷ nguyên) mới có, nghĩa là sau ngày Phật Niết-bàn khoảng 200 năm trở đi. Như thế, Kinh sách thành văn được thực hiện sau Phật hai thế-kỷ có đủ bảo đảm phản ảnh trung thực giáo lý Đức Phật hay chỉ cắt xén phần nào, hoặc đã được nhìn dưới một lăng kính khác. Cứ thử tìm lại những nguyên nhân vì đâu đưa đến các cuộc kết-tập lần thứ 3 và thứ 4 thì đủ biết có nhiều bất đồng quan điểm về giáo lý của Phật. Năm vua Asoka tức vị thứ 18, có nhiều mối phân tranh về giáo lý Đức Phật, nhà vua rất lo ngại cho tiền đồ Phật pháp, liền quyết ý muốn xác định lại giáo lý, mới sai sứ giả đến thỉnh Ngài Mục-Kiền Liên-Đế-Tu (Moggaliputta-Tissa). Ngài Mục-Kiền Liên-Đế-Tu vâng sắc lệnh, tuyển bạt 100 vị trong tầng chúng họp tại Hoa Thị Thành (Pataliputra) để kết tập lại kinh điển. Đó là kỳ kết tập thứ 3. .. (1)

Tương truyền Vua Kaniska, cứ mỗi ngày thỉnh một vị tăng vào cung để nghe thuyết pháp. Nhưng lại thấy giáo nghĩa của mỗi vị, mỗi khác nhau. Nhà vua lấy làm ngờ vực, đem hỏi Ngài Hiếp Tôn Giả (Parsva). Tôn Giả cho vua biết lý do vì có nhiều bộ-phái nên giáo nghĩa không giống nhau. Vua thấy thế mới nảy ra ý nghĩ thống nhất

giáo nghĩa của mọi bộ-phái nên bàn với Ngài Hiếp Tôn Giả, rồi phát nguyện mở Đại-hội kết-tập. Đó là kỳ kết-tập thứ 4. (Sau Phật nhập Niết-bàn khoảng 600 năm, tức đầu thế kỷ 2, sau kỷ nguyên) (2)..., Và như thế, kinh sách thành văn để lại sau các kỳ kết-tập kể trên, thế nào chăng nữa, cũng chỉ phản ảnh ý kiến của một nhóm, hoặc đa hoặc thiểu số.

Mà chẳng nói chi đến 200 năm sau Phật nhập Niết bàn, mà chỉ ngay sau khi Phật nhập Niết bàn, tức cuộc kết tập đầu tiên trong hàng Thất Bát La, do Ngài Ca Diếp chủ tọa, nghĩa là cuộc kết tập của những người đã sống trực tiếp bên cạnh Đức Phật, thế mà cũng có chỗ nói rằng, có một nhóm không đồng quan-điểm, nên đã triệu tập một cuộc kết-tập khác ngoài hàng Thất Bát La, trong đó có tôn-giả Phú Lô Na... (3)

Cũng nên nói thêm rằng lý do sa khác nói trên không có gì là khó hiểu, bởi vì Đức Phật đã tùy cơ thuyết pháp, tùy thời hóa độ thì mọi người khó có thể khẳng định một giáo nghĩa chung.

Đấy, sau ngày Phật nhập Niết bàn, quan điểm về giáo lý đã không thống nhất được thì sau Phật hai ba đến sáu bảy trăm năm, sự dị biệt quan-điểm tưởng không thể không có.

Cho nên, nếu cứ khẳng khẳng chủ trương rằng, chỉ có kinh sách thành văn được kết-tập để lại (tức kinh sách Nam truyền hiện nay) mới là kinh sách chánh thống để làm mẫu mực noi theo, thiết tưởng chưa phải là lối lập-luận vững chắc.

(1) Tài liệu dựa theo Lược sử Phật-giáo Ấn-Độ của T.T Thanh Kiểm, các trang 94,95, 132,133).

(2) Theo Thái-Hư toàn thư quyển 21, thiên 7, Pháp giới Viên giác học, Pháp hoa kinh huyền luận, phần III, b.)

Thế thì căn cứ vào đâu để tìm hiểu Đức Phật cũng như dựa vào đâu để thực hành ?

Đức Phật đã không khẳng định một chữ nào thì cũng không một chữ nào có đủ khả năng khẳng định được giáo lý của Ngài.

Chữ nghĩa có tính cách cố định trong khi giáo lý luôn luôn uyển chuyển. Không thể bắt dòng nước phải đứng lại ở một mỏm đá. Dòng nước chảy mãi luôn luôn uyển chuyển theo nhiều ghềnh, thác, sông ngòi, bình nguyên... nhưng tính chất của nước vẫn không thay đổi. Cũng như giáo lý Đức Phật luôn luôn thích nghi với mọi hoàn cảnh, nhưng tính chất của giáo lý ấy trước sau như một. Đó là tính chất giác ngộ và giải thoát. Được như vậy, thì

dù kinh sách thành văn hay chưa thành văn, được kết-tập hay không được kết-tập, nam truyền hay bắc truyền, vẫn là những giáo-lý xuất-phát từ Đức Phật. Còn ngược lại, kinh sách không thích-hợp căn-cơ, không tùy thuận hoàn-cảnh, không đưa con người đến giác-ngộ giải-thoát, thì dù giáo-lý ấy có được kết-tập thành văn đi nữa, thiết tưởng cũng không còn đủ tính-chất giáo-lý của Phật.

Giáo-lý là phương-tiện, chúng-sanh là đối-tượng và giác-ngộ, giải-thoát là mục-dích. Với tinh-thần đó, thì không phải buộc con người vào giáo-lý mà chính là đem giáo-lý phục-vụ con người.

NGUYỄN-THẢO

(Trích tập «Hoa-đào năm ngoái»)

# 'ASPRO'





trị:

## CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT



● HỒ-DÃ-TƯƠNG

## **Xét lại vấn-đề văn-hóa dân-tộc**

Người ta hay phỉn hà rằng sinh-hoạt văn-nghệ nước ta thường có vẻ trầm buồn tẻ nhạt. Nhận xét này tưởng không còn đúng nữa khi cách đây khoảng hai năm một khuynh-hướng mạnh-dạn là văn-hóa dân-tộc nhóm lên rồi bộc phát dữ dội. Nhưng phong trào này không mang đến một luồng sinh-khí mới cho văn-nghệ mà chỉ ồ ạt gây záo trộn một thời gian rồi xếp xuống khá nhanh chóng. Nó xuống dốc không phải vì các lãnh tụ bị bắt như nhiều người quả quyết. Đành rằng vì những hoạt động chính-trị riêng của họ, một số lãnh tụ trên đây bị câu lưu, nhưng thiết tưởng nếu một phong trào đã bắt rễ sâu vào lòng dân chúng thì dù cho những người cầm đầu có mất đi chẳng nữa, nó cũng vẫn còn để lại rất nhiều âm vang. Đảng này khẩu hiệu « bảo vệ văn hóa dân tộc » gần như chìm đi trong lãng quên. Nó chỉ lẻ tẻ nổi lên qua diễn văn của các lý-thuyết-gia văn-nghệ hoặc của những ông chính khách mà sự nghiệp thu gọn vào những sáo ngữ này nữa.

Người ta chỉ có thể tìm được lý do suy sụp của phong trào văn-hóa dân-tộc trong chính những sai lầm của phong trào này. Cái sai lầm đầu tiên là đã đưa ra

một định-nghĩa mù mờ và lệch lạc về văn hoá dân tộc. Nếu các cơ bản hỏi văn hóa dân tộc là gì thì chắc nhiều người sẽ nổi giận rằng văn-hóa của ông cha ta để lại mà không biết nó ra sao thì thật đáng khinh-bĩ. Làm như thế văn-hóa dân-tộc là một cái gì đứt khoát, rõ rệt, kẻ nào không biết thì không đáng làm một công-dân bình thường. Nhưng thực tế cho thấy rằng ngay chính phần đông những người kêu đòi thống thiết về văn-hóa dân-tộc cũng không xác-định mình bạch được thế nào là văn-hóa dân-tộc chính-tông. Họ chỉ cầu nhau khuyến-cáo không nên làm thế này thế nọ trong văn-hóa. Thay vì định-nghĩa họ đã phản-định-nghĩa bằng cách xếp vào hạng văn-hóa dân-tộc những văn-nghệ-phẩm nào không mắc phải một số tội lỗi được liệt-kê ra sẵn. Những tội đó phần lớn thuộc lãnh-vực luân-lý và chính-trị.

Trên phương-diện luân-lý những tác-phần xét ra có hại cho thuần-phong mỹ-tục đều bị kết án là ngoại-lai, phản dân-tộc. Quan-điểm này có một giá-trị thật đáng nghi ngờ. Tất cả mọi dân-tộc đều đạo-đức trong căn-bản. Tinh-thần đạo-đức không phải là đặc-tính của dân-tộc V.N. cũng như nếp sống vô-luân không

hề là yếu-tố chính cấu-tạo nên nền văn-minh Tây-Phương. Nên nhớ rằng những sản-phẩm tục tĩu hoặc khiêu dâm lố tiếng nhất như thơ Hồ-Xuân-Hương, truyện Kim-Bạch-Mai v.v... do Đông-Phương chớ không phải Tây-Phương sáng-tác ra. Những tác-phẩm nói trên lại xuất hiện từ thời xa xưa cổ-kinh, cái thời mà nền phong-hóa dân-tộc chưa bị «ngoại bang» l. m suy đồi.

Quả thật chưa hề có một nhà văn-học-sử đứng đắn của bất cứ nước nào lại chịu căn cứ vào mức độ lành mạnh để suy tôn một tác phẩm lên hàng văn hóa dân tộc hoặc đim nó xuống loại văn hóa ngoại lai. Ngay cả những nhà đạo đức khắc nghiệt nhất cũng chỉ lên tiếng kết án văn nghệ vô luân thôi chớ không dám khẳng định nó là sản phẩm riêng của dân tộc nào. Định nghĩa văn hóa dân tộc bằng tiêu chuẩn luân lý thì thật hoàn toàn không ổn.

Nhiều bạn sẽ phản đối, bảo đừng trách các nhà bảo vệ văn hóa dân tộc của ta vì họ không chỉ dùng có mỗi một tiêu chuẩn luân lý thôi đâu. Vâng, xin nhìn nhận rằng họ còn xử dụng một tiêu chuẩn khác nhưng tiêu chuẩn này lại nguy hại không kém tiêu chuẩn trước. Đó là tiêu chuẩn giai cấp. Có nhà văn bị kết tội nhục mạ dân tộc chỉ vì đã cả gan mô tả hạng người nông dân và thợ thuyền với những hành động không mấy tốt đẹp. Theo đúng công-thức văn nghệ đang thịnh hành lúc đó thì người nông dân hoặc lao động phải nghèo, đau khổ nhưng trong sạch và cao cả ; bảo rằng họ cũng thêm khát bậy bạ như bọn «trường giả rừng mỡ» thì thật làm buồn lòng các lý-thuyết-gia văn - nghệ hết sức. Tuy nhiên từ đó mà khép nhà văn

vào tội phỉ báng dân tộc, thì thiệt tưởng là đã đi quá xa.

Qua những bản tuyên ngôn, minh-định lập trường v.v... các nhà bảo vệ văn hóa dân tộc đã nêu danh dân tộc mà tỏ lòng tri ân giai cấp nông dân và thợ thuyền. Tại nạn cái đó không giúp ích gì cho sự hiểu biết văn hóa dân tộc. Giả sử bạn viết một quyển tiểu thuyết lành mạnh bậc nhất, ca ngợi công nông hết mình. Người ta có thể khen tặng bạn về nội dung hay hình thức của tác phẩm, nhưng không ai dám quả quyết rằng tác phẩm này tiêu biểu cho dân tộc V.N, vì công việc bốc thơm hoặc bêu xối một giai cấp không phải là độc quyền của bất cứ văn chương xứ nào. Tiêu chuẩn giai cấp có cộng thêm vào tiêu chuẩn luân lý thì cũng không mấy may làm sáng tỏ thêm tí nào thực chất của văn hóa dân tộc.

Định nghĩa lồi thối thì bị bắt bẻ, mà định nghĩa cho thật sát thì liệu có còn lý do để đẩy mạnh cuộc tranh đấu không? Chúng ta lại bước sang lãnh vực khác, lãnh vực những ấn ức chấp chèn sau tấm bình phong bảo vệ văn hóa dân tộc và biểu lộ phần nào qua nhiệt tình có thể nói là quá mức bình thường của những người cầm đầu phong trào nói trên. Đây cũng là lý do thứ hai khiến phong trào phải suy yếu. Một hành động dù nhằm vào một cứu cánh tốt đẹp đến đâu chẳng nữa vẫn bị dư luận e ngại khi nó có vẻ hung tợn. Những người lãnh đạo khuynh hướng văn hóa dân tộc thuyết phục thì ít mà kết án thì nhiều. Cách đây ít lâu một tờ báo nọ có đăng bài ca ngợi một vị linh-mục rằng ông đã từng sống hàng chục năm bên Âu, Mỹ, nhưng vẫn say mê văn hóa nước nhà

chớ không như bọn người vong bản suốt đời quanh quẩn trong nước mà cứ chực dịp là bỏ đất ngoại bang, tôn thờ văn hóa xứ người. Đại ý như vậy nhưng nguyên văn còn chát chúa gấp bội. Đó chỉ là một trong vô số thí dụ khác chưa kể các phiên toà văn nghệ đột biến từ các buổi hội-thảo sôi sục trong đó lòng căm thù đã thay thế hẳn sự thoải mái cởi mở, tối cần thiết cho công cuộc nghiên cứu văn hóa.

Quần chúng văn nghệ ban đầu bị lôi cuốn theo ít nhiều nhưng về sau tỏ ra dè dặt trước những hành động như vậy. Mà thật, thấy một đám thiếu niên nhẩy múa, vận mình, giật tay, giật chân theo điệu nhạc điên cuồng, người ta có thể bực bội, nhưng khi ngoảnh lại nhìn những gương mặt tái xanh, những cặp mắt rực lửa căm hờn của các nhà đạo đức dân tộc đang hăm hực đòi bỏ tù đám đó, người ta bỗng hết nghe bực bội mà đâm ra ngại ngùng, sợ sệt. Tình cảm đối với hai phe bị đảo ngược hẳn. Một sở thích dù quái gở đi nữa cũng ít khó chịu hơn sự sốt sắng quá độ trong việc dả phá sở thích đó.

Tác phong cuồng nhiệt của các ứng-hộ-viên cộng với quy mô tổ chức rộng lớn khiến cho phong trào chấn-hưng văn hóa dân tộc dần dà mang tính chất gián tiếp cuống bách. Sự ngột ngạt lan rộng trong giới văn nghệ nhưng ít ai dám công khai lên tiếng vì không muốn làm méch lòng bạn bè hoặc vì sợ mang tiếng cản trở một công cuộc tốt lành cho xứ sở. Về phía chính quyền, với ý định hướng dẫn phong trào hơn là đề nó đi tới chỗ mình không ngờ, mọi phương tiện đều được huy động để tuyên truyền cho văn hóa dân tộc. Sự tham gia ồ ạt đó làm cho không khí nặng nề thêm

lên và tạo ra cái cảm tưởng rằng khuynh hướng văn hóa dân tộc rồi đây sẽ vô địch, không còn ai cản trở nó nữa. Mọi người đều cảm thấy bị săn đuổi bởi một phong trào khốc liệt sẵn sàng nghiền nát những ai cố đứng lại nó.

Tình-trạng bế-tắc trên đây có thể giải tỏa bằng cách làm phát hiện thâm ý của các phần tử thuộc khuynh-hướng văn-hóa dân-tộc. Họ chia làm năm loại khác hẳn nhau trong tính-chất căn-bản.

Trước hết là các đảng-viên cộng-sản có nhiệm-vụ xách-động dân-chúng chống báng Tây-Phương, nhất là chống Mỹ. Họ tìm thấy nơi văn-hóa dân-tộc một công-cụ đáp-ứng đầy đủ cho chủ đích nói trên. Như thường lệ, lần này C.S. hoạt-động có phương-pháp, có tổ-chức hẳn hoi nên đã điều-hành công tác một cách khá ngoạn-mục. Tuy nhiên ám-ảnh của giác-ly mác-xít quá nặng nề khiến cho họ dễ lộ tông-tích trong khi cố gắng ghép vấn-đề văn-hóa dân-tộc vào việc đấu-tranh giai cấp. Trong khi chờ đợi Tây-Phương theo mác-xít chủ-nghĩa — ngày đó ắt hẳn C.S. sẽ đổi giọng và quay sang đòi hỏi một nền văn-hóa có tính cách quốc-tế —, C.S. tiếp tục bóp méo văn-hóa dân tộc sao cho dễ sử-dụng thì thôi.

Sau C.S. phải kể đến những người thiên-tả. Đây là các bạn đường tốt nhất của C.S. Hai kẻ đồng-hành thông-cảm nhau bằng một qui-tước hiểu ngầm. Tả-phái không đồng-hóa hẳn với C.S. nhưng sẵn sàng hỗ trợ cho C.S. trong bất cứ công cuộc nào có thể làm-suy yếu chế-độ và giai cấp tư sản. Với tinh thần đó, tả-phái V.N đã xung phong đi trấn giữ những yếu-điểm trong trận thế văn nghệ mà C.S. đã khờ công bố trí. Phe tả không bao giờ tiếc rẻ hành động này dù biết rằng mình làm lợi cho C.S.

(Xem tiếp trang 66)

**BNP**

*A votre service  
tous les services de la*

**banque  
nationale  
de Paris**

# TÔI NHỚ HUẾ

## III. THUẬT MỘT CHUYẾN ĐI SĂN ĐỒ CỔ HUẾ :

tô té-khí Đặng-Huy-Trứ

làm năm Mậu-Thân đời Tự-Đức (1868)

A. — *Mấy lời biện-minh trước khi vào đề.*

1. — Đồ cổ xứ Huế tôi mua khá nhiều và mua hoài vẫn còn. Thuật chuyện lại không bao giờ hết. Nay xin đơn cử một cổ-vật tôi mua để chấm dứt tật ghiền đồ cổ : các bạn lấy đó làm gương cũng đủ. Không chơi thì miễn luận, chớ bước vào nghề chơi đồ sứ cổ, không khác ốm bệnh ghiền nba-phiến : không hút thì khó chịu bức-rức ; tôi cũng vậy, không mua đồ cổ cũng bức-rức khó chịu y như ghiền chi Phù-Dung. Tôi đã suy nghĩ nhiều trước khi mua cái tô này, gọi tô Đặng-Huy-Trứ. Tôi vốn không dư dả gì mà đem tiền bỏ sông bỏ biển. Từ sau biến-cổ đầu năm Mậu-Thân, tôi chán ngán, muốn bán ra hết chớ mua vô làm gì ? Nhưng xét kỹ đối với trường-hợp cái tô này lại khác : đây là một món cổ-ngoạn « có một không hai ». Có nó trong tay sẽ làm bằng cứ chắc chắn không chối cãi về một nước men đồ sứ có đề niên hiệu chứng-minh rõ ràng ; đứng trước một tài-liệu hiếm có như vậy, nên mặc dầu tiền bạc lúc này nên chặt chĩa, tôi cũng phải cắn răng nhứt định mua. Trong thâm tâm vẫn an-úi : mua cái này rồi không mua nữa. Nhưng ở đời mấy ai dám tin bợn say thề chừa rượu, cũng như tin sao được người đàn bà sai con nguyên hứa « không chừa không để nữa » ?

2. — Bình sanh tôi mê thích đồ xưa còn hơn khách hào-hoa mê gái, hơn người đánh bạc mê bài. Mua được một món lạ, tôi đặc-ý gặp ai đến nhà cũng lấy ra khoe, quên rằng ép người ta nghe mình nói chuyện Tam-Hoàng cuộc chí, người ta mau chán ngán. Chỉ riêng tôi, với món đồ mới sắm, tôi có thể mân-mê suốt ngày, không ăn cũng đủ no. Nói không sợ ai cười, tôi có thể trở nên một thằng điên « khúc-khích cười một mình », rồi tôi sung-sướng khoan-khoái trong lòng, tự thấy như trẻ trung, nhỏ đi mấy tuổi. Và chẳng, quan-niệm « sống » là gì ? Mỗi người hiểu mỗi khác. Chung qui phải có vui mới sống. Có kẻ muốn được sống nhẹ nhàng lành-mạnh phải cần đánh bạc cho thua, cần mua rượu về uống cho say, cần cho gái nhiều tiền. Như vậy, thôi thì hãy để tôi mua đồ cổ.

3.— Bắt một người thích nghe nhạc êm tai, vô trong Chợ-lớn đứng nghe cả buổi bọn ba Tàu mài miệng chai keo và mài ống khói, hỏi sao người ấy không bung tai bươn bả tránh đi chỗ khác. Mà đừng nói đâu xa, chính mình đây khi nhứt răng phải chịu phép đến nha-y săn sóc, ngồi chờ phiên, nghe từ trong phòng tiếng máy tiếng nạo mài vang ra « ro... ro... rợ.u... rợ.u... » ai sao tôi không biết, chớ tôi thì lơ khéc lơ cười, « đã không lấy sống làm vui » Hôm nay cao hứng lấy chuyện cái tô mới sắm ra bàn, không khác lão chệc mài ve keo, ông bác-sĩ nha-y chữa răng... thúí ! Nhưng các bạn hãy chịu khó ráng đọc từ đầu đến chót mới thấy tôi muốn nói gì. Tôi có hai điều bằng khuôn, xin thanh-minh trước đã : một là tôi không đại đem tiền mua của nợ ; hai là tôi không ưa nói chuyện tầm phào, vô bổ ích. Nhưng muốn cạ bày, phải cho phép tôi dài dòng. Không phải vô cớ mà tôi thích chuyện : cà=kê ; nghệ=ngỗng. Nói làm vậy, tôi phải có duyên cớ. Đại phạm văn viết về khảo cứu, phải cho sáng và gọn. Càng viết ít chữ càng hay. Nhưng đó là ở bên trời Mỹ trời Âu. Ở bên này, anh em ta thiệt thà, nói vẫn xù, tất quá không ai hiểu hết. Nói chằm bằm và khô khan, nhứt là vấn đề khảo cứu, khoa học, tự nhiên người ngồi nghe đều ngủ gục hết. Cho nên buộc lòng tôi phải chọn đường dài, rồi có pha lửng giểu cợt, viết cái gì cho nhẹ cho vui, họa may người đọc thỉnh thoảng cười nửa mép đọc hết chuyện mình muốn nói, rồi hiểu và nhớ sẽ đến sau. Rốt lại linh hội hồi nào cũng chẳng hay. Mà cần gì... Nếu tôi đi tới mức đó, là đủ thường cớ tôi rồi. Tốn tiền mua đồ cớ bao nhiêu tôi cũng không ngại.

Tim ra manh mối một nước men đồ sứ cở, làm được một bài toán khó, sửa một cái xe nằm vạ làm cho nó chạy bon bon, mấy cái ấy không khác ông tướng xuất binh thẳng trận, đều có cái khoái riêng của nó.

Tôi cạ trút nỗi lòng là đề cầu người tri kỷ ban cho một tiếng :

« Ủ ! anh nói cái đó, tôi nghe được, có lý lẽ vững ». Nghe được bao nhiêu đủ rồi, sá chi kẻ ngoại cuộc cười chê rằng gàn. Tóm lại, tôi có ý cạ bày vấn đề là đề chất vấn chư hải nội quân tử, xin thỉnh cao ý và xin đa tạ.

4) Đòi đang chuyện mình. Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng như hiện nay, những chuyện phiếm cũng nên gác bỏ. Nhưng đây là một sự tìm tòi đánh dấu một thời-đại cho đồ sứ men lam xứ Huế. Tài-liệu có trước mặt, thiết tưởng nên khai thác bây giờ khi còn nóng, mặc dầu trong nước còn nhiều đại-sự phải bàn. Đề đến mai, rủi thành cháy nhà tan, rủi chí ngã lòng tài liệu cũng tiêu ra tro, khi ấy tiếc sao không viết thì đã muộn.

B.- Kề lễ sự đi săn một cái tô đề dùng chằm dứt một thiên khảo - cứu, nói cách khác, tả nỗi gàn-ương của một nhà chơi cở - ngoạn « già kén chẹn hom ».

Từ năm 1965 đến năm 1967, mỗi năm tôi đều có dịp ra Huế bốn kỳ, mỗi kỳ tôi ở lại Huế-đô suốt tuần có khi đến mười bữa, tiếng rằng đi dạy học, kỳ trung tôi mượn dịp này để thỏa-thích tánh ham đi săn cở-ngọa. Tiền tôi lãnh bao nhiêu ở

Đại-Học Văn-khoa, tôi đều cúng trộm vào đó. Có khi không đủ còn lén chằm thêm tiền nhà. Đừng nói lớn vợ con nghe, nhưng tôi không tiếc. Mua được thì mừng vui, không mua được thì bức-

rúc muốn đau, nên thà mua... Tôi có thể kể ra đây những món gì quí mua được trong mấy kỳ ra Huế, nhưng kể làm gì trong buổi rối beng này, ai đâu còn rảnh rang nghe mình, nên tôi xin đơn-cử ra một thí dụ thôi, đó là chuyện cái tô làm năm Mậu-Thìn đời vua Tự-Đức (1868). Cũng gọi tô Đặng-Huy-Trứ.

*Thứ Ba tháng 10 năm 1965.* — Ra Huế, ghé nhà K. O trong Thành-Nội. Thấy tô này lần thứ nhất. Mãi đến ngày 31 tháng 3 dương-lịch 1968, tức trên hai năm, tô mới mua lại được. Mà sự mua chác này, theo tôi, là do một tiền định, một duyên kiếp, một phần may rất lớn từ người ngoài chứ không từ mình; đừng nhắc đến câu « hễ có tiền muốn mua tiền cũng được », ở đây trật lắc. Xin cho tôi thuật tiếp có đầu có đuôi như sau : Bữa đó K. O. lấy cái tô ra cho tôi xem (hình dáng sẽ tả ở phần sau). Ông ra giá sáu ngàn đồng. Tôi chê mắt nhưng không nói ra, và tôi chê thăm nước men còn mới. Lại nữa mấy lúc gần đây tôi nghĩ lại tôi mua đã nhiều, nên dành tiền dùng khi bóng xế về chiều, không còn sống bao lâu nữa mà chất chứa của nợ. Con gà hễ ăn gần no thì bươi ; người chơi đồ xưa có nhiều rồi thì kéo. Tôi trả bốn ngàn K.O. bao giờ chịu bán... Ra về, lòng nửa tiếc nửa làm gan : thi đua coi ông bán trước hay tôi mua trước.

*Thứ bảy 16 tháng 10-1965.* — Về Saigon nhớ nhớ khó chịu. Viết thư cho một bạn lão thành, cậy bạn hỏi thăm về cái tô, điều tra lý-lịch... Trong thư tôi viết : « Cái tô đẹp thì có đẹp thật, nhưng tựa hồ còn mới ».

*Thứ năm 4 tháng 11.* — Được thư cụ Ấm trả lời. Tôi xin chép ra đây một đoạn, y nguyên-văn đề rõ chút tâm lý

ng rời đất để-dò : « ... Tôi bắt được thư « Cụ, cách mấy ngày tôi dặn anh ta (K.O.) « ra tôi chơi. Khi lão ra thì tôi chẳng « đá động chi cái tô nữa, sau lại anh ta « hỏi tôi : « Ông S. có ở lại nơi Bác phải « không ? » Tôi trả lời có. Anh ta nói : « Ông có nói đến cái tô tôi không » ? « Tôi trả lời : « Không, không nghe ông « nói gì hết. » Anh nói : « Tôi nhất định « giá 6 000 đồng. » Tôi nói : « Anh thích « chơi thì để lại mà chơi. Bác làm chi. « Nhưng ông S. có mua bên Vỹ-Giạ một « bát dáng chuông, cũng đề ĐẶNG- « HUY-TRỨ, nhưng tôi không hỏi giá « làm chi. » Câu chuyện đây là tôi nói dối « để cho lão biết người khác cũng có tô « ĐẶNG-HUY-TRỨ... » Xong rồi lão « về... »

Từ đó về sau, không ngày nào tôi không nhớ cái tô, ngày nào như ngày nấy, nhớ và bức rức trở nên quạu quọ, trong nhà không ai chịu nổi. Tôi ăn năn hối tiếc, nhưng làm gan cố lý, cố lý rồi quạu Sở dĩ tôi không mua với giá 6.000 đồng vì theo tôi : 1) giá 4.000 đã là vừa ; 2) nếu mua cao hơn, là sẽ bắc cầu cho ông K.O. sau này vịn theo và leo thang mãi làm sao chịu được ; 3) lại nữa nếu mua giá 6.000, lại e Cụ Ấm hay được sẽ phiền chướng ? Sau ra Huế có ai làm bạn với mình khi đi săn cò-vật ? Sau một thời gian và mấy phen ra Huế, tôi đều có ghé nhà K.O. Nhưng không thấy ông bớt giá và tôi cứag đầu không ưng trả thêm, ý y không ai biết nhà ông mà đến đây mua giành. Bỗng một kỳ ra Huế, nghe tin sét đánh : bác sĩ H., bạn thân của Cụ Ấm và tôi, mách rằng có con cháu gái K. O. đến trị bệnh, cho hay cái tô dường như đã bán về tay một người Pháp chơi đồ cò làm chức délégué (đại-diện) gì đó, từ Đà-Nẵng có

người mỗi đưa đến mua. Giá sáu ngàn đồng không bớt một xu. Nghe tin đầu xây bờ bờ, y như lúc nhỏ bị chúng giết mất vợ đẹp. Không dám lại nhà K.O. Chờ chuyển trở về nhà, viết thư ra Cụ Ấm nhờ dò lại đích xác xem có thật K.O. đã bán cái tô kia rồi hay tin bịa để thức hối mình? Được thư Cụ Ấm trả lời tôi nuôi hy vọng trở lại. K.O. nói: « cái tô còn đó chưa bán cho ai ». Tin này làm mình vui mừng, vui vẻ như cũ, trông mau đến kỳ ra Huế xem cho hiểu tự sự ra sao.

*Thứ ba 4 tháng Giêng 1966.* — Tôi ra Huế dạy được hai ngày. Bữa nay náo nức trong lòng không thể chịu được, trưa ăn cơm hối hả, bỏ giấc ngủ ngày, kêu xe chạy lại nhà K.O. để mau thấy mặt cái tô. Nhưng lão O. tỉnh bơ, không đá động gì đến chuyện tô, lại mở tủ bí mật, đưa hết món này đến món khác, ra tưởng dụ mình: có ý làm cho mình thích món nào đó rồi quên cái tô kia. Thật lão O. cầm mình không hơn đứa bé lên ba, hề khóc lấy bánh ra nhem là nín. Kỳ trung, cái tô lão không có trong nhà nữa nếu có đã lấy ra rồi. Mà nói cho ngay, sự cảm dỗ này ghê gớm thật. Đồ xưa nhà lão, món nào cũng quý, thấy cũng mê. Mỗi lần lão đưa ra một món, là lòng tôi rung lên, mi mắt chớp lia. Nhưng tôi cố dằn, một hai nài cho được thấy cái tô nọ. Sau rốt, biết mình bị gạt mớp, không dẫn được nữa, tôi xõ hết nư giận, nói thẳng vài lời từ già, cho lão O. biết: tô đã bán mà còn đồng đưa không nói thật, như vậy là thiếu trung tín, ăn ở không thật tình, đừng trông mong tôi trở lại, cũng không còn muốn mua chác gì với ông. Giận rồi! Tuy trời gà không chặt mà cũng biết giận! Giận rồi muốn chữa tật mua đồ cồ cho

khỏe thân. Trong tập nhật ký, nay lấy ra đọc lại, thấy ghi: « Tháng giêng 1966, một thất vọng chua chát là mua hụt tô nhà K.O., chữ đề « Đông mạch tụ cô tùng ». Nghe đâu tô đã lọt về tay một người Pháp ở Đà-Nẵng, y mua y giá 6 000 đồng. Uổng quá !!

Tháng tám d l. 1966, hay tin xét đánh khác là K.O. đã từ trần. Ông không ép được tôi mua tô theo giá ông muốn, ông giận ông đi. Ông bỏ tôi lại đây nhưng nào có vui đâu vì tô đã bị chúng phổng tay trên. Không còn giận ông nữa, nghĩ lại có chỗ thương. Đã buồn sẵn còn buồn thêm, nhớ tiếc cái tô hơn lúc nào hết. Nhớ giọng K.O. ngâm câu « Đông mạch tụ cô tùng » lay cho mình chứng bệnh thêm nặng. Tự trách mình, tiếc chi rằm sáu ngàn để phải khổ tâm sầu não. Cho hay lòng dục vọng làm khổ con người không nhỏ. Dứt được sớm ngày nào là rảnh nợ, khỏi đi tu chùa. Lý luận làm vậy rồi cũng ra công đi tìm cái tô hụt. Nghe tin người Pháp ở Đà-Nẵng mua, không nhận được, viết thư ra Đà-Nẵng, gửi khống nguyện cho ông đại-diện lãnh-sự lang-sa, chớ biết délégué là ai, ông nào? Trong thư hết sức yêu cầu, nếu có mua xin nhượng lại cho tôi làm vật nghiên cứu. Xin ông lại nhà, muốn lựa món nào vừa lòng thì lấy trừ, đủ thấy mức hy sinh. Ngày 5 tháng chín được thư ông lãnh-sự Pháp ở Đà-Nẵng trả lời, thư nhã nhặn cho biết ông không hề có mua tô nào ở Huế. Câu chuyện đi săn bắt mò cái tô đến đây kể như kết liễu, hoàn toàn mất hy vọng, bụng n đi bắt bóng là tại mình, trách ai?

*Chúa nhật 24 chạp 1967.* — Bác-sĩ H. từ Huế vào Sài-Gòn. Ông ghé nhà cho hay đã ra mời lão Tây mua cái tô. Có hy vọng nài lại được duy giá phải cao.



Tôi trả lời gió nào tôi cũng ưng, miễn đừng quá mười-hai ngàn đồng (xấp hai giá cũ).

*Tháng hai dl. 1968.* — Đầu xuân Mậu-Thân, tang tóc khắp lãnh thổ. Việt-Cộng đột nhập Huế, ở lại đây trên hai mươi ngày. Ngay rút lui, thành trì bị phá, cung điện bị bắn. Toành vua còn không giữ được nguyên vẹn, sá gì cái tô quèn. Thôi đừng nhắc nữa ưỡng công.

*Ngày 31 tháng 3 dl. 1968.* — Buổi chiều thỉnh linh bác-sĩ H. đến. Ông từ Huế vào. Giao thông trở lại. Máy bay mới có. Anh em tay bắt mặt mừng, cả hai thoát nạn dữ. Ông mở cặp, lấy tô ra giao. Xỉa đủ mười ngàn, vẫn cho là phải.

Được tô mừng không chỗ nói: ngâm nhỏ câu *«Rõ ràng trước mắt còn ngờ chiêm bao»*. Cầm cái tô, trong trí vì bị nạn nhiều lần, khiến tự ví cái tô không khác con người: người ấy là trai, đứa em đứa con hoang bỏ nhà đi biệt mấy năm, nay trở về, quên chuyện cũ, vui câu đoàn tụ; hoặc còn hơn nữa, người ấy là gái, gái hư vợ hồng, đi suốt hai năm không thấy mặt mày nay về đó, mình đã không *«ngây-ngà»* lại còn chấp chửa, không dám nói một câu nhẹ nhẹ: *«Hừ! Bỏ đi đâu cho đã! Báo hại người ta chờ đợi? Về còn nhong-nhẻo làm eo!»* Lấy sờ ra, tay rung rung ghi số hiệu 891. Cả đêm không ngủ.

*Ông Kh. O.* — Nhon nói chuyện cái tô tái ngộ, xin có đôi hàng về chủ cũ của tô K. O. là một nhon-vật lạ vùng đê-đô. Xứ Huế là xứ quan-liều, còn sót lại rất nhiều ông hoàng chánh-cống, bà chúa; con-cháu-đức-ông. *«lọng che sương dầu sừng cũng lọng; ô bịt vàng dầu trọng cũng*

*ô»*. Tuy nay có người còn bề thế, cũng có kẻ *«có tiếng mà không có miếng»*. Trong một xã-hội gần đây còn dựa vào lâu son các tía, ai ai cũng muốn tạo cho mình một địa-vị để dễ việc xưng hô. Người nào có phẩm-tước, tự nhiên dùng. Người nào không có thì kiếm chức hàm: Cậu Ấn là con nhà quan; Cụ Nghè, cậu Khóa, tuy không còn thi-cử lối xưa, nhưng ai cấm cáo, *«đề xưng-hô mà!»* Vì vậy mà có ông Khóa O... Cũng như đường Hàng Bè, mé con kinh đào tay từ đời vua Minh-Mạng phía xóm chợ, giữa khoảng hai cầu Gia-Hội và Đông-Ba, lại có nhà cụ Nghè H. là nhà có tiếng là có nhiều đồ cổ nhứt. Trước đây, ông Ngô-đình-Cần, ai muốn dâng lễ lộc, hễ nghe món ấy từ nhà Cụ Nghè có chân bước ra, là bỳ-hỳ hai tay thâu nhận. San lưng nhà Cụ Nghè, trên đường Phan-bội-Châu, ở trong một hẻm cụt sát bờ thành, có đến hai nhà bán đồ cổ ngó mặt nhau: người anh, mập người, nay đã dời phần lớn đồ-vật về Saigon; người em gái có chồng, chồng đi mua chưa trả tiền mua, kẻ bán gánh gánh đồ lại nhà bị bà kiểm-duyet chề mắt, không lẽ gánh lộn trở về, đành bớt giá, vợ chồng cò máy nhau trước. kẻ bán nào ngờ. Nơi đường Võ-Tánh (Minh-Mạng cũ), mé hữu đầu cầu Đông Ba từ phía chợ bước qua có một nhà chuyên bán từ chiếc mẽ-day bằng đồng bằng bạc của các vua nhà Nguyễn, cho đến bạc nén, cổ tiền đủ niên hiệu Cảnh-Hưng đến Bảo-Đại, ở đây thỉnh thoảng cũng thấy bán vài món đồ-vật qui giá... Nhưng đi lên một đôi nữa, cũng trên đường Võ-Tánh này mé tả số nhà 53 có một cụ già, tôi chắm là số Một, lão luyện nhứt trong khoa chơi đồ cổ. Cụ Ấm Tư, xin lỗi đã hải danh Cụ ra đây. Một người tốt, sót

lại của thời đại cũ. Cụ nói với tôi, dạy rằng: « Ở đời phải biết đờn cho tươi, nhưng đờn cho mình nghe, chớ không nên đi đờn cho đão nó hát; nên tập chơi đồ cò cho tinh chuyên, nhưng chơi cho vui lấy mánh, không nên trở thành một con buôn phớt phỉnh ». Nhà Cụ rất thanh bạch nhưng tánh rất hào phóng, Cụ thích ai, miễn được cách ý, bình gan gà bình « Thố-Đức », bầu sênh độc âm, Cụ tặng không, không nhận tiền, ép mấy cũng không. Giữa nhà treo biển đề ba chữ « THỪA THIÊN SÙNG », và hai câu liên chữ vàng:

« Long chương nhật tuần tam quân lĩnh,  
« Hồ rương nhân khâm bát diện tài ».

Cụ là con của một võ quan triều đức Dục-Tôn, đóng cửa ở nhà không chơi với ai, và tôi được Cụ chăm cho làm bạn vong niên, thì phải học đi bộ đề đi theo Cụ cho kịp, mấy cây số không kể. Người quốc thước không ngờ đã xuýt-xoát tám mươi. K. O. tôn làm bực thầy. Còn vài nhà nữa, rải rác trong một thành phố nhỏ, muốn tìm chịu khó Lối thắm, nhà trong lỗ miệng. Toàn là các tay mới tập chơi học bán, chưa phải lĩnh nghề. Cả thầy đều thua xa ông K. O. O. biết chữ Nho khá, đã từng đi thi trường cũ, nên xưng « thầy khóa ». Ông sưu tập lâu đời thêm có học thức nên nhà ông có nhiều món đồ vật thật là hiếm lạ. K. O. khác hơn người là bán với một giá hết sức cắt cò, ai không mua ông không ép, nhưng đồ nhà ông cũng không ai dám chê. Chính nơi đây tôi đã đào ra năm trước một đĩa dây-nấp-hũ-nước-mắm-không-thèm, thơ đề:

« Mỏ rận luận chơi thời-sự,  
Ngã lừa mừng thuở thái-bình »;

một đĩa thứ nhì, cũ-g « nôm » đề:

« Mắt chơn năm ệch ngáo O, O;  
Gẫm xem chẳng khác Đường, Ngũ  
thời thuần ».

Hai đĩa này vì thời cuộc bất an tôi đã hạ thổ; khi nào thái bình trở lại tôi sẽ lấy lên cho xem. Nó là vật quý triều Tây-Sơn, chơi cò cò một đời chưa dễ gì gặp cái khác. Vàng không đổi. Tôi đã sa đà quá trên. Trở lại K. O., các nhà kia chừng bày đầy nhà đề như khách mua, trái lại K. O. cao tay ấn hơn mấy bực, và đồ cò của ông, ông giấu ém trong hai tủ đứng kê sát bộ ván gỗ ông nằm, món nào quý hơn nữa thì lại cất trong tủ sắt cũng kể đó. Khi khách đến nhà, ông chưa vội đem ra bán. Ông pha trà ngon đãi khách ông chuyên trà tuyệt khéo, trà nước xong rồi mới lấy từ món đồ xưa ra xem, và ngẫm giá. Khách thích đĩa xưa ông có cả bộ, cái nào cũng có tích hay ho; khách thích tô nôm, các món bằng đồ-ngọc, ông đều có đủ và nhiều... Khách trả tiền xong xuôi, ông cất tiền kỹ càng rồi mời khách nán lại đôi giây, ông lời mớm khác ra khoe và bán nữa. Khách như tôi, không dẫn lòng ham muốn được, khi ở nhà K. O. ra về, tuy nặng ba-ga, nhưng có khi thiếu tiền mua xem mua mà xứng đem về lo lót. Nhà ông ở số 120 đường Nguyễn-Thành, trong Thành-Nội, ngõ cửa Đông Ba đi vô một đôi. Không biết từ ngày ông mất, nhất là từ biển-cổ Mậu-Thân, các đồ-vật có an-toàn và gia-quyển có bình an?

(còn tiếp một kỳ)

VƯƠNG-HỒNG-SẼN

# GIÓ CUỐN

19 — Ghê chưa ! Sao chân con dính đầy bùn thế này ? Dép đâu ?

— Con theo ngoại ra ao. Má ơi, ao mình nhiều cá con. Con chụp...

— Ra ao ! Má dặn con không được ra đó.

— Có ngoại mà.

— Còn ngoại đâu ?

— Ngoại nhờ khoai môn. Ngoại nói về đi rồi ngoại hái cho cái ngó sen. Ngoại hái một cái hoa sen để cho em nhỏ.

Em nhỏ là Thu-Hà. Tôi về quê đã được một tháng nay. Phải dứt khoát như thế. Cuộc đời phải tự mình định đoạt theo quan-niệm của mình chứ không thể đợi chờ thụ-động ở những sự rủi may. Tôi thu dọn đồ đạc, trả nhà và dẫn con về quê. Trước đó tôi nhờ Liên đi nhận Thu-Hà về cho tôi. Thu-Hà đã được bảy tháng, tôi nuôi bằng sữa hộp. Phúc hỏi :

— Em bé ở đâu thế má ?

— Má sinh đó.

— Má sinh hồi nào vậy má ?

— Hồi má đi Saigon đó.

Phúc cầm bàn tay Thu-Hà giật giật :

— Ờ ! Em bé sinh ở Saigon. Em bé... Saigon ở đâu má ?

— Ở xa lắm.

— Xa bằng nhà quê không má ?

— Xa hơn.

— Sao em bé không biết nói hỡ má ?

— Một năm nữa em bé sẽ nói.

Tôi mừng rằng mình có được hai đứa con. Nếu Thuyên còn, tôi không chắc rằng Thuyên sẽ chịu giao Phúc cho tôi. Anh sẽ dùng mọi cách để bắt Phúc khi Phúc lớn, khi tình yêu của anh với Kiều-Nga không còn mê-hoặc anh nữa.

Mẹ tôi mừng rỡ khi thấy tôi về :

— Mẹ không cầu con giàu có sang-trọng. Mẹ muốn có con ở gần mẹ.

Bà con lối xóm chạy đến mừng rỡ, người xách hộ giỏ, người na va-li, người bế dùm Thu-Hà. Phúc sợ hãi, ngo ngoác đi nép vào chân tôi. Những người này đã dợ vào cuộc đời thơ-ấu của tôi, đã bồng-bể tôi trên tay như hôm nay bồng-bể Thu-Hà. Họ đã nhìn tôi chạy nhảy, nhìn tôi cắp sách đi học. Bà Ngọ đó, có đứa con trai độc-nhất bị thất-lạc trong ngày Pháp tấn-công phá vỡ phòng-tuyển. Bây giờ bà sống thui-thủi với một ông chồng mù mắt, làm lụng đầu tắt mặt tối quanh năm mà quần áo không bao giờ được lành lặn. Bà Tiềm đó, góa chồng từ hồi 20 tuổi ở vậy một mình cho tới

nay tóc đã bạc, đôi mắt đã lèm-nhèm. Chị Thắm đó, hồi nhỏ nhảy lò-cò, chơi chuyền với tôi, bây giờ đứng nách con mọn và một tay dắt hai đứa nhỏ ở trường, nhìn tôi lặng lẽ cười. Ông Thân, ông Qua, ông Gậy, thằng Xường, thằng Tình..., cả cái xóm nhỏ bao quanh tôi, chỉ mỗi người nói một câu mà tôi đã rối rít không biết nên trả lời ai trước. Tình quê-hương là cái gì đơn-giản và vô-hình nó xúc động đến tận đáy tâm-hồn tôi.

Khi bà con khách-khứa ra về hết, mẹ tôi lặng lẽ xách rựa đi ra vườn. Tôi hỏi :

— Mẹ đi đâu vậy mẹ ?

— Mẹ ra đốn buồng chuối.

Tôi hiểu rồi. Lát nữa trên bàn thờ sẽ có những nải chuối xanh thơm mùi nhựa cây tươi, sẽ có những chân hương tỏa khói uốn vòng cạnh hai cây nến thấp sáng. Đêm hôm đó tôi thức thật khuya mặc dù suốt ngày đi đường mệt mỏi.

Đêm tối yên lặng. Mọi vật như buồng thả tâm-tư, như giũ bỏ mọi cố-găng, an ổn trong giấc ngủ hiền-hòa. Hương thơm của nhiều giống hoa, của mọi thứ lá trộn lẫn vào nhau tạo thành một thứ hương thanh-khiết. Tôi nói với mẹ :

— Con về ở cạnh mẹ. Thành-phố làm con ghê sợ. Con muốn sống đơn-giản bằng gạo giã, bằng rau, bằng cá đồng, bằng tương.. Thành-phố thúc-dẩy con người đua đòi và con người biến thành những hình giầy chạy quanh ngọn đèn cù. Chạy mãi, chạy mãi, chạy vòng quanh cho đến hồi kiệt sức nằm xuống. Sung sướng bao nhiêu năm, nó thật sung sướng không khi trí óc luôn luôn lo lắng bán khoán, chật-vật tranh-đấu. Con sẽ làm ruộng, con sẽ dọn vườn....

Mẹ tôi trầm ngâm suy-nghi. Một lát sau bà mới chậm rãi nói mấy tiếng :

— Con ở yên bên mẹ.

Rồi ngập ngừng im lặng. Tôi chắc bà muốn nói nhiều hơn. Về Thuyên chẳng hạn. Nhưng bà sợ gọi cho tôi những ý-nghi buồn.

— Ruộng nhà mình năm nay có bỏ hoang nhiều không mẹ ?

— Đồng Chi-đức bỏ hoang hết. Hai bên đưng-độ ở đó thường xuyên. Ông câu Nết tá-diễn của mình bị đạn lủng ruột năm ngoái. Mấy đám Gò Dài thiếu nước bị bỏ áp. Đập địa đâu có nhân-công làm ? Lốp đi quân-dịch, lốp chạy lên núi, lốp tản-cư bỏ làng làm ăn ở phương xa. Đám Cây Duối năm nay, mẹ cho cấy nếp tượng.

Những đám ruộng. Những đám ruộng Màu xanh của lá lúa, hương thơm của hoa lúa làm mát khoảng trời tôi tưởng thấy trước mắt. Những cơn gió thổi qua làm ngã ngọn lúa như những đợt sóng màu xanh... trong các bài luận mẫu ở bậc Tiểu-học người ta hay nhắc lại như vậy. Trăm năm về trước, ngàn năm về trước tổ-tiên tôi đã thấy như vậy, đã cần-cù nhả-nại, đã vui vẻ hy-vọng. Họ đã ngã xuống, lần lượt, và thế-hệ tôi kế-tiếp hôm nay, thế-hệ của Phúc sẽ nối theo. Như những đợt sóng màu xanh đó.

— Chỉ có một điều khiến con chưa được yên-ổn, đó là khi Phúc nó lớn nó cần đi học xa mà sự học thì rất tốn kém.

— Tôi đó hãy hay. Có lẽ lúc nó lớn thì chiến-tranh đã chấm dứt được. Đời sống sẽ dễ dãi hơn bây giờ.

— Chúng ta cứ hy-vọng. Chẳng có gì bảo-đảm điều đó, nhưng chúng ta cứ hy-vọng.

Con quá quen với sự bất thường nên

con không có định-kiến. Điều đúng hôm nay trở thành sai ngày mai, điều đại hôm qua biến thành khôn ngày nay. Con cứ làm việc hết sức mình, còn kết-qua ả như thế nào, hay hay dở con không quan-tâm nữa. Kết-qua tốt thì mừng, xấu thì cam chịu. Miễn giữ sao cho mình khỏi hối hận, mình khỏi tự trách mình. Đặc-điểm của một xã-hội chiến-tranh là tạo nhiều bất ngờ, những cái giàu bất ngờ, những cái nghèo bất ngờ, những cái chết bất ngờ, những chức-vụ bất ngờ.

Tiếng một con dế ri-ri ở góc nhà. Tiếng một con dế khác ri-ri trả lời ở một góc khác. Tôi nói:

— Thôi, khuya rồi, mẹ đi nghỉ.

Sáng hôm sau tôi dậy với tiếng chim sè ở mái hiên. Lá chuối đong đưa chào tôi ở khung cửa sổ. Tôi theo mẹ tôi ra vườn. Mẹ tôi cầm dao yếm cắt những tàu lá chuối khô. Bà đi giữa bóng râm. Hoa cau thơm, hoa bưởi thơm tụ-hợp về những đàn ong bướm bay lượn vòng. Lá môn, lá khoai sọ soi bóng trên mặt nước những con mươn nhỏ. Tôi thấy tôi trẻ thơ trở lại khi đứng cạnh mẹ tôi cạnh những bụi chuối cao, cạnh những thân mít mang quả quai những trái sù-si. Tôi như thân chuối con đó, đứng yên lặng cạnh thân chuối mẹ. Có bầu khoăn gì đâu? Có xao-xuyến gì đâu? Dòng nhựa trong thân cây cứ lộng lẽ chuyền mình, thản-nhiên tự-tại, không hấp-tấp vội-vàng, mặc kệ cho loài người kèn cựa xung-quanh.

Tôi lần lượt đi thăm những bà con lối xóm. Có những món quà nhỏ cho mỗi người. Cái quần Mỹ-a cho bà Ngọ. Bà róm róm nước mắt nói:

— Sao em cho chi nhiều vậy?

Tôi thầm nghĩ: “Chỉ bằng giá bốn gói Sa-lem. Một đứa học-trò mười hai tuổi hút mỗi ngày một gói là thường”. Tôi biếu bà Tiềm một gói trà Chính-thái. Bà xuýt-xoa nhận và nhất-định không dám ngồi đối-diện với tôi. Nài lắm, bà chỉ ngồi ghé ở đầu giường. Tôi nhìn lại mình và tự hèn sẽ đem nhuộm xám vài cái áo cánh đề mà u trắng khỏi làm tôi cách-biệt với họ. Ông Qua nhận một cuốn Nghi-thức tụng-niệm. Ông mừng quá lật đật lấy gương lật sách đọc liền không kịp nói tôi nữa. Tôi mua cho con Thắm hai bộ quần áo trẻ con, dự-trù cho hai đứa lớn của nó. Nhưng khi mặc vào thì cái quần chỉ xuống tới nửa ống chân của thằng Cu Anh. Con Thắm vừa lột quần con ra vừa nói:

— Di mua cụt rồi, bạn không vừa đâu. Thôi để cho em nó.

Thằng Cu Anh khóc oà lên, giữ lấy lưng quần không cho má nó tụt. Tôi phải gạt tay con Thắm:

— Thôi, mặc kệ, để cho cháu nó mừng. Hôm nào tao mua thêm cho một bộ dài hơn.

— Nhưng để nó bận chật mau rách.

— Thấy kệ, rách tao chịu.

Tôi tặng bà Truyền tấm hình Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp lồng trong khung kính sơn màu xanh lá mạ. Bà kính cẩn treo lên vách, giữa những tấm hình Đức Chúa Giê-su bị đóng đinh trên cây Thánh-giá, hình Đức Giáo-hoàng Piô XII, Gioan XXIII bà chỉ dán thẳng vào vách, không khung. Nhà bà nghèo lắm. Thằng Truyền con bà năm xưa đi làm củi trên nguồn kết bè thả về bị nước xà-bang ở vực sông Cà-lố xoáy nhận chìm chết luôn.

Có một món quà rất cần thiết mà tôi quên dự-trù là thuốc men. Ho' sót rét,

nóng lạnh, ghê, sâu quảng..., nhưng người quen của tôi không mấy ai thoát khỏi một trong những chứng bệnh thông thường đó. Có người viêm luôn hai hay ba chứng. Tôi gửi tiền cho anh Quý chạy xe Lambretta ra Tuy-Hòa mua dùm thuốc. Tôi đóng luôn vai cô y-tá hương-thôn.

Hôm về, tôi gom góp đem theo được vài chục tập « Hương quê ». Không thể nào mô-tả nỗi sự thoải-mái êm-đềm khi nằm lật những trang sách đậm-đá tình-yêu đất nước đó. Thiên-nhiên đó là của tôi, hạnh-phúc đó vừa tầm tay với : cách trồng đậu đũa, đậu ve, tỏi, khoai lang, đu-đu... cách chiết cây mận, cách ghép cây xoài, cách nuôi gà, nuôi heo, cách nuôi hồ cá, cách ủ phân, cách đặt bươm nước... Tôi sẽ lần lượt thực-hành những điều sách dạy, tôi sẽ giúp ý-kiến cho ông cậu Qua, cho bà xã Kỳ, cho mọi người trong việc nông-tang của họ. Tôi sung-sướng được sống giữa một sự vươn mình trong sạch an-lành, tôi có chỗ để đặt niềm tin bởi vì sự cần-mẫn yêu vui không chứa đựng hoài-nghi giả-dối. Quả thật Thiên-nhiên không độc-ác với con người, không có sự đối-phó tàn-bạo mà là một sự uốn-nắn nhẹ nhàng và nhịp-nhàng, một sự trao mời, một sự thỏa-nhượng.

Giá có Trác giúp tay vào, — tôi chột nghĩ. Trác giàu lớn, Trác có nhiều phương-tiện hơn tôi để giúp đỡ những người bà con nghèo của tôi. Trác có lòng vị-tha, Trác có dịp nhận được bài học của những ngày nghèo khó... Nhưng mà chậm rồi. Tất cả đều bắt đầu quá chậm. Tôi còn có chút hy-vọng gì rằng một ngày kia trí-óc của Trác sẽ trở lại bình thường ?

Chiều nay tôi có nhận được thư của Khánh viết từ Đà-lạt, tôi mới đọc qua

một lần còn để nơi túi áo. Tôi lại vắn cao ngọn đèn rồi ngồi xuống ghế rút bức thư ra. Nhìn qua cửa sổ, đêm tối như sơn bằng dầu hắc. Tôi chọn đọc lại đoạn thư nói về bệnh-tình của Trác.

.....

Chừng một tháng nay, tình-hình sức khỏe của anh có vẻ trở nên tốt. Anh ít bị xúc-động, ngủ được nhiều và an-giấc. Hôm thứ năm tuần trước, bác Hai có gọi điện-thoại cho em bảo rằng Trác sai bác gọi. Em lái xe vội đến. Trác mừng rỡ khi thấy em, bắt tay bình tinh. Trác hỏi em từ-tức chị. Em giấu không cho Trác biết câu chuyện về anh Thuyên sợ điều đó làm anh xúc-động. Trác hỏi sao lâu lắm chị không lên và dặn em viết thư mời chị. Trác tỉnh-táo nói chuyện vui vẻ, ăn mận và xoài với em, chia kẹo cho lũ nhỏ đến thăm. Hơn một giờ sau anh mới tỏ vẻ uể-oải, xin đi nằm.

Bác-sĩ Sergent ở dưới Grall có cho em biết là đầu năm Dương-lich sẽ có bác-sĩ Lemoine chuyên-trị bệnh thần-kinh ở Paris qua Saigon. Em trông mong mau đến ngày đó. Hôm trước cô giáo Cúc ở Phan-thiết gọi lên một giờ sò huyết nhằm lúc anh tỉnh-táo. Em sợ độc không dám cho anh ăn nhưng anh không chịu, bắt nường cho anh mấy con. Anh nói : « Lâu nào ghé lại Phan-thiết con Cúc nó cũng bắt anh ăn sò huyết. Anh giả bộ ăn ngon lành cho nó vui chứ thực tình ở trên đời anh có thích ăn món chi đâu. Bây giờ nó đã gửi lên thì anh phải ăn cho nó vài con. Ăn rồi chết cũng được. Em mở tủ lấy hai nghìn chọn mua món quà gì gửi cho con nó. Tết Trung-thu chưa ? » — Ch a, còn lâu (em trả lời). Thấy kệ. Mua hàng may áo dài gửi cho nó, mua vài sơ-mi cho con nó. Lấy ba nghìn. Nhớ gửi tiền đúng ngày cho

Hội từ-thiện Vinh-sơn, ký-nhi viện Bát-nhã... Đò, theo bản danh-sách anh đã chỉ cho em đó.

Chị Nhàn ơi, em nghe Trác dặn dò tỉ mỉ, nhìn Trác dăm chiêu trang trọng trong việc lo lắng vì người, em thấy xúc-động vô cùng. Em thấy hối hận vì mình đã sống í-h-kỷ hết sức, đua đòi hết sức, nông cạn hết sức, tiêu nhân hết sức..

Tiếng Thu Hà khóc lên ở trong nôi. Tôi xếp lại thư bỏ vào phong-bì rồi lật đật chạy lại bế con. Trong ánh sáng đèn, đôi mắt màu nâu mở to nhìn tôi. Tôi hôn lên má con. Nước dãi của con dấy lên mặt tôi, mùi thơm của sữa, mùi thơm của da thịt êm mát, cái trong trắng thiêng-liêng của một sự sống đang ý-thức, đang sinh-hóa, đang phát-triển từng phút từng giây.

Thu-Hà cười với tôi nhưng hai giọt nước mắt còn đọng ở khóe mắt. Con ơi, cuộc đời là vậy đó, nụ cười nước mắt

đi kèm nhau. Mẹ sẽ yêu con như Phúc. Mẹ sẽ yêu con thật nhiều, yêu hơn yêu chính thân mẹ. Con là nguồn vui của mẹ nhé, nguồn an-ủi, nguồn hạnh-diện bởi vì mẹ bắt đầu tái-tạo lại cuộc đời với con trên tay. Con đã gây cho mẹ ý-thức đúng-dẫn về cuộc đời. Con sinh ra là nạn-nhân phi-lý, con có thể bị chôn dập hồi lâu ba tháng, con có thể bị bỏ vào viện mồ-côi để suốt đời sống với cái mặc-cảm của con chó ghẻ. Cái gì sẽ chờ đợi con? Ô điếm, trại cải-huấn, vi-khuẩn giang-mai, vi-khuẩn Koch. Nhưng mẹ đã gặp con. Mẹ thương con rõ nhiều con nhé? Hãy chia một nửa linh-hồn và thân xác của mẹ, nửa kia dành phần cho anh con. Hãy thương yêu mẹ trở lại.

Tôi ôm siết Thu-Hà vào giữa vòng tay, áp má mình lên má con, hôn từng hơi thật dài, thật dài, say mê như cố hết sức hít vào nguồn sinh-lực mới, nguồn tin-tưởng mới, nguồn hy-vọng mới.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

**GIÓ CUỐN** đã được chấm dứt ở số này. Các bạn đọc đã say mê theo dõi truyện dài thời-đại đặc sắc trên đây của Võ-Hồng sẽ được thỏa-mãn vì **GIÓ CUỐN** đang được in thành sách do Lá-Bối xuất bản và sẽ phát hành trong những tháng tới đây.

Ngay từ bây giờ bạn đọc hãy đón mua :

**BÊN KIA ĐƯỜNG** truyện của **VÕ-HỒNG** do nhà xuất bản **MẶT TRỜI** ấn hành.

ĐÓN ĐỌC :

### CHIỀU MÊNH MÔNG

Tập truyện của Nguyễn-thị Thụy-Vũ  
và Trịnh-Cung

Kim-Anh xuất-bản

● Đã đọc văn-ngệ chính - thống, văn-ngệ viễn mơ, văn - nghệ nhập cảng...

bây giờ hãy đọc :

**VĂN NGHỆ XÁM** tuyển văn của những người cùng đánh Việt-Nam,

**THÁI ĐỘ** đã phát hành :

230 trang — Giá 110 đ.

# CÚI MẶT

2 | Cả trại ồn lên từ lúc trời còn sáng mờ mờ : tiếng chân người bước trên sạp cây thịch thịch, tiếng bát đĩa va chạm, tiếng cành cây khô gãy vụn dưới bước đi, tiếng gọi nhau lao xao trong những căn nhà sàn phía ngoài. Trên nhà cơ quan, mấy con gà mái quác quác ầm ầm. Những tiếng động lạ tai ấy đánh thức đám người trong kỹ luật. Nhiều người tung mền nghển cổ nhìn ra ngoài. Sự linh cảm có một điều khác thường trong trại làm họ tỉnh táo. Họ nhớ lại những tiếng súng nổ hồi nửa đêm dưới chân núi. Quang kéo mền ngồi dậy, hơi lạnh buổi sáng làm Quang rùng mình muốn chui lại vào trong mền. Ở ngoài bếp có tiếng ho của ông Đoàn phó lẫn với tiếng mấy người cảnh vệ ra lệnh cho đám tù. Quang ghé mắt nhìn ra ngoài. Qua làn khí đá mờ mờ, những bóng người lảng vảng đi lại trên sạp, những thúng mủng, quanh gánh đờ bừa bãi trên những mỏ đá. Trong phòng kỹ luật có tiếng một vài người xi xào. « dời trại ! dời trại ». Quang vẫn một điều thuốc hút rồi quay qua lay vai Thảo :

— « Dậy mày ! Dậy mày !

Thảo sửa người trong một cử chỉ mệt mỏi, mở căng miệng ngáp một hơi dài lâu nhàu trong miệng :

— Đề tao ngủ chút nữa. Sớm mà !

Một người cảnh-vệ bước vào đồng dạng gọi :

— Ông Chín !

Ông Chín già đang nằm trên chiếc võng bố mắc ở góc phòng chồm dậy đu xuống.

— Ông nói đây cho anh em đề họ còn dọn dẹp dời trại.

— Dạ ! dời trại sao anh Bốn ?

Người cảnh vệ không đáp, lảng lảng bỏ ra ngoài, nhảy từng bước dài trên

những rễ cây lớn trời lên mặt đất. Anh Năm Sự đã thức dậy ngồi dậy rũ mắt, mồm há ra méo xệch sang một bên. Anh xoa xoa hai tay cất giọng nói lè nhè :

— Đi nữa ta ơi ! Chết tía tui rồi, ba cái hột bắp hồi hôm ăn không nhai mà nó cũng tiêu đi đâu hết ráo.

Gần đó, anh Tư Sang khum khum hai tay châm thuốc hút, ngọn lửa loè lên soi rõ cặp lông mày đượm nhàu lại. Anh nói qua hơi thuốc :

— Nè ông Chín hồi hôm nghe súng bắn không ?

— Ai không nghe mày.

Anh Tám Lâu ngồi bỏ thõng, hai chân trên chiếc võng của mình hỏi băng quơ :



— Đu mẹ ! đạu đầu mà bắu đứ quá hé, hời đớ phiền gác ai ta ?

— Phiền tui — Ông Tám Bửu vừa nói vừa khoa tay chỉ — lúc tôi kêu thằg mười Mấy đỏi phiền còn nghe súng bắu phía này, súng đạ liên không.

— Thôi đi cha, bết mẹ gì mà cũng đạ liên với tiều liên.

Anh năm Sự vừa dơ tay cào sồn sột lên lớp da bụng, vừa nói xen vào. Ông Tám Bửu ngừng xếp mền, ngàng mặt lêu tức tối :

— Bộ mày tưởng mình mày đi lính mày mới biết súng đạ liên sao. Thằg này cả mười mấy năm chạy loạn mà dễ thường không phân biệt được tiếng súng. Mày coi nè !

Ông Tám Bửu vừa nói vừa vén quần chỉ vào vết sẹo dài ở gần háng. Ông Chín già nhăn mặt nói lớn :

— Trời đất ! Bây giờ mấy người ngồi cãi lộn đó sao, lẹ lẹ lên còn nói dây cho người ta chớ. Ba cái đồ quý đó mà xếp xếp hoài ?

— Rồi, rồi, tui rồi, ông khỏi lo mà ông Chín.

Anh Tám Lâu vừa cọt cái tay nải đựng đồ xong, treo lên vách rồi đi nói dây cho dây mình.

Đám tù bắt đầu dọn đồ đạc một cách vội vàng. Quang nhòai người lấy chân khều một sợi dây cọt. Thảo hỏi :

— Mang tấm lá theo không ?

— Sao không mày, rồi lấy chi nằm, đêm mà nằm xuống đá lạnh thấy ông cố nội, cố ngoại.

Thảo hé miệng kéo cái nút buộc tay nải rồi hỏi tiếp :

— Mày biết trại dơi đi đâu không ?

— Sao biết được, tao đâu phải cơ quan.

Quang dọn đồ của mình xong, ngồi bệt xuống, móc túi kéo ra một gói ni-lông nhỏ đựng thuốc, lấy giấy vắn sẵn một điều, quay sang hỏi :

— Nè Thảo, mày còn thuốc không ?

— Sắp hết rồi ! Thảo đáp.

— Chết mẹ ! Rồi lấy gì hút ? Tao cũng chỉ còn có vài điều.

— Kệ cha nó hết nhịn luôn.

Quang cười khây :

— Sự mày không chịu được, kỳ trước dơi trại trời lạnh mà còn nằm ngủ trên đá, tao thêm thuốc chịu hết thấu. Quang lấy chân đè giùm tấm lá cho khỏi bụng đè Thảo cọt ở hai đầu và luồn một sợi dây chằng đeo lên vai.

— Mày biết tại sao đi không ? Thảo hỏi ?

— Dĩ nhiên là tại đi lánh giặc, mày không nghe súng bắu hời hôm đ' sao ?

Quang bỗng quay mặt nhìn đăm đăm ra ngoài, nói mơ màng như cho chính mình nghe : « Tụi địch nó tấn công cái núi này, bây giờ không chừng nó ở dưới chân núi ». Thảo ước thử sợi dây lên vai giọng hồ hững :

— Đi rồi có trở lại đây nữa không ?

Quang bị kéo khỏi những ý nghĩ của mình, đáp câu kính.

— Tía tao cũng không biết, tao đã nói tao đâu phải cơ quan.

Ở đây bên cạnh có giọng khàn khàn của thằg Tài nói với Sang :

— Sao các thằg nó hỏi ngu thế ; ở đây mà hỏi cái giọng đó chắc nó hết muốn sống rồi.

Thảo vùng lên như thói quen của những con mụ lắm điều :

— Tao nói gì mặc cha tao. Tao đâu có ia lên đầu ông tội mày lười nẻo đâu.

Thằng Tài dẫn mạnh gói đồ, chồm người trên hai đầu gối, chỳn vùn xô tới. Ông già Cung ngồi bên cạnh đỡ tay cản nó té xuống. Quang cũng kéo Thảo sang một bên. Thằng Tài lầu nhầu trong miệng :

— Kệ tui mà! đề tui bẽ gãy họng nó ra.

Thảo nhún vai cười chế diễu. Ở ngoài cửa có tiếng người cảnh-vệ gọi với vào :

Ông chín đầu rồi, cho k - luật ra ngoài đi !

Một vài người hối hả cột đồ đạc lên vai. Quang cúi xuống bắt lại các ống quần lên cao. Trời sáng dần. Đám tự-giác đã thu dọn xong. Một vật người ngồi bệt xuống sạp đỡ thuốc hút. Mấy cô cấp dưỡng ngồi cạnh những giỏ muối và thùng bát đĩa vẫn sạ lại mái tóc. Kỵ-luật đứng riêng ra một góc. Mấy người cảnh-vệ bồng súng ngồi vắt vẻo trên những mô đá, mỗi người quàng một cái ruột ghé đựng gạo đặng sau lưng. Bà Sáu còn mang cái bu gà ra nhờ một người tù mang hộ. Ông Sáu ẵm đứa con trai nhỏ leo qua cái cầu khỉ bắt ngang suối. Ông đặt con xuống đất rồi leo lên đứng ở một mô đá cao. Mọi người đưa mắt nhìn chăm chú. Ông đứng thẳng người, hai tay khoanh trước ngực, ngó phớt lên đám tù. Ở phía nhà bếp có tiếng ông đoàn-phó vang lên :

— Anh em ngồi xuống hết coi.

Ông Sáu đợi cho mọi người hoàn toàn im lặng mới cất tiếng nói chậm rãi và rõ ràng :

— Hồi hôm bà con đây chắc đã nghe thấy tiếng súng nổ. Tôi xin báo cho bà con rõ : hiện tại địch rất gần ta. Chỗ ở của ta không được kín đáo lắm và có

ghe ở trong những hầm súng lùn của địch. Vì lý-do đó chúng tôi phải đưa bà con đi tản cư để tránh khỏi cái tầm súng đạn đó. — Ông ngừng lại một chút, nuốt nước bọt rồi nói tiếp. — Tuy nhiên, trước khi đi tôi thấy cần phải nhắc nhở với bà con vài điều. Bà con đây ít nhiều đều là những người có tội lỗi đối với nhân dân, được nhân dân đưa đi cải-tạo để rửa sạch những lỗi-lầm đó. Bà con đừng thấy những khó khăn cách mạng gặp phải ngày hôm nay mà đã vội giao-động tư-tưởng đề nghị rằng cách-mạng đã thua. Bà con lắm, từ Tết tới giờ, như tôi đã có dịp nói với bà con trong buổi học tập là tội Mỹ nó đã kéo cả mấy trăm ngàn quâa để uy hiếp quân dân ta. Tạm thời, trước cái đồng đảo của nó ta phải tạm lùi. Nhưng — ông đỡ một ngón tay ngang mặt giữa sống mũi — Cách mạng lùi một bước để tiến hai bước. Bà con hãy tin rằng cách mạng không thể nào thua được. Dãy Trường-Sơn này còn, Cách-mạng còn — Cách mạng còn, đất nước không thể nào rơi vào vòng nô-lệ được — Ông bỏ tay xuống chắp ra sau lưng, đảo mắt nhìn một lượt xung quanh — Tôi biết được một ít người trong số bà con đây đã dể-biến tư-tưởng, hy-vọng tẩu-thoát được bàn tay cách-mạng. Tôi còn biết được những kẻ đó là ai. Tôi báo mà con bết trước đề liệu mà từ bỏ cái tư-tưởng lăm lặc đó đi. Bà con có chạy thoát xuống chân núi bây giờ, tội Mỹ nó cũng không tin được là bà con vừa trốn khỏi trại cải-tạo của nhân dân để về cúi đầu hầu hạ nó đâu. Nó đâu có hiểu bà con nói gì, nó đâu có nghe được tiếng Việt ta, nó sẽ bắn ngay lúc bà con ló khỏi bia rừng. Ít lâu nay, tuy sự ăn uống có giảm sút nhưng chúng tôi đâu đã để bà

con phải chết đói. Trong cái lúc khổ sở, thiếu thốn này bà con cần phải khắc phục để thể hiện lòng ăn năn hối cải của mình.

Chúng tôi không phải là gỗ đá để không biết là bà con đang khổ cực. Nhưng lỗi đó đâu phải tại cách mạng, lỗi đó do tội giặc gây ra cho bà con. Bà con phải cảm hờn tội Mỹ mới phải. Bà con đồng ý với tôi điểm đó không ?

— Đồng ý ! đã đảo bọn Mỹ ! đã đảo ! đã đảo.

Tiếng nhiều người cùng hô lên một loạt. Quang đi đi ngón chân xuống đất nhìn một cái xác lá mục nằm trong vũng nước, nghĩ tới lời nói của ông Sáu Côn : « Tôi biết được một số ít người trong số bà con đây đã đến biển tự tử, hy vọng lầu thoát.. » Quang tự hỏi : « thật thế chẳng ? vô lý, ngay cả Thảo cũng chẳng biết mình nghĩ gì. » Quang nói thêm : « Này thằng Sáu Côn, tao oán thù cách mạng lắm, tao tin là tội Mỹ nó sẽ bắn tao ở bãi rừng nhưng không đời nào tao tin được cái miệng của mày, mày đã bỏ đời chúng tao. » Quang nhìn lên. Ông Sáu Côn đã dứt lời, nó vẫn động vẻ kiêu hãnh. « Đó, nó làm sao biết được mình nghĩ cái mẹ gì, nó làm sao hiểu được mình đang chửi nó ». Quang quay sang Thảo. Nó đang ghé miệng gặm sợi giây nâu cột đồ về mặt thân nhiệm, Quang thấy yên bụng và thích chí như những lần đánh bạc lật tẩy được một thằng chơi gian. Phía trên kia anh Bốn Đoàn bắt đầu nói :

— « Tôi được cơ quan giao cho việc coi sóc anh em, bà con khi dời trại, mọi sự sơ-sẩy tôi phải gánh chịu hết nên tôi hy vọng bà con sẽ giữ kỷ luật khi đi đường. Thứ nhất bà con không được ngắt lá cây, không được bẻ các cành con để tội địch có thể dò biết được. Thứ

nhì không được gây tiếng động hay nói chuyện ồn ào. Thứ ba, bà con phải cất kỹ những ống lon, ca đựng đồ, những miếng nhựa trắng hay bất cứ những đồ gì chói nắng để máy bay địch có thể trông thấy....»

Quang đứng yên thắc mắc mãi về cái việc « Ông Sáu Côn không thể nào hiểu được ý nghĩ của mình » cho mãi tới lúc đoàn người bắt đầu đi. Đi đầu là ông, Ba Lớn vai đeo một cái ba lô bằng vải thô dày, kế đến bà Sáu Côn và mấy đứa nhỏ. Sau đó đến bọn đàn ông vác gạo, bắp hay gánh những sọt than. Mấy cô cấp dưỡng và mấy mẹ đàn bà đi thành từng toán chia nhau những giỏ muối, những thùng chén đĩa nồi niêu. Mấy người cảnh vệ chia nhau đi xa vào từng đoạn một. Hai người đàn ông khiêng cái võng cụ Chắc bắt đầu bọc hai đầu đòn lên vai Quang nhìn hai cái bàn chân xương xẩu của cụ lộ ra ngoài, tự hỏi không hiểu cách mạng bắt một cụ già lụ khụ như vậy để làm gì. Từ ngày lên cụ ốm liên miên. Một đôi lần trước kia người ta thấy cụ run rẩy bước trên những hòn đá trong sân nhật rác rưởi và lá cây khô bỏ vào trong cái giỏ mây thưa. Sau này, những cơn sốt hành hạ vào mỗi ngày, Cụ nằm lì trong trại và mỗi chiều khi cơn bệnh kéo đến, người ta nghe thấy cụ rên khừ khừ và nói lảm nhảm trong miệng. Lần trước cụ được khiêng đi phía đầu nhưng sau lần dời trại ấy, số người bệnh trong trại tăng vọt lên, người ta lập tức dồn hết mọi tội lỗi cho Cụ. Nhiều người lớn tuổi nói với vẻ tin tưởng : « Cô bác nghĩ coi, khiêng gì mà lại khiêng đi đầu như khiêng đòn đám ma ». Cơ quan cũng đồng ý và lần này cho khiêng cụ đi sau sát với đám kỷ-luật. Người cụ gầy đét nằm lệt thốt trong

chiếc võng bố trông như một khúc cây khôg khiu.

Đoàn người lặng lẽ đi ngược theo dòng suối. Trời sáng dần, những tia nắng nhuộm vàng đầu những ngọn cây lớn ven bờ suối bên kia. Đường mỗi lúc một khó đi. Quang thấy bàn chân bắt đầu rất vì dẫm lên mặt đá nhám. Càng đi lòng suối càng rộng dần, cho tới chỗ có những tảng đá lớn nằm chồng chất lên nhau chiếm cả một khoảng lớn thì dòng suối chỉ còn là những dòng nước nhỏ tuôn ra từ trăm ngàn hốc tối, chảy chậm chạp lừ đừ, như một giải lụa trắng và mềm quấn vào chân các mô đá! Bên kia bờ suối là một đám cây nhỏ rậm rạp, xanh như màu mạ non. Những giọt nước đọng trên lá long lánh làm Quang liên tưởng đến những cây giáng-sinh có giăng đèn và giải những dây kim-tuyến ở đền nhà thờ mỗi cuối năm. Cái cảm-giác đầm ấm của những ngày xưa vui vẻ sống lại trong người làm Quang ngây ngất. Bao giờ mới được sống lại những ngày vui vẻ ấy? Bao giờ mới được yên-đàn quý dưới chân Chúa nghe tiếng cầu kinh trầm-trầm vang lên trong giáo-đường? Quang vô ý vấp phải một cái rễ cây bò trên mặt đất ngã chúi xuống. Một người cảnh-vệ xăm-xăm bước tới:

— Đi đứng có mắt mà quá người đi.

Quang hấp tấp đứng dậy, một bên ống quần tuột ra lưng-bụng. Quang đề nguyên vậy tiếp tục đi, hơi ân-hận về sự vô ý của mình.

Đoàn người đi qua khỏi đoạn đầu suối, bắt đầu tiến vào một con đường dốc ngoằn-ngèo. Con đường nhỏ không có lấy một ngọn cỏ dại như có người đi nhiều lần làm Quang ngạc nhiên không ngờ trong chốn núi rừng âm-u này lại có sinh-hoạt thường-xuyên của loài

người. Quang nghi tới những người làm cách-mạng và trong lòng nảy nở một thứ tình-cảm kính-phục. Cái ống quần tuột ra lòa-xòa, thỉnh thoảng lại mắc vào một nhánh cây nhỏ chia ra làm Quang bực bội nhưng không dám dừng lại để vén lên. Đường mỗi lúc một trơn trượt, mọi người phải bắm ngón chân vào mỗi bước đi. Đường như phủ một lớp đất sét nhờn dẻo quánh trơn như mỡ. Có một đoạn đường dốc ngược xuống, mọi người đi chậm hẳn lại, họ phải bám vào cành cây đu dần xuống. Quang tự hỏi những người gánh đồ và khiêng võng cho cụ chắc làm sao có thể vượt qua? Nhưng lập tức Quang lại nghi những người đó có thể hỏi lại làm sao những người trong kỷ-luật có thể trèo được với cái tay bị còng? Quang bật cười về sự lẩn thẩn của mình. Ông Tám Xu đi đằng trước vô ý buông cái cành cây bật ngược lại phía sau đập vào mặt Quang đau điếng. Mắt tối sầm lại, Quang đương cố gắng mở một bên mắt tìm lại cái cành để vịn thì đã thấy người mình trượt đi như một chiếc thuyền. Rồi thân của người đi sau kéo mạnh té dõn cục vào một chỗ. Chân của Thảo đập vào vai làm Quang đau đại cả người. Ông Tám Xu lồm cồm bò dậy, quần áo lấm bết. Quang luống cuống nhìn lại phía sau tìm bóng người cảnh-vệ - không có ai, Quang buột miệng chửi một câu tục tĩu. Thảo cũng chửi theo nhưng không ám-chỉ một người nào. Anh Tám Lâu coi đây lại nhặt giùm gói đồ của Quang văng ra bên cạnh vừa pha trò:

— Đi đứng kiểu này coi bộ lệ phải không bà con?

Quang cúi xuống vén lại ống quần rồi hấp tấp bước theo toán người đi trước đã bỏ một quãng khá xa. Một lát sau

thấy bắp chân xót xót. Quang cúi xuống thấy một đường máu dài chảy xuống tận mắt cá. Quang tiếc rẽ nghĩ : « Chỗ máu này là bao nhiêu chất bõ, thật uổng, ta đang cần sức để sống đến ngày về ». Quang nghĩ tới những chén cơm bắp, những hột muối có lẫn cả cát ròi này ra sự so sánh với những bữa cơm ở nhà. Cơm ở nhà có rau, có mướp luộc, có cá đồng nấu canh bầu, có tôm rim... Những ý tưởng nọ nối với ý tưởng kia triền-miên như dòng nước, Quang bắt đầu có những ân-hận về di-vãng của mình. Giá đừng đi dân-vệ..., giá đừng lên về nhà ngủ tối hôm ấy, giá bỏ đi Saigon làm ăn... tất cả những mệnh-đề theo sau đều là những sự-khien thật tốt đẹp mà không cần phải nghĩ nhiều Quang cũng có thể ý-thức được một cách rõ ràng. Giá đừng có chiến-tranh..., Quang dừng lại ở đó và ngăn người ra — ta đâu phải đi dân-vệ, đâu biết cầm súng giết người, ta làm ruộng, ta sẽ trồng cà ở vườn, ta trồng cải nữa, ta còn gầy một rặng trầu và không chừng bây giờ ta tựu thêm được một đôi bò, một con đực một con cái, chúng sẽ đẻ...

Đột nhiên đoàn người dừng lại. Cái tin được nghĩ ngợi ăn uống truyền đi thật mau. Những người cảnh-vệ chia nhau đi xếp đặt chỗ ngồi cho từng toán. Quang ngồi tựa vào một gốc cây thở hờn hèn. Lúc đó Quang mới kịp nhận ra sự mệt mỏi trong người. Thảo ngồi bên cạnh, chân duỗi dài, lưng tựa vào thân cây, mắt nhắm lại. Quang lấy tay lau vết máu và ngoắc ông Chín già lại mời nhờ điều thuốc. Khói thuốc luồn vào phổi làm người ngáy-ngáy, Quang thấy dễ chịu, ngược mặt nhìn vợ vẫn lên vòm cây. Qua kẽ lá, Quang nhìn thấy một mảnh trời có nắng lóa ở viền các cụm mây. Một giọng nói lè-nhè phía sau :

— Anh Quang, cho tôi làm một hơi, thèm quá sức thèm.

Quang quay lại, bộ mặt thẳng cha Tương với cái miệng rộng và cái răng bít vàng, bộ mặt thật dễ ghét, bần tiện, ích-kỷ. Quang không ưa cái bộ mặt ấy từ ngày nó tố-cáo một người nói chuyện với ông đoàn-phó.

— Tôi chỉ xin anh lần này thôi, nhất định mà — Hảo khăn-khoản.

Quang đưa màu thuốc cho hảo và không buồn xem hảo rít điều thuốc dài tới thế nào.

Anh Tám Lâu mang về cho đây mình một rá cơm bắp. Trănng Quý giành chia cơm. Phần ăn mỗi người hút đến hai xi lớn. Trănng Úng chửi thề :

— Chết tía mấy con cấp dưỡng ! nó chia cơm vậy chết không nhắm mắt.

Thảo cũng lộ vẻ bức tức :

— Ba cái con ngựa kéo ấy nó tọng vô lòi lọng ra rồi còn đâu chia cho anh em.

Quang im-lặng nhai từng hột bắp. Bắp nguội và hơi ướt nhưng Quang vẫn cảm thấy mùi béo ngậy-ngậy của những hột bắp tẻ. Ăn xong Quang mới thấy đói và thòm-thèm hơn, Quang nhớ tới những vườn bắp rậm rạp, trái bắp mới đậu xanh mướt, những hột bắp đều mây trắng đục như màu ngà. Quang tự hỏi tại sao hồi trước, có nhiều lần đi qua những vườn bắp mà không để ý lại nghĩ ngợi đến những chuyện vợ vẫn, vô ích ?

— Quang, trông kia, tao đố mày bà Sáu với mấy đứa nhỏ ăn cơm với gì ?

Quang nhìn theo tay Thảo, trả lời :

— Muối mè !

— Không đúng, thọt !

— Ở đây làm gì có thọt ? Nếu có đời nào ông Sáu lại đi ăn cơm với mấy ông Ba Lớn, Ba Nhỏ.

— Ăn mười mè mà lại gặp à? Mày đề ý coi — Thảo cãi.

Quang im lặng và không cần nhìn cũng biết ông Tam Xu dương ngồi rờ rẫm nghịch với mấy cái lông mũi. Anh Năm Sự từ đằng xa bước lại, vừa đi vừa xoa cái bụng bự của mình :

— Ê! Ê! sửa soạn đi bà con ơi.

Thảo vuôn vai ngáp một hơi dài. Mọi người uể oải đeo lại những gói đồ lên vai. Thảo nói :

— Kỳ này được về, có phải bán nhà tao cũng mua một cái đầu heo luộc ăn cho đã.

Đoàn người bỏ con đường mòn đi xuyên qua rừng cây. Mặt đất đầy lá rụng lâu ngày ủng thối đi, mỗi bước chân dẫm xuống, lớp nước đọng ở dưới đen xì, đặc quánh trào lên theo mấy kẽ chân. Sự mỗi một như t'ấm vào tận cùng cơ thể, Quang thấy bước đi mỗi lúc một nặng nề. Những người Cảnh-ê luôn luôn giục giã, gắt gỏng. Ô Tam Xu đột nhiên la lên. « Vắt! vắt! » rồi đứng dừng lại. Một con vắt bám vào bắp chân, mình đen như màu gỗ mục. Ông Xu dứt thật mạnh quăng ra xa, một đốm máu đỏ tươi ứa ra từ miệng vắt cắn. Quang tắc lưỡi : « Lại một số chất bỏ mất đi ». Mồ hôi bắt đầu chảy thành dòng bên hai thái dương. Quang bước chệnh-choạng như một người say rượu, hai chân như không chịu sự điều khiển của bộ óc dẫm vào một hòn đá sắc mà rõ ràng Quang đã nom thấy và định tránh đi trước khi bước tới.

Trời tối sầm lại. Gió như nổi lên thì một góc rừng nào đó thổi vi vút qua những hàng cây. Lá rụng lá tả khắp nơi. Cả khu rừng reo lên một điệu nhạc hoan hỉ. Cơn mưa sắp đến làm mọi

người đi mau hơn. Quang gần như phải chạy lúp xúp mới theo kịp toán đi trước. Đoàn người tới một con thác lớn. Nước như ở cả mọi nơi dồn lại chảy trên một cái lạch rộng. Cái lạch bỗng đứng sựng xuống như một nấc thang lớn và từ đó nước đổ xuống ào ạt thành một bức tường trắng. Mọi người đi chậm lại cần thận đặt từng bả chân lên các mỏm đá. Phía dưới, nước chảy ầm ầm, — bọt ngầu lên trắng xóa rồi tan đi mau chóng khi lau vào các bờ cỏ. Càng ra giữa thác, nước chảy càng mạnh; Quang mãi nhìn một tảng đá giống hình con cóc đến nỗi suýt bị nước cuốn đi. Vừa lúc ấy; một chiếc máy bay xì đến, tiếng động cơ nổ rè rè. Người cảnh vệ đứng bên kia bờ thác hét lớn : « Ngồi xuống! » Tiếng hét vang lên lạnh-lãnh Mọi người ngồi xuống như một cái máy tự động. Quang ngược mắt nhìn lên, chiếc máy bay có hai cánh dài và gọn bay là là trên đầu các ngọn cây rồi mất hút ở phía xa nhẹ nhàng, thơ thới như một con bướm vờn trên các cánh hoa. Quang đứng lên, quần áo ướt đẫm.

Người cảnh vệ cười thoải mái :

— « Hú hồn! tui tưởng bà con chết rồi chớ, nó bay thấp quá mà! »

Trời bắt đầu mưa. Những tiếng rào rào mới đầu nổi lên ở một phía xa rồi tiến lại rất nhanh như tiếng vó ngựa ròn-rập của cả một đoàn quân phi trên các ngọn cây. Mưa đổ xuống dào dạt. Đoàn người vẫn lầm lũi đi như một con rắn dài trườn mình vào phía rừng cây trước mặt. Nhiều người đã khoác những tấm nhựa lên đầu che mưa. Đường mỗi lúc một dốc ngược, lắm đoạn người ta phải nằm bò trên những tảng đá để leo lên hay phóng người qua những miệng hố sâu. Những người cảnh vệ trèo leo

như loài sóc, luôn luôn phải đứng lại chờ bọn tù nhân. Quang chăm chú đi không nhìn thấy gì ngoài những hòn đá dưới chân và các gói đồ lúc lắc trên vai ông Xu. Lúc đoàn người dừng lại Quang mới nhận ra mình vừa trải qua một đoạn đường dài quên mệt.

Những người cảnh vệ nhẩy lên những tảng đá cao ngó dáo dác như muốn tìm kiếm một chỗ nghỉ qua đêm. Ông Sáu Côn rút khẩu súng lục ra lau với cái khăn choàng đầu. Quang đưa mắt nhìn chung quanh và không ngờ cơ quan lại cho đóng trại ở một địa điểm cheo leo thế này — chung quanh toàn là những tảng đá lô nhô như một cái vườn kỳ lạ trồng đủ các loại nấm hoang, không có một đoạn nào bằng phẳng khả dĩ có thể cắt đoạn được một túp lều. Phía bên kia là vách đá sừng sững mà Quang đoán là sườn một ngọn núi khác vì Quang đã trông thấy cái sườn của nó nổi lên thành một đường viền dài mập mờ, đen xẫm. Anh Bốn Đoàn dẫn một vài người đi chặt lá về quây một chỗ cho cấp dưỡng đun nấu. Mọi người loay hoay tìm chỗ ngủ. Anh Tám Lâu đem về cho đây Quang một ôm lá hỗn độn để trải làm chỗ nằm. Ông Tám Xu, Thảo và thằng Quý giăng những miếng nhựa lên đầu che mưa.

Anh Năm đi qua vấp vào một nhánh lá, nói :

— Ăn đi, lá quế đó.

Quang dơ tay đón, hỏi lấy lòng :

— Đâu vậy anh Năm ?

— Ở mé suối, thiếu cha gì.

Ông Tám Xu bứt một ngọn lá, nhắm nháp, mũi hơi nhăn lại :

— Quế này là quế lá, rừng miệt này chắc không có quế cây.

Thảo nhét cả một nắm lá vào miệng,

nhai ngấu nghiến, nói lung búng.

— Giá có cam thảo, cam thảo thì tôi có thể gặm cả thùng được, à mà táo tàu nữa, thuốc bắc chỉ có hai vị ấy là ngon. Quang ngắt một đọt lá ở ngọn nhai thông thả. Nước lá quế tiết ra cay cay, mùi thơm sộc lên mũi làm nóng cả mặt.

Cơm nước xong thì trời sập tối. Khi đá bốc lên mù mịt. Cả khu rừng như chìm trong một lớp mây mờ. Nước thấm vào người lạnh buốt. Quang ngồi xồm người co tay vào trong lòng, thú-vị trong việc đề nguyên cho hai hàm răng tự động va vào nhau lập-cập. Ông Tám Xu ngồi gục đầu xuống hai đầu gối. Thảo châm một điếu thuốc, vẻ mặt thừ ra buồn bã. Một lát sau, Quang nghe thấy tiếng Thảo thở dài. Quang quay lại — Thảo úp mặt xuống đầu gối trong một dáng ngồi như ông Xu, điếu thuốc cháy ngun-ngún ở đầu kẻ tay. Bên nỗi buồn đột nhiên của bạn, Quang thấy chân nản và bất lực. Ở bên ngoài, người cảnh-vệ đu đưa cái võng ny-lông, trên có phủ một tấm nhựa lớn che kín từ đầu tới cuối. Quang thấy thêm địa-vị và đời sống của người cảnh-vệ. Tại sao mình khổ thế này ? Quang nghĩ thầm và muốn khóc.

Trời tối mịt. Mặt đất nổi lên những vụn sáng lấp lánh. Mưa vẫn kéo dài rả rích. Thình thoảng một người cảnh-vệ đi tuần chiếu đèn pin vào từng dãy một, ánh đèn quét thành một đường sáng dài nhức mắt. Tiếng côn-trùng vang lên mơ hồ, buồn tẻ. Quang ngồi dựa vào Thảo mệt mỏi ngủ thiếp. Mơ thấy mình là một hòn đá ngồi dưới chân thác nước.

Nửa đêm trời mưa lớn. Nước đọng thành vũng trên miếng nhựa theo nếp nhăn chảy tong-tong vào bên trong. Mọi người phải thức dậy lấy que nâng chỗ trũng cho nước chảy ra ngoài. Đột nhiên

một tiếng nổ lớn vang lên ngoài mé suối, rồi có tiếng những cục đá văng vào vách núi rào - rào như có ai ném thật mạnh một mớ sỏi. Mấy người đàn bà la lên sợ hãi. Một lát sau, ông Ba Nhỏ cầm đèn pin đứng ở một gốc cây nói lớn:

— Địch nó câu đại bác vào suối, không sao đâu, bà con không được chạy nhốn nháo khỏi chỗ của mình.

Cơn mưa mỗi lúc một lớn. Nước đọng trên miếng nhựa tròn thành thành muốn đổ vào trong chỗ nằm, tới một độ không thể nào ngăn nổi, mọi người phải giựt dứt những sợi dây cột, chia nhau lấy đội lên đầu. Ông Xu, Thảo và Quang đội chung một miếng nhựa. Nước theo kẽ đá ci này róc rách thành những đường ngoằn - ngoè. Ông Xu nói:

— Mấy gói đồ ướt hết rồi.

Thảo than thở:

— Rõ ràng là trời không có mắt, nè đúng hôm đòi trại thì nưa.

— Kỳ này về nhà mình hết còn biết khổ là gì nữa.

Quang nói và cảm thấy thêm khao - khát một tấm giường nhỏ, một chiếc mền khô ấm để ngủ một giấc ngủ quên cả ngày đêm. Quang liền tưởng đến những đêm ngủ ở nhà, những đêm ngủ ngoài đống, chiếu mền nhà binh dày và nhẹ, cái ngựa gỗ, đôi gối có thêu hình hai con chim đương bót trên cành, với chữ hạnh-phúc bằng chỉ xanh đỏ. Đã bao nhiêu lần Quang kê đầu, Quang úp mặt trên chiếc gối ấy, nhưng chỉ có bây giờ Quang mới cảm thấy cái hạnh-phúc thêu thành chữ kia là thật. Quang nhớ đến vợ, nhớ cả cái tật Nhi nằm mỗi lúc lên giường. Bao giờ thì Nhi cũng gối đầu được vài phút rồi kéo cái gối xuống ôm trong lòng. « Giá bây giờ mình được ở nhà », cái ý-tưởng ấy thoáng qua đầu và

cũng chỉ trong một thoáng ấy Quang thấy thương nhớ và yêu-đương vợ nồng - nàn. Hình-ảnh Nhi tràn ngập tâm-hồn, Quang như thấy vợ đương cười, đương nói, đương cho con bú, đương lật rau bên bờ giếng, đương tưới luống cải trong vườn. Nhi thật đẹp, vui tính và dễ thương. Quang nhớ tới dáng đi và nụ cười của vợ. Đã có một thời nào Quang đã phải bỏ ra bao nhiêu ngày để theo đuổi nụ cười ấy. Quang bàng-hoàng nhớ lại những kỷ-niệm xưa. Bây giờ Nhi làm gì, Nhi còn hay làm món cá kho lẫn với đường mà chồng vẫn thích? Nhi có sống khỏe - khỏe vì mong nhớ chồng như Quang trên này vẫn nhớ tới Nhi? Quang nhớ tới giấc mơ hồi chập tối, nhớ tới hòn đá hình con cóc tắm dưới chân thác nước. Tại sao mình lại có thể mơ mình biến thành hòn đá? Giấc mơ lành hay dữ? Mình sẽ chết ở đây và biến thành đá? Câu chuyện trầu cau hồi nhỏ dẫn Quang đến những mơ - mộng vu - vơ. Quang thành một hòn đá, Nhi đi tìm chồng qua vùng núi này biến thành một thứ dây leo. Không thể được, Quang không thành đá và Nhi cũng không thể nào chết được. Nhi phải sống để nuôi thằng Hồ, con Ngọc. Quang cũng sẽ trở về, sẽ kể lại những cảnh khổ sở mà Quang đã trải. Chúng nó sẽ ngạc nhiên và khâm phục về sự từng trải và dày dặn của Quang.

« Mình phải về ! Mình sẽ được tha ! » Niềm-tin mơ-hồ ấy sáng rực trong lòng, Quang ngây-ngất như nếm phải một thứ men lạ. « Chính-sách của cách - mạng là khoan-hồng... » Câu nói cửa miệng của mọi người trong những buổi học-tập với Quang bây giờ trở thành một nguồn an - ủi và khích - lệ lớn lao. Quang nghĩ : « Mình có làm điều gì ác-đức đâu, lúc



nào mình cũng có bụng tốt với mọi người. Nếu cách-mạng không bắt bớ, bắn giết, không phá làng phá xóm thì chắc chắn mình cũng chẳng bắn giết họ làm gì. Chưa có bao giờ mình nhắm vào lương ai để lấy cò, rõ ràng là mình không tra giặc chuyện giết người đó. Nếu trong những lần chạm súng có người chết thì đó là tại họ không may, mình chẳng dính líu gì vào cái tội ác ấy. Người ta bảo mình cầm súng và canh đồn, mình đâu có muốn cách-mạng đem quân về tấn-công, mình khoái được ngủ yên hay coi xi lác hơn là thức khuya, lên đạ và nhòm ngó qua những lỗ châu-mai. Mình phải được về! Quang nhớ lại những lời nói của ông Ba Lớn hôm đầu tiên được gọi lên khai suất: «Anh cầm súng Mỹ giết hại đồng bào. Tội anh là tội chết nhưng cách mạng chỉ muốn đào tạo anh để anh trở thành một công dân tốt. Trước kia anh đã gây những lầm lỗi, biết bao người dân vô tội đã bị anh hành hạ, đánh đập. Anh đã gây cho họ biết bao đau đớn, anh bắn giết họ, anh đốt nhà họ, nay cách mạng chỉ muốn anh giác ngộ, hiểu được những tội lỗi của mình mà quay đầu về với nhân dân. Đáng ra, anh phải cầm súng bắn lại bọn giặc Mỹ đã man muốn đặt ách nô lệ lên đầu người dân Việt, anh phải giết họ vì họ đã dấy xéo lên đất nước của chúng ta. Cách mạng sẽ khoan hồng cho anh, nhân dân sẽ khoan thứ cho anh nếu anh thiết tình ăn ăn hối cải...»

Trời đã sáng nhưng mặt trời vẫn còn lẩn sau những lớp mây dày, cảnh vật sống trong một thứ ánh sáng mờ đục của một ngày âm uớt. Tiếng giun để thừa dần rồi bật hẳn. Một người cảnh vệ chui ra khỏi vũng, uể oải nhìn lên vòm cây, hai vai co lại vì lạnh. Trong

một hốc đá, hai đứa nhỏ con bà Sáu Côn vẫn còn ôm nhau ngủ cạnh những gói đồ, chúng nằm đầu mặt vào nhau, tấm chăn phủ quá cò. Quang tào mần lấy tay ấn sâu xuống mu bàn chân tìm những khớp xương ẩn sau lớp thịt dày bì bì như miếng da trâu. Ngón tay đào thành một lỗ trũng sâu xuống thịt. Ông Xu kêu:

— Cái chân coi bộ càng ngày càng đầy hung.

Quang vén quần chỉ vào vết thương ở bắp chân:

— Còn cái vụ này nữa, coi bộ cũng muốn làm độc sao mà nhức quá đi.

Giữa lúc đó, có tiếng hét của ông Sáu Côn ở một dãy phía xa:

— Mày nói đi, nói ngay! Tao giết mày bây giờ.

Quang ngẩng lên nhìn. Ông Sáu đang nắm tay rung rung trước mặt ông già Tộ:

— Mày đừng có nói láo, mày không qua mặt tao được đâu.

Mọi người cùng đổ dồn mắt về một phía. Ông già Tộ chấp tay vái vái, miệng lắp bắp:

— Dạ, thưa cơ quan, quả thiệt tôi không biết, có trời phạt làm chứng hôm qua tôi mệt quá ngủ suốt đêm. Xin cơ quan soi xét.

— Thôi câm đi, ai soi xét cho mày.

Ông Sáu dơ chân đá thật mạnh vào ngực ông Tộ. Ông già bật ngửa người ra phía sau, hai chân quờ quạng nhấc khỏi mặt đất trông như một hình nhân bằng gỗ bị xô té. Ông Sáu quay sang An ngồi cạnh, một cái đá nữa vào vai. An hơi lạnh người đi rồi ngồi lại ngay ngắn.

— Còn máy nữa, nó cần dây chạy đi lúc nào ?

— Thừa cơ quan chắc là khoảng nửa đêm vì sau khi súng nổ ở sới một hồi lâu tôi mới ngủ, trước đó nó vẫn ngồi cạnh tôi, ông Sáu cầm sợi dây cột ở tay An giơng dĩa xuống nhưng quả quyết :

— Máy ngồi cạnh nó mà nó cần đứt giây máy không hay ? Có phải máy tổ chức cho nó chạy không ? Máy khai đi, máy không khai tao bắn máy bễ sọ.

Ông rút khẩu súng lục đưa sát tận mặt An, An ngẩn ngừ nhìn vào họng súng rồi nói một cách bình tĩnh :

— Cơ quan xét cho tôi, nếu tôi tổ chức cho nó chạy thì tôi đã chạy theo với nó rồi, tôi đâu dám ở lại để bị liên lụy. Ông Sáu đứt khẩu súng lục vào bao hàm hực nhìn anh Tư Sang :

— Máy được cơ quan tin tưởng cho coi kỷ luật, một dây có mấy đũa mà máy cũng đề cho nó tẩu thoát. Máy phải thí mạng máy vô đó.

— Dạ, thưa cơ quan, thưa cơ quan... Ông Sáu không để ý đến lời phân trần của anh Tư quay bỏ đi. Anh Tư

Sang khóc thút thít như một đứa trẻ, nói với người cảnh vệ.

Anh Năm ! em có hay biết gì đâu, em làm sao bây giờ anh Năm ?

Đến lượt người cảnh vệ bỏ đi. Anh Tư nức nở :

— Hăng ơi !... Hăng !... Máy chạy hồi nào ?... Máy hại... tao rồi ! Vợ con tao... không gặp được tao là tại... máy đó... Hăng ơi ! Trông Đệ, coi bà Sáu, đứng chấp tay ra sau, ngược mắt nhìn tò mò, miệng há ra, mấy sợi tóc mềm cong vòng trên đỉnh đầu. Ông già Tộ bắt đầu kể lễ dài dòng nỗi oan ức của mình, nặng lời nguyện rửa kẻ vãng mặt. Cảnh đó, An ngồi ủ rũ, im-lặng, hai vai gầy như nhô cao thêm. Một vài người nhìn An thờ dài. Quang cúi xuống buồn bã nhìn cái lỗ trũng trên mu bàn chân. Tiếng ông Xu lơ lửng :

— Lại khổ bọn mình !

Quang chép miệng, ngo ngằn nhìn lên bầu trời sừng lược.

(Còn tiếp)  
BÙI-ĐĂNG

## THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)  
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện số 2.701  
Thư-Lâm ấn thư-quán.

## Xóm Rạch Ong – Tế Bần

Cách đây chừng hai tháng, ngồi buồn viết một truyện ngắn, tôi không biết nên kết thúc thế nào cho đn. Suy đi nghĩ lại, tôi thấy biện pháp hay nhất là gây cảm giác buồn buồn, mượn bối cảnh vùng Trại Tế Bần, bên kia cầu chữ Y :

— « Nhớ người bạn xưa đã chết, tôi muốn viết thư vài câu Vọng Cờ ; trước khi chết, ông ta ao ước như thế. Nhưng bả vọng cờ từ lâu trôi lên quá thừa thãi rồi, thường trực trong tai, trước mắt như nụ cười buồn. Một nụ cười phải chinh phục mới nở được, trong bầu không khí lâng lâng nửa tươi nửa héo tại vùng Rạch Ong mà tôi đang cư ngụ. Từ bờ sông cầu ông Lãnh, rạch chãy cong queo vào đồng ruộng. Con lộ trải đá độc nhất chạy theo bờ rạch, sớm mùa hơi đứt đoạn. Đó là đường Dương Bá Trạc, gọi nôm na là đường về trại Tế Bần, một nhà tù đặc biệt giam giữ bọn đâm thuê chém mướn, bọn trẻ con vô nghề nghiệp, lũ ăn mày cố lị. Khu vực này theo luật đường rừng, do tướng Bảy Viễn hùng cứ thời chiến tranh Việt-Pháp. Ở bờ sông, còn vài gia đình sống về nghề nông thảng chạp là gặt hái, đập lúa trước sân, bên cạnh bãi bùn đầy ô-rô, cóc kèn, tấp nập ghe xuồng dân tăn cư. Đầu canh hai, đầu đó yên lặng, ngổ hểm tối om như miền thung lũng vô danh chôn vùi những căn nhà nền thấp. Mùa nắng nhiều bụi, mùa mưa ếch nhái kêu vang. Sống giữa thiên nhiên, nhưng chỉ là xứ thiên nhiên xấu xí, bịnh hoạn : chuột bọ, muỗi mòng, bùn lầy nước đọng. Cỏ hoang mọc xanh trên đồng rạ : gồm giấy vụn, xác chó chết, lon sê, giẻ rách. Vài người lớn tuổi mang tật thức khuya uống rượu đế, bàn bạc tin chiến sự, nhắc chuyện buồn vui năm nào, khoe khoe nơi chôn nhau cắt rún : miền Gò Công nước mậu gạo ngon, vùng Phụng Hiệp nhiều cá tôm nhiều muối, xứ Cần Long với câu « xong không xong, về Cần Long mà ở ». Tiếng mõ-chê thỉnh thoảng khuấy động như quả đấm ngàn cân giáng xuống mái nhà lợp tôn. Hỏa châu trôi lơ lửng, rọi qua vách lá, soi tỏ rõ từng cái chén, từng cọng lát gãy nát trong chiếc chiếu đen đúa.

« Nhưng từ lâu rồi, nỗi niềm của đất nước đã vượt khỏi phạm vi « tiêu sầu giải muộn » của bản Vọng Cờ, trôi lên bản trường ca phức tạp « quĩ khóc thần sầu » rền vang thế giới, đến đời kẻ vô tâm nhất cũng tự hỏi mình và thao thức cố tìm những câu trả lời không riêng gì cho mình ».

oOo

Vùng trại Tế Bần ở bên kia cầu chữ Y, phía Nam Sài Gòn, không xa cho lắm. Thư lật bản đồ mà xem : nó nằm ở quận Tám, bên kia sông, đối diện với nhà đèn Chợ Quán. Nếu bắc thêm vài cây cầu thì người ở trại Tế Bần sẽ thông dong đi

Sàigòn — đại đê, đường gần hơn Bà chiểu hoặc Phú Nhuận. Lúc trước Tết, thay vì đi qua cầu chữ Y, người ta dùng đò máy, « đò ngang » qua cù lao Nguyễn Văn Kiện, « đò dọc » qua xóm Tế Bần. Trên bản đồ, chúng ta thấy nào là Kinh Tế Kinh Đô nhưng dấu địa phương càng hễ nói đến tên.

Về địa lý, vùng này là rừng Sác — Cầu Giờ, nghĩa là từ thảo mộc, còn trùng đến khi hậu đều giống như ở Mũi Cà Mau. Ra khỏi xóm, chúng ta thấy rặng cây xanh rì của Rừng Sác. Và nó giống với Cà Mau ở điểm có ong và mật. Rạch Ong được Đại Nam Nhất Thống Chí ghi là Đại Phong Giang. Cách một đôi, theo đường Phạm Thế Hiển phía Chợ Lớn là Cầu Mật. Cầu Mật và Rạch Ong nay hãy còn bản đồ. Chúng tôi suy luận rằng khi tướng Trần Thắng Tài kéo đám dân « bài Mãn phục Minh » đến xứ Đồng Nai thì ông ta chê vùng Bến Nghé là hoang vu — là rừng Sác — nên mới chọn cù lao Phố ở tận Biên Hòa, Cọp rừng Sác đã dám đến vùng Tân Kiểng khuấy rối dân chúng vào dịp Tết Nguyên-Đán, đầu hồi đời Gia-Long — sau đó, cọp bị một nhà sư đánh chết tại trận. Chắc là cọp đã vượt qua vùng đất Rạch Ong và bến Phạm-thế-Hiển !

Công việc khai hoang được xúc tiến và đến những năm đầu thế kỷ thứ 20 này, bến Rạch Ong trở thành nơi trù-phú, đón nhận tất cả ghe buôn lúa gạo cá tôm từ Lục-tỉnh chở về Saigon. Sự trù-phú ấy đã ghi rõ trong... Quốc-Vấn Giáo-Khoa Thư, lớp Sơ-đẳng, với hình vẽ bến Rạch Ong và một bài tập đọc ngắn.

Cầu Rạch Ong bị sập từ trước Tết, kiểu cầu sắt khá cao. Nó đã sập, tu bổ ại rồi sập luôn. Ông bạn thi-sĩ K.G. quan-sát cây cầu ấy và tuy là không là kỹ-sư cầu cống cũng dám báo-động : « Cầu sập đến nơi » rồi viết bài đăng báo, kêu nài với bộ Công-Cnánh. Xe cộ vẫn tiếp tục qua cầu nhưng đôi ngày sau là cầu sập giữa ban ngày, may thay, trên cầu lúc ấy chỉ có một ông lão cỡi xe đạp, ông biết lợi nên thoát vào bờ, chiếc xe thì mất dạng.

Vùng chân cầu chữ Y chạy quanh đến trại Tế-Bần ở vào trình độ kém mở mang. Con lộ đá duy nhất ấy quá sinh sục, đầy lỗ hang. Nghe đầu hồi năm 1966, mấy anh phu lự : lộ đã trải đá thật nhanh để đón rước một công chức cao cấp. Vài ngày sau và mưa dầm trên nước đọng vũng, đầu vào dầy. Đến nay thì hồi ôi, gặp ngày mưa, bùn lầy ngập bốn năm phân tây, nhứt là ở khoảng chợ — chợ sáng và chợ chiều mỗi ngày họp hai hai phiên ở hai địa điểm khác nhau. Dọc theo đường, có một đình làng — đình Bình Long, và đoàn hát đến trình diễn nhưng dường như mỗi đêm chỉ thu hoạch chừng ngàn bạc chẳng hòa vốn. Nên kể thêm một tiệm thuốc Âu-Mỹ (mới lập hồi trước Tết) và một ông bác sĩ nhưng tư thất ông này quá to và ở trong vùng đất rộng, đối với bình dân thì thiệt là « cửa hầu như biển không rờ... Tuyệt nhiên, không thấy tiệm uốn tóc. Tiệm giặt ủi thì sống ềo uột, một tiệm thôi. Xe lam chở đông khách vào những giờ đi làm việc hoặc giờ tan sở ; cỡ 10 giờ sáng, muốn đi thì chờ hàng 15 phút mới gặp một chuyến và tuy đường không xa nhưng giá biểu đến 15 đồng, gọi là phụ cấp hao mòn võ ruột và hư gãy máy móc. Người Việt gốc Miên, người Việt gốc Chăm (Chà Châu Giang) chiếm tỷ lệ cao hơn người Việt gốc Hoa. Với y phục độc đáo Miên Chăm, họ gây được sự tin cậy của thân chủ khi bán len lút

vài đôi dép cao su hoặc đầu bả chướng 'nhảy dù' từ biên giới Cao Miên ! Thật ra, đó là dép nội hoá với nhãn hiệu ngụy tạo

oOo

Sau cuộc biến loạn Tết Mậu Thân, dân chúng vùng trại Tế Bần mừng khắp khởi vì cả xóm đều bình yên. Vài người quả quyết.

— Theo chiến lược, chiến thuật thì bãi chiến trường là bến Phạm Thế Hiển, phía Cầu Mật vì nó giáp ranh với vùng Cần Giuộc, Long An. Trại Tế Bần là cửa tử như cái túi.

Thế là dân trong xóm tha hồ thức khuya để đánh bài (những sòng bạc nhỏ nhỏ thôi), để uống rượu — đi và về theo những con đường hẻm tối om. Người yếu bóng vía, nhút là người chưa hợp lệ tình trạng quân dịch ắt đau tim, dứt hơi từng chập khi nghe chó sủa rộ trong xóm, vào giờ thiết quân luật. Đó không phải là nhân viên công lực xét tờ khai gia đình hoặc « bêu kia » lên về rải truyền đơn, ám sát. Lúc đầu hơi ngán nhưng dần dà, nhờ vài anh bạn liên gia trưởng hướng dẫn, tôi làm quen với những cuộc dạ hành bất hợp pháp ấy. Mấy anh bạn bảo rằng « hợp pháp vì ở đường hẻm » và người trong xóm đều hiền lành, biết mặt nhau, người nào hiền lành thì mới dám đi chơi đêm. Khi uống rượu say hoặc thua cờ bạc thì các anh bạn « dạ hành » này bày ra nhiều trò giải trí như múa võ để thị oai với bầy chó hung hăng. Bị chó bao vây, vài anh nhảy lên cây mà ngồi rồi móc hai chân lên nhánh, thông đầu xuống như con dơi — hoặc nằm dài bên lề đường, đưa hai chân lên như thước thợ. Có lẽ bầy chó hoảng sợ vì những động tác quái đản ấy nên chạy ra xa để sủa. Mấy bà lão trong xóm trù rủa không ngớt tiếng, các bạn bèn trả lời : « Thì cũng như cha mẹ chửi con vậy thôi ! ». Đi chơi đêm, riết rồi thấy vui, thoải mái còn hơn nghe nhạc êm dịu Tây Phương. Thiết tưởng đó là lối thoát duy nhất, lối giải trí lành mạnh trong lúc không đủ tiền để đến trà thất, vũ trường.

Nhờ đi la cà, nói tào lao mà tôi yêu mến xóm Tế Bần, thấy nó đáng được nghiên cứu, mỗi người trong xóm là một nhân vật. Nhiều ông lão đã từng làm ruộng khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh, làm tá điền cho... tướng Nguyễn Khánh, cho công tử Bạc Liêu hoặc ở đồn điền Paáp. Có người đã sống tậu Biên Hồ Cao Miên, làm nghề « bậu biển ». Hoặc đã nhảy dù xuống lòng chảo Điện Biên Phủ. Rạch Ong là địa danh được các bạn ghe chài biết danh vì ở miền Nam này chỉ có ba nơi đóng ghe chài hạng trọng tải : Rạch Ong, Cần Giuộc, Chợ Mới (An-Giang). Mỗi chiếc ghe chài trị giá vài triệu bạc và sống bền vững muôn năm trên mặt nước, hư miếng be này thì thay miếng khác.

Một anh y-tá tiết lộ với tôi ! Xóm Tế - Bần là nơi kham khổ nhứt, so với những vùng ngoại-ô khác mà anh đã cư ngụ. Theo bờ Rạch Ong, nhiều chiếc ghe nhỏ buộc vào bến, làm nơi cư trú cho gia - đình dân tản - cư. Nhiều khi anh y-tá được mời khâu - cấp xuống ghe để săn sóc cho đứa bé hay ông lão hấp hối. Hỏi tại sao không chữa trị sớm hơn thì chủ ghe trả lời rằng không có tiền. Anh y-tá khuyên nên chữa trị, họ đưa bệnh-nhân đến nhà anh y-tá nhưng đôi ba ngày sau

là vắng mặt. Tưởng rằng họ tìm thầy khác nhưng dè dặt họ hết tiền. Thôi thì đành ra tay tế-độ, chờ năm ba tháng sau mới thanh toán tiền rong.

oOo

Ngày 5 tháng 5, cả xóm Tế-Bàn nhôn nháo lên vì súng lại nổ bên phía Cầu Mật. Người ta tản-cư lấy lệ với niềm hy-vọng là trở về trong đôi ba ngày. Số đông thì ở lại, để giữ đồ đạc trong nhà. Nhưng tình thế thêm khẩn trương. Một buổi trưa, tôi muốn trở về nhưng xe thiết giáp chặn ngay cầu, bên kia qua thì được, bên Saigon về thì không. Súng nổ khi xa khi gần. Người ta chen nhau đứng, đen nghệt nơi chân cầu, đường Nguyễn Biểu, như viên an ninh phải nổ súng chỉ thiên để giải tán từng chập. Lát sau, phi cơ đến rồi trực thăng đến. Súng nổ dồn hơn. Khói bốc lên, đen đúa, chạy dài theo chân trời. Ngồi trong quán, tôi uống ly cà-phê đá, cởi hai ba cái nút áo ra mà mồ hôi cứ tuôn xuống từng chập. « Đi rồi » « Tiêu rồi » « Không xong rồi » Ai nấy cứ than thở, nhắm mày nhủu mặt. Từ dốc cầu, có người chạy vào quán, ôm vai tôi :

— Thầy ơi ! Cháy hết rồi.

Tôi hỏi :

— Thấy nó cháy ngay nhà mình không ?

— Thì cháy rồi tôi mới chạy, chạy mình không !

Năm ba phút sau, tôi mới nhận ra đó là ông chủ quán nhậu ở gần bót Nguyễn Văn Liên. Món nhậu ngon nhất là thịt gà, do ông nuôi ở sau nhà. Sự đau khổ khiến ông thay hình đổi dạng, làm tôi tưởng là người xa lạ nào. Thời gian như nhầy vọt, trong khoảnh khắc mà sự vật đổi dời như đôi ba chục năm. Cầu chữ Y dài non một ngàn thước, bên này bên kia như là hai thế-giới. Lửa cứ cháy ngùn ngụt, đến chạng vạng, đến canh một rồi canh hai. Đêm tản cư, tôi cứ thao thức. Nhà là nhà mượn, nhưng cháy thì đi mượn nơi nào ? Bao nhiêu sách vở chốc hóa ra tro rồi. Trong phút định thần, tôi ban cho tôi một niềm an-ủi. Sách là của quý, là rương vàng nhưng tôi đã tiêu-thụ cấp thời rồi, sau khi mua. Vốn liếng làm ăn của tôi vẫn là con tim và bô óc. Nếu có tài và có tình thì tôi viết ra một hay nhiều quyển sách mới. Tiếc làm gì những cuốn sách chữ Pháp ? Tôi được bình yên, sống nhậu. Tài-sản nhỏ bé của tôi đâu quý giá bằng sanh mạng bao nhiêu thanh-niên. Các bạn trẻ ấy dám chết, trong khi chưa hưởng lạc-thú vật-chất của cuộc đời. Luyến tiếc cái tủ sách là hèn. Từ lâu, tôi chẳng lo tạo lập nhà cửa vì ao-ước rằng bề hết giặc là về quê xứ, đây là một chuyến du-lịch dài dằng, ê-chề ở Saigon. Nhưng suy đi nghĩ lại, tôi vẫn tiếc một vài quyển sách, nhất là quyển *Technique et Civilisation* của Lewis Mumford, đọc lại rai ba bốn năm rồi mà chưa chán. Đại khái, ông này cho rằng giai-đoạn văn-minh đồ gỗ đạt mức tinh-vi với cây vi-cầm. Những phát-minh về máy móc bắt nguồn từ việc chế-tạo đồ chơi cho trẻ con. Kỹ-thuật bắt đầu tiến lên từ khi con người biết dùng cái đồng hồ, đo lường thời khắc. Chiến-tranh gáng cho kỹ-thuật bước nhanh. Văn-nghệ lắm khi không chuyển mình theo sát thời đại văn-minh kỹ-thuật nhưng đó là điểm lạc-quan. Văn-nghệ không nên theo đuổi văn-minh cơ-khí, trái lại nó cần nhắc nhở cho mọi người biết

rằng văn-minh cơ-khí lắm khi đưa con người vào nẻo phi-nhân, xem con người là con số trừu-tượng dễ dễ tổ-chức, khai-thác hiệu năng như khai-thác cái máy.

Hai hôm sau, vì nóng ruột, tôi đến bên này cầu chữ Y, trình cái thẻ đoàn-viên Nghiệp-Đoàn Ký-Giả Nam-Việt và được lên đến giữa cầu. Nơi đây, lính Mỹ bố trí mấy chiếc thiết-giáp. May thay, thẻ này có chữ Ăng-lê nên tôi được rời ngắm cảnh. Ngỡ tôi là phóng-viên chiến-trường, anh lính chỉ về phía Cầu Mật. Hai bên đang xáp chiến giữa ban ngày. Thiết-giáp, trực thăng, trọng pháo, những cụm khói đen, tím bắn lên cao. Tôi yêu cầu được qua phía trại Tế-Bần, anh lính Mỹ cau mày rồi cho phép.

Sát chân cầu, nhà cửa tiêu tan, gạch đổ, mấy cây dừa chết thiêu, đen đúa với những cọng lá nhọn bén tua tủa. Trên nền, vài miếng « tôn » móp méo, vài cái thùng « phuy ». Thế thôi. Vài căn còn nguyên vẹn, vách ván, cột cây. Đến đầu đường Dương Bá Trạc, tôi gặp vài người quen, họ xác nhận rằng nhà tôi còn nguyên nhưng cửa thì mở toang. Tôi mừng quỳnh : như vậy là được rồi. Xóm chợ hầu như không hầy hấn nhưng hơi ôi, phía tay trái, gần bót Tế Bần thì « cháy luộc sạp, cháy láng tét, cháy bạch địa » tới sát mé sông, hàng ngàn căn nhà chớ nào ít. Vừa queo vô ngõ hẻm, tôi thấy cây dừa bên hè đã bay đầu, mái nhà gãy xuống như cái máng xối. Đại khái, tất cả sách báo Việt ngữ đều biến mất, nào đâu những quyển sách « bản đặc biệt, thân tặng... », những tạp chí « kính biểu...? Sách Tây còn lại thì rơi rớt trên nền, ướt mem. Tôi dọn dẹp sơ sài rồi tắm, xối nước ào ào. Bên cạnh tôi, bao nhiêu tiếng chửi rủa « tàu bè nào mà chở cho hết ». Người trong xóm đã nhận diện vài tên bắt lương. Bọn này lừa heo, đem qua Sài Gòn mà bán, bắt mấy con chó đem làm thịt. Bọn này thừa nước đục thả câu, và lén lút để rình những gì rình được ». Mấy thằng trong xóm chớ ai ! Sau khi quơ vài quyển sách, tôi ra khỏi nhà, nói chuyện vài câu với những nạn nhân đau khổ bên kia đường. Cuộc biến loạn này làm nảy sanh ra bao nhiêu trường hợp khó xử về tình, về lý. Mua nhà, làm giấy tờ đảng hoàng, đặt tiền cọc xong nhưng rồi nhà cháy thì trả lại tiền cọc chẳng ? Ham mượn nhà rẽ bằng cách dẫn tiền nước năm ba chục ngàn đồng, rồi nhà cháy hoặc bị sập một vách thì người mượn và người cho mượn giải quyết ra sao ? Bà chủ hụi nọ than phiền rằng : « Họ hốt hụi rồi, bây giờ mình kêu họ đóng, họ lại chửi. Nhà cháy, nhà không cháy đều thế không thêm đóng hụi, tới đâu thì tới ». Lại còn vấn đề phóng lộ, phân lô, chẳng ai được phép xây cất trên nền cũ, chờ chỉnh trang. Nhưng vấn đề này hơi lạc đề đối với người cất nhà sàn gie ra trên bãi bùn. Nhà sàn cháy rụi thì đành chịu vì họ đâu có nền đất cứng mà lo.

Trong quán cà phê gần đường hẻm, hai người nọ cãi nhau ồm tỏi vì một chuyện lằng nhách. Anh này khoe rằng mình chịu thiệt hại nhiều, suýt chết. Anh kia xưng rằng hồi Tết, anh gần cái chết hơn và bị hao tài nhiều hơn. Nghĩa là họ đang giành cái « huy chương vàng » về đau thương. Cãi nhau làm gì, các bạn hỏi ! Thời bình thì giựt le, khoe từ cái áo, từ cái hộp quẹt máy, cho rằng mình giàu và hợp thời trang không thua ai, giờ đây thì muốn nhô đầu lên, khoe cái « lạc thú đau thương »... cũng để hợp thời trang, lúc trà dư tửu hậu. Đúng là những công dân xôi thịt. Ở nước này, đau thương là đau thương chung, to lớn, bất cứ thôn quê hay

thành thị: Đơn vị về không gian là mảnh đất quê hương. Đơn vị về thời gian là một hay hai thế hệ bất chấp người tuổi Dần hay tuổi Sửu, Năm Ty, năm Mùi.

Gần đến chân cầu, tôi dừng chân để thăm viếng một anh bạn bị thiệt hại tàn sản trăm phần trăm. Ve chai và kiếng thì bễ hoặc m'p méo. Cái tủ lạnh, cái máy ti-vi đều hóa thân, xấu xí vô cùng với cái ruột cong queo, còn chừng một nắm tay như cái lon sét. Máy may chấy sập giàn, đầu máy nằm trên gạch giống như... con chó con rưng lông vì bộ chết. Đúng là đề tài cho họa sĩ vẽ tĩnh vật.

Vài phóng viên ngoại quốc lui cui quay phim. Theo ý tôi thì phim ảnh đều bất lực vì làm sao diễn tả cái khí hậu lạnh lẽo của trận mưa vừa dứt, cái mùi nồng nồng khét khét của than và sắt. Tôi đi thật nhanh, sau lưng tôi, bà lão già nua đang dắt đứa cháu đầu chừng bảy tám tuổi. Bà xách cái bếp "rê-sô", cái nồi nhôm, thằng bé xách đôi dép Nhựt. Hỏi thử bà cho biết nhà cháy rồi, ở đùm ở đậu, để gì mượn cái chéu đôi đũa. Tôi an ủi bà, với những lời gương gạo: "Trời sanh voi sanh cỏ". Bà đáp: "Biết rồi! Nhưng mà cậu nghe nói hội nghị hoà bình chừng nào xong... coi bộ khó quá." Tôi đáp: "Vậy thì bà già hơn tôi. Bà trả lời rồi đó". Thằng bé hơi nhăn mặt, chân bước tới, mắt nhìn dáo dác vì súng còn nổ ầm vài tiếng thật to, không xa.

S. N

## VỀ BÀI ĐIỂM SÁCH

### « Luận-lý và Tư-tưởng trong Huyền-thoại »

Sau khi đăng bài điểm sách nói trên, Bách-khoa số 272 ngày 1-5-1968, chúng tôi được biết thêm rằng :

Cuốn « Luận-lý và tư-tưởng trong huyền-thoại » của ô. Trần Đổ Dũng do nhà Trình Bày xuất bản không phải đúng hẳn là bản luận-văn Cao-học đã được ban Giám-khảo Đại-học văn khoa phê-chuẩn vì bản này chưa hề được ban Giám-khảo cho phép xuất bản. Bởi vậy cuốn sách do nhà Trình Bày đã cho in và phát hành chỉ được coi là một công trình riêng biệt của tác-giả mà ban Giám-khảo không chịu trách-nhiệm. Vậy xin minh xác cho rõ ràng hơn về cuốn sách trên đây.

Toà soạn BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Tuần báo **TIN VĂN** đóng bộ từ số 1 đến số 20 giá 500 \$ 1bộ.

Có bán tại tòa soạn Bách-Khoa.

Miền Trung xin gửi thêm 100 \$ tiền cước phí.

Các tỉnh miền Nam xin gửi thêm 60 \$ cước phí.



# *mưa trên vùng đất cháy*

---

Thơ KIÊN-G ANG

*Mưa trên vùng đất cháy  
khi nước mắt đã vơi  
Tình gạch vôi rời rã  
khi lửa đã tắt rồi*

*Ngõ hẻm điều hiu tràn bóng tối  
trước thềm, hoa nắng đã phai màu  
Tiếng ai gào khóc nghe thê thảm  
dừng lại sau lưng dãy phố lâu*

*Sự nghiệp mười năm, phủi sạch tay  
mái nhà gục xuống, bụi tro bay  
Đạn bom cày xới trên nền cháy  
Bóng mát tan rồi, héo cỏ cây*

*Mưa trên vùng đất cháy  
buồn lạnh xé tim gan  
nhìn trời, mưa ướt tóc  
cúi mặt, nuốt oán than*

*Nhà thờ, chùa hồ hững  
đóng kín cổng trong ngoài  
Chúa, Phật trốn mất rồi  
trong lòng người dối trá*

*Dân nghèo làm du mục  
chui rúc dưới dạ cầu  
Đêm đen, mưa gió tạt  
hơi thở quặn đèn dầu*

Một bày con xơ xác  
chăm mút đĩa tượng rau  
chiếu manh im mùi đất  
vết máu rỉ niềm đau

Bàn thờ ai leo lét  
ngọn đèn cây « chạp phô »  
A! Có người mới chết  
góp xác chẳng đầy mồ

Mưa trên vùng đất cháy  
ướt tóc kẻ không nhà  
Than tàn đường bốc khói  
tử khí uá trắng tà

Vợ ôm con mới đẻ  
non ngày, thiếu thuốc men  
Mắt sâu màu mắt máu  
nằm co trên đất đen

Có vạn người đã khóc  
trong những đêm không nhà  
Tham thiền trên đất cháy  
gọi hồn lữ quỷ ma

Có người không thích rượu  
uống vùi suốt đêm thâu  
Đôi mắt vẫn đỏ ngầu  
ngời lên trong bóng tối

Niềm đau vùng đất cháy  
làm hồn thơ xót xa  
làm thi-nhân hộc máu  
(máu trong lòng ứa ra)

Văn đỏ, Đêm đen vùng đất cháy 16/5/68  
KIÊN-GIANG

# NGƯỜI VIỆT

Thơ TRẦN-THỊ TUÊ-MAI

Chúng tôi có thời gian chầy dài suốt máu  
có dòng sông chia đất nước làm hai  
có nhiều nỗi khó nguy sợ hãi  
ngự trị nay và đe dọa ngày mai

Chúng tôi sinh ra trong nhọc nhằn xír sớ  
tiếp nhận nỗi sầu từ giòng máu mẹ cha  
(mẹ cha cũng là người thừa hưởng  
gia tài đau theo thế hệ ông bà...)

Tuổi nhỏ chúng tôi trong vòm trời u ám  
dấu hiệu dương rạn nứt bốn bề  
khôn lớn chúng tôi trong vòm trời khiếp đảm  
hãi hùng từ thành thị đến thôn quê

Chúng tôi lắm phen bị ngoại nhân xâu xé  
lịch sử nhiều trang thật bi thương  
và đất nước giờ đây : thi diễm  
dân hai miền hủy hoại máu xương !

Chúng tôi đang trong tháng ngày mùa hạ  
người người còn hoảng hốt mùa xuân  
một hạ lửa, một xuân cũng lửa  
thủ đô thôi cách biệt chiến trường

Nhiều bất hạnh chập người dân nước nhỏ  
chúng tôi mệt nhoài - nhưng không bỏ cuộc, cầu yên  
bởi sẽ như tổ tiên từng bao lần vượt khổ  
để mỗi lần thêm mở một đường lên...

# Xét lại vấn đề văn hóa dân tộc

HỒ-DÃ-TƯƠNG

(Tiếp theo trang 33)

Hạng người thứ ba chủ trương văn hoá dân tộc là những người quốc gia muốn chơi ping-pong tay trên với C.S. Thấy C.S xử dụng chiêu bài văn hóa dân tộc khéo léo quá, một số người cộng đồng hối hả giống chông khu vực rùng rợn beng rằng chính mình mới là kẻ thật sự chủ trương thứ văn-hóa này. Đó là một lối đánh lận con bài với ý định cướp cờ trên tay C.S. Nhưng coi chừng, nguy hiểm lắm ! Chỉ vì muốn nắm thế chủ động chiến thuật trong một giai đoạn mà phải trường kỳ xử dụng ngôn ngữ của đối phương, quả thật trong chốn võ lâm chính trị ít có ai dám dùng ngón đó trừ phi mình là siêu thủ. Một nước cờ độc đánh không khéo sẽ làm thua thiệt trọn cả ván cờ. Điều mà người quốc-gia nên làm là cởi bỏ hẳn mọi mặc cảm và thảng thẩn nói lớn lên những phê phán chân thực của mình về phong trào văn hoá dân tộc.

Ba hạng trên đây — C.S, khynch tả, quốc-gia — đã áp dụng châm ngôn « văn nghệ phục vụ chính trị » một cách tích cực để tấn công hay tiêu cực để tự vệ. Dù được dư luận tán đồng hay không, họ cũng ở vào một tình thế dứt khoát, ít tổn hại hơn hạng người thứ tư gồm những người ba phải gia nhập khuynh hướng văn-hóa dân tộc vì nể lời bạn bè và những người a-dua muốn lấy văn-hóa dân-tộc làm món trang sức cho chính bản-thân của

họ. Knôi hài nhất là những ông chính-khách thiếu một lý-thuyết tổng quát dẫn đạo lập-trường của mình, khi bị hỏi dồn dập làm sao cứu nguy cho đất nước thì cứ vớ đại văn-hóa dân-tộc mà đưa ra. Làm như đó là một liều thuốc tiên chữa được bá bệnh.

Hạng người cuối cùng trong nhóm văn-hóa dân-tộc là những người bực bội trước sự lan tràn của hình-thức văn-nghệ du nhập từ ngoại quốc vào. Họ cảm thấy buồn tủi như khi nghe con cái trong nhà ráo riết ca ngợi những món ngon vật lạ của nhà bên cạnh. Âu đó cũng một sắc thái đặc biệt của lòng ái quốc cực đoan. Những người ái quốc cực đoan này đóng một vai tưởng cực kỳ quan trọng vì tùy theo nhận định và phương-thức hành động của họ mà văn-hóa dân-tộc sẽ còn bị lợi dụng nữa hay không. Chính vì thế mà họ cần phải xét lại quan-niệm về văn-hóa dân-tộc. Không nên coi thứ văn-hóa này như một cái gì thuần nhất, bất biến. Dòng máu của dân-tộc còn pha trộn nhiều thứ hưởng chi là văn-hóa dân-tộc. Không có một dân-tộc nào, một nền văn-hóa nào có thể tự-hào là thuần-túy. Văn-hóa một dân tộc bao gồm nhiều yếu tố cấu tạo nên đời sống tinh thần của dân tộc đó. Thức ăn, âm nhạc, văn chương, tín ngưỡng, phong tục v. v... đều là văn hóa và đều biến thể theo thời gian. Có những thứ mà ta coi như của riêng dân tộc ta thì hàng trăm năm, hàng ngàn năm trước đây nó đã từ ngoại quốc du nhập vào và đã từng làm nhiều người bỡ ngỡ hoặc tức tối. Phải thấy như vậy để có thể trăm

tiếng trong việc phát huy văn hóa dân tộc. Cho rằng món cá kho ngon thì ta cứ tha hồ đem tài nghệ của ta ra mà nấu nướng đãi đãi bạn bè chớ đừng xé dao đi tìm những đồng bào thí h ăn bít-tết mà mổ ruột. Nhớ một ngàn năm sau bít-tết biến thành món ăn dân-tộc thì... ường công. Nếu thấy dân ca V.N. hay thì cứ giới thiệu cho dân chúng thưởng thức chớ đừng phí sức chửi bới bọn thích nhạc Mỹ. Nhiều nhà « phê bình » nhạc trong báo chí quả quyết rằng nhạc ngoại-quốc không hợp với cảm quan của dân-tộc V.N. Thế rồi họ kẻ nhau nâng lên tận mây xanh những bài hát có « hò lơ », « lúa vàng » có « anh nông phu » v.v., Vô phúc cho nhạc sĩ nào không sáng tác theo đường lối này thì được tặng cái nhãn hiệu là « ông Tây sáng tác nhạc Tây ». Thái độ đó tố giác một sự mâu thuẫn trầm trọng giữa tư-tưởng và lời nói. Nếu tin rằng nhạc ngoại-quốc không hợp với cảm-quan dân-tộc thì cứ để tự nhiên sớm muộn nó sẽ bị đào thải chớ cần gì phải lớn tiếng rầy rà.

Bởi vậy, rút những kinh-nghiệm đã

qua, theo thiên-ý của chúng tôi, muốn bảo toàn và phát-huy văn-hóa dân-tộc, trước hết ta phải lưu-ý tránh mọi định-nghĩa lệch-lạc nhất là đừng đem luân-lý và chính-trị trùm lên đầu văn-hóa.

Sau nữa ta không nên hốt-hoảng trước sự xâm nhập của văn-hóa ngoại-quốc. Hốt hoảng là mặc nhiên tuyên-bố mình thua kém và tự giảm giá-trị của mình. Bất cứ hình-thức văn-nghệ nào của ngoại-quốc dù có vẻ kỳ dị cách mấy cũng nên để dân-chúng tự-động loại nó, hoặc tiêu-hóa, biến đổi nó thành một cái gì có tính-chất Việt-Nam, không cần phải nhờ tới những biện-pháp chính-quyền ngăn cấm.

Chúng ta hãy phân-tích và bình-thản trình-bày những điểm đặc-sắc của nền văn-hóa dân-tộc mà không cần lẩn học lên án những kẻ vì một lý-do gì đó, nên chưa nhận-thức được hoặc không biết thưởng-thức cái hay, cái đẹp của văn-hóa nước nhà. Tất nhiên đối với những sí lợi-dụng văn-hóa dân-tộc cho các mưu đồ chính-trị hoặc cho uy-tín cá-nhân mình, thì lại là một vấn-đề khác.

HỒ-DÃ-TƯƠNG

**GIÓ CUỐN** Truyện dài của Võ Hồng đã chấm dứt trên số này (mà vì sơ-xuất nên dưới truyện vấn đề : còn tiếp.) Bắt đầu từ số tới sẽ khởi đăng truyện **NGƯỜI CHIỀU** một truyện xã hội thời đại của Bùi-kim-Đĩnh.

## Nhị Hồng

387 A Võ-tánh Saigon

nhà xuất bản của những người viết trẻ

*hân hạnh giới thiệu :*

\* TRÊN ĐỈNH SA MÙ

tập truyện Mang Viên Long

\* MỞ CỬA

thơ Hoàng-Đình Huy-Quan

\* ĐIỀU RU NGƯỜI TÌNH CŨ

thơ Hoàng-thị Thủy-Tiên.

## Hội Phụ mẫu độc thân

Cuối tuần lễ này Linh-Bảo đã dự định thi-hành một chương-trình sát-phạt rất kinh-khủng: nhồ cỏ. Phải, lau và cỏ dại ở vườn sau lên cao quá đầu, vô trật tự và hỗn-loạn không thể tả. Không trí chúng sợ hồ lửa thuê ở rồi lập gia-đình sinh con đẻ cháu đầy vườa thì nguy to. L.B. đang định sửa soạn cơm nắm muối vừng ra vườn suốt ngày, chả phải lo nấu nướng gì để làm việc cho được nhiều, thì bỗng có tiếng điện-thoại vang lên.

— Ai đó?

— Chủ-tịch hội A.A.A.

— Xin lỗi ông. Chắc ông gọi nhầm số rồi. Tôi không uống rượu. (Hội A.A.A. là Hội của những người cai rượu).

— Vâng, tôi biết rồi, nhưng tôi cũng là chủ-tịch của Hội P.W.P. (Parents without partners) nữa.

— Chắc ông có điều gì chỉ giáo?

— Chúng tôi sắp có một đại-hội rất lớn của những tiêu-bang cảnh miền Thái-Binh-Dương. Đại-Hội sẽ nhóm ở Khách-sạn Villa Hotel ở San Mateo, cách đây độ 60 dặm. Cô có muốn đi dự không?

— Có gì hay không ông?

— Hay hay không là tùy theo ý riêng của từng người. Nếu cô muốn đi tôi sẽ ghi tên hộ, để giữ phòng.

— Tiền phí như thế nào?

— Đại-Hội nhóm hai ngày rưỡi. Tiền phòng vào khoảng 10 đô-la một ngày, tiền ăn 8 đô-la rưỡi một bữa, giá của hội-viên cùng ăn chung với nhau. Đắt như thế vì họ tính cả những phòng của Hội dùng để nhóm-họp thảo-luận vào đây.

— Thế bao giờ các ông đi?

— Có nhiều người đi từ tối thứ sáu, nhưng chúng tôi đi sáng thứ bảy để dự những buổi nhóm chính mà thôi.

Sáng hôm thứ bảy, ngồi trên xe L.B. xem vội vàng chương trình của buổi nhóm. Vừa liếc qua L.B. nghĩ ngay đến câu thơ của Hồ Xuân Hương mà L.B. đời đi một cơn số: "Thân này vì xẻ làm II được". Vì có những II đề tài để thảo luận, do II chuyên gia danh tiếng lãnh đạo, mà một người chỉ có thể dự 3 thôi, vì cùng giờ. Trên xe L.B. vừa than thân trách phận không thể xẻ làm II được, vừa ngủ gà ngủ gật, vì viên thuốc ngủ uống nhằm đêm qua vẫn còn đang hiệu nghiệm.

Đến San Mateo gần 8 giờ, L.B. có đủ thì giờ ghi tên, nạp tiền, uống một cốc sữa và xem kỹ lại chương trình để quyết định nghe nhóm nào.

Đề tài nào xem ra cũng hay và có ích cả, L.B. đành nhắm mắt điếm liều hai phòng buổi sáng và một phòng buổi chiều. Buổi sáng L.B. chọn đề tài "A reflection

of ourselves » và « Opportunity for growth ». Buổi chiều định nghe « Exploring the Potential of Community service », nhưng vào nhằm phòng thành ra phải nghe một đề tài khác. Những người lãnh đạo các cuộc thảo luận đều là các giáo sư, bác sĩ tâm lý, nhà xã hội học, cố vấn gia đình v.v. . Cuộc vụ viết một đọc dài cả trang giấy. L.B. chỉ tóm tắt vào một câu : Tất cả đều giỏi lắm, vì đó là ngành chuyên môn và nghề nghiệp của họ.

Buổi nhóm thường là mọi người ngồi chung quanh một dãy bàn lớn, cũng có phòng đông thính giả quá, phải đặt ghế ngồi như nghe diễn thuyết. Sau khi người lãnh đạo trình bày về đề tài xong rồi, mọi người nêu ra các câu hỏi và bàn cãi. Ai cũng có thể hỏi và trả lời. Người lãnh đạo chỉ diu dặt mà không trả lời tất cả các câu hỏi, nếu trong đám thính giả có người đem kinh nghiệm hay ý kiến của mình ra giải quyết được.

Giờ cơm trưa, L.B. đang định « phỏng » loanh quanh những người ngồi cùng bàn vài câu, thì một ông đến ngồi ngay vào ghế đối diện nói :

— À, đây rồi, kiếm mãi ! Cô nàng có mái tóc đen làm tôi cứ nhìn trân trân đằng sau lưng suốt buổi nhóm.

Ông ta chìa ngực ra cho mọi người xem. Trên ngực ông đeo hai tấm thẻ, một thẻ có tên và vùng mình ở như mọi người nhưng có thêm chữ « International Chairman ». Một thẻ khác viết tay trên giấy cứng :

Hi ! I am C.R. Who in the hell are you ?

Ông chỉ tay vào thẻ thứ hai nói :

— Tôi đeo thẻ này đã 7 năm nay rồi.

L.B. hỏi :

— Chairman thì tôi biết rồi, nhưng

tại sao lại có cái vụ International vào đây ?

— Vì đây là một tổ chức quốc tế.

L.B. vội ngay lấy cơ hội đề « phỏng » :

— Ông có thể nói qua cho tôi biết lịch sử của Hội được không ?

— Hội bắt đầu thành lập năm 1957, bắt đầu do một ông và một bà dắt con đi chơi ở một vùng bờ biển Nữu Úc. Hai người gặp nhau, nói chuyện trao đổi ý kiến, và cuối cùng họ đặt câu hỏi : « Tại sao những người phụ mẫu độc thân, (ly dị, góa hay không cưới) không lập ra một hội, giúp đỡ lẫn nhau, nâng cao trí thức, học vấn, hoạt động và giúp cho những đứa trẻ con thiếu cha, mẹ những phương tiện vui sống để bù khuyết sự thiếu thốn của chúng nó ?

Nói thì làm. Thế là năm 1957 hội bắt đầu thành lập với số hội viên sáng lập 25 người. Và đến bây giờ thì đã có 290 chi hội, 35.000 hội viên.

— Thế nghĩa là có 35 000 cha mẹ không có gia-đình ?

— Tổng số ly-dị hay góa vợ, góa chồng ở Mỹ có đến hơn 6 triệu. Và cứ mỗi ba cặp vợ chồng thì có một cặp ly-dị. Tiểu-bang California con số ly-dị lên cao nhất.

L.B. cãi bướng :

— Như thế càng tốt chứ sao ? Đàn bà nhiều quá, thế-giới không đủ đàn ông để cưới họ. Kể ăn người nhện không công bình tí nào ! Nếu bây giờ cưới nhau vài năm, các bà có vài đứa con, ông ly-dị giao con cho bà nuôi (đó là luật Mỹ) còn ông đi lấy vợ khác. Một vài lần như thế thì tất cả các cô đẹp, cô không đẹp trên đời đều có cơ-hội có gia-đình một lần chơi cho biết như ai vậy, mức sinh-sản tăng gia gấp bội để bù vào số tổn thất vì

chiến-tranh. Hơn nữa các ông có vợ rồi xưa nay vẫn bị các cô gọi là « tem đóng dấu », nghĩa là « hết xài », nay lại được đem ra xài lại cả. Hữu dụng biết bao!

Ông bạn « Hừ » một tiếng, liếc xéo L.B. một cái, con mắt có đuôi. Một và ông mỉm cười chắc trong bụng thích lắm nhưng không dám tán thành ra mặt.

Một bà cao lớn đến cạnh bàn cúi xuống nói chuyện với ông C.R. một lúc. Ông bạn ngồi bên cạnh bảo :

— Đây là bà President quốc-tế ?

— Ấy, chút nữa quên mất. Tại sao lại có cái vụ Quốc-tế vào đây ?

— Vì Hội P.W.P. sáng lập đầu tiên tại nước Mỹ, và trình với quốc-tế, Mỹ là nước sáng lập ra hội này, nên về sau các nước khác muốn lập hội thì phải xin phép Hội sáng lập, để có chân trong Hội Quốc-Tế. Các nước Anh, Tân-Tây-Lan, Úc, Gia-Nã-Đại... đều có Hội P.W.P. rồi.

— Theo như ông thấy thì con số chênh lệch giữa hội-viên nam và nữ như thế nào ?

— Vào quãng 8 phần mười là phái nữ.

— Thường thường là một hội viên có chân trong hội có lâu không ?

— Trung bình 2 năm rưỡi là họ hết hôn lại và ra hội.

— Chắc không phải là hội viên cưới nhau, vì 8 phần mười là đàn bà thì nam hội viên làm gì có đủ.

— Không biết đàn ông ở đâu ra nhưng chỉ độ hai hay ba năm là đầu vào đầy cả. Hội viên cũ lập gia đình ra hội. Hội viên mới mất đôi bạn tiếp tục vào không ngừng.

— Tôi đã xem chương trình hoạt động hàng tháng của các nơi. Hay và đầy đủ lắm.

— Vâng, chúng tôi cố làm cho các gia đình tan nát bớt cô đơn một phần nào. Xem nào cũng có chương trình nghe giảng mỗi tháng để tăng kiến thức, hội thảo, thể thao, cắm trại, nấu ăn chung v.v... Hội cũng tổ chức cho trẻ em đủ các tuổi, các buổi chơi, buổi học v.v...

Bà bạn ngồi xế cạnh bàn nói xen vào :

— Mấy thằng bé con hàng xóm tôi cứ ganh tị mãi. Chúng hỏi mẹ nó sao không ly dị đi, để chúng có thể tham gia tổ chức của P.W.P.

Mọi người đều phá lên cười.

oOo

Sau buổi nhóm chiều, mọi người có độ 2 giờ tự do để sửa soạn thay áo ngả ngời, chuẩn bị tham gia chương trình buổi tối : uống rượu khai vị, cơm tối và khiêu vũ.

L.B. và một vài người vào uống nước ngay trong tiệm của khách sạn.

Cuộc tán dóc quanh bàn trà càng ngày càng thêm phần hào hứng. Một ông bảo :

— Quái lạ ! Sao hễ người nào góa vợ hay góa chồng, ai cũng cho người quá cố là người ngọc người vàng, hoàn toàn đủ mọi phương diện. Còn anh chị nào ly dị thì « đối phương » chả ra cái cóc khô gì cả.

Ông R nói thêm :

— Khi các bà chê « người cũ » là các bà đòn tâm lý sai rồi. Nếu bà nguyên rủa anh cũ bằng cũ một cách thậm tệ, anh chàng đang tập tễnh định cưới bà sẽ bằng vào đấy mà định giá trị của bà. Họ sẽ đặt câu hỏi : « Trí xét đoán của bà



đâu mà để bà rơi vào tay một anh chàng đáng chê đủ mọi phương diện như thế". Như vậy nguyên rủa người cũ chỉ là hạ thấp giá trị của mình xuống và đui người muốn kết hôn với mình chạy khá nhanh. Nếu tôi nghe ai chửi chồng cũ quá tôi sẽ nghĩ : « Bây giờ bà ấy đang tử tế với mình thì không sao, mai đây khi bát nước không còn đầy, bà ấy quên tất cả những cái hay cái tốt, lại cũng chửi mình như chửi chó, lại tuyên truyền âm-ỹ cái bê bối của mình, phóng đại cái ngu-si của mình, chửi đại ! »

Các bà chỉ ngồi yên lặng nghe. Hình như họ đã nắm được bí quyết định đàu ông. Khi chưa thuộc quyền chỉ huy của họ, các ông là Trời, tha hồ tán hươu tán vượn. Ngày nào các ông ra trước nhà thờ trả lời ! « I do » rồi sẽ hay. Một ông góp ý kiến thêm :

— Người chết bao giờ cũng được tha thứ và được quên hết những điều nh"m lỗi, hơn nữa còn được phóng đại những công trạng hạt tiêu ra bằng cái thúng. Nhưng các bà quả phụ cứ ca tụng mãi ông chồng đã chết tưng bừng, bốc lên đến tận mây xanh, lắm khi cũng quá lố. Anh chàng muốn găm ghé thấy mình so sánh với anh chồng cũ chỉ đáng bằng hạt cát, đứng chung với bà chỉ lồi bật cái phậu hèn tòm tép của mình, anh hết ý tưởng cưới bà sợ rồi phải ngày đêm nghe bà tuyên-dương công-trạng ông cũ, còn mình có tí lỗi gì thì bà nhiếc mắng dằn vặt ngày đêm như vật dằn từng sợi tóc. Đó là trường-hợp tôi đã trải và tôi chạy nhanh lắm nên mới còn là hội-riên cho đến ngày nay.

Thấy mọi người ngồi im một lúc lâu L.B. gọi chuyện bằng cách phát-biểu ý-kiến :

— Tôi thấy bạn trẻ có nhiều cơ hội

kết hôn hơn. Họ trẻ nên gặp nhiều người trẻ và vì còn trẻ nên « điếc không sợ súng », họ dám cưới nhau để rồi « hạ bồi phân giải ». Bạn già như chúng ta, anh nào cũng đầy kỹ-niệm và kinh-nghiệm chẳng đẹp để gì lắm. Anh nào cũng đầy những cá-tính đã thành nếp sâu đậm, không thể thay đổi mà cũng không muốn thay đổi. Hai bồ già gặp nhau khó nhường nhịn nhau như hai bồ trẻ.

Ông bạn ngồi bên cạnh tán thành ngay :

— Đúng rồi. Trường-hợp của tôi như thế đấy. Tôi đã đi chơi mãi chán quá. Tôi muốn ở nhà. Tôi muốn có gia-đình để khỏi cô-đơn. Có biết đấy con tôi lớn rồi, lại ở với mẹ nó. Tôi không sống chung với con nhỏ đã lâu nên mất tính kiên-nhẫn và chiều chuộng trẻ con. Khi tôi mời các bà đến nhà, các bà đem theo con nhỏ la hét chạy nhảy, phá phách lục lọi đồ đạc lung tung. Tôi ngồi du-dương với má nó mà cứ lo ngay-ngáy những đồ tôi quý có thể bị đổ vỡ. Ấy thế là tôi hết dám thân mật mời mọc các bà về nhà chơi để tìm hiểu xem có hợp nhau không nữa. Cá-tính của tôi cũng đã thành nếp, nghĩa là tôi thích yên-tĩnh, và đồ đạc đừng bị phá phách, cái gì của tôi để đâu thì cứ nằm yên đấy.

Ông A. thêm :

— Nhưng trái lại được cái là người có tuổi rồi không còn coi cái gì là quan trọng quá đáng ở trên đời nữa ! Những lý do mà ta có thể đánh nhau 20 năm trước, bây giờ thấy là rất trẻ con.

— Có lẽ vì thế mà cặp nào làm lại cuộc đời lần thứ hai có thể rút kinh nghiệm sống làm cho hôn nhân đẹp hơn, và biết xóa bỏ những tranh đấu vặt giữa hai vợ chồng.

— Và cũng có thể là họ đâm lười không thèm để ý đến nữa !

L.B. Hỏi ông bạn người bạn :

— Tôi xin phép hỏi ông một câu về đời tư, và nếu ông phiền thì không cần trả lời.

— Có cứ hỏi đi. Tôi đã quá tuổi e lẽ rồi.

— Ông ly dị bà hay bà ly dị ông ? Và vì có gì ?

Ông bạn trầm ngâm một lúc, vẻ mặt trông buồn hẳn đi :

— Nhà tôi ly dị tôi. Sau 10 năm sống chung, người ta đâm chán nhau. Nhà tôi chán tôi vì gặp người khác bà ấy yêu hơn, thế là chúng tôi phải đi đến chỗ ly dị.

Nghe giọng ông nói hì hì như ông vẫn còn yêu bà.

Ông se sẽ gật đầu ;

— Mấy tháng đầu mới xa nhau, tôi nhớ nhà tôi gần phát điên. Sau tôi phải đến một Bác-sĩ tâm lý để chữa bệnh. Bác-sĩ bảo tôi về nhà làm hai bản tường thuật cho Bác-sĩ. Một bản viết tất cả những việc tôi thích nhà tôi làm và nhà tôi đã làm cho tôi sung sướng. Tôi suy nghĩ mãi chỉ tìm ra được ba điều. Bản thứ hai ghi những việc tôi không thích mà nhà tôi đã làm và đã khiến tôi đau khổ vì việc ấy. Bản này tôi vừa đặt bút là đã ghi chép liên-miên mấy trang dày đặc. Rồi ngược lại, tôi cứ g làm hai bản tường-thuật những hành-động của tôi đã làm cho nhà tôi vui và buồn. Nhìn bốn bản phân tích tôi như người bưng bình. Sáng hôm sau, qua buổi nói chuyện với Bác-sĩ, tôi trở lại thành con người bình tĩnh như thường. Tôi biết tôi và nhà tôi không thể nào sống chung được nữa. Hiện giờ tuy tôi rất cô-đơn nhưng tôi nghĩ thà cô-đơn mà được yên-tĩnh, còn hơn là hết cô-

đơn mà rồi nào cũng gây-gỗ với một người, rồi lại phải nằm ngủ chung với người ấy, rồi dù mình không có lỗi cũng phải xin lỗi. Và lại còn phải coi sự được tha lỗi là một ân-ưệ đặc-biệt lớn lao của người ta ban cho mình nữa.

Ông ngừng một lúc lại tiếp theo và vui vẻ như thường :

— Mấy năm nay tôi nghĩ rằng cô-đơn cho nó lâm-ly thế chứ thực ra chẳng cô-đơn tí nào cả. Ở trong hội vui quá, tuần lễ nào cũng có mấy đêm sinh-hoạt chung. Hội tổ-chức đủ các loại sinh-hoạt giải-trí bổ-ích và vui vẻ. Muốn bạn gái thì nữ hội-viên nhan-nhãn ra, bà nào cũng đáng yêu cả và cũng độc-thân cả. Bạn đàn ông cũng toàn là bạn độc-thân. Tôi chỉ sợ mai đây tôi lấy vợ bị ra khỏi hội không biết tìm đâu ra bạn.

— Thì ông đã có một người bạn riêng cho ông rồi, còn đòi hỏi gì nữa !

— Nhưng khốn nỗi một người không phải là tất cả.

— Nếu ông yêu tuyệt-đối, yêu hết mình, yêu đến có thể hy-sinh tất cả thì người ấy là tất cả.

— Thôi đi bà ! Thứ tình yêu ấy như thần thánh hay ma quỷ, không phải ai cũng có phúc duyên gặp được. Thường thường người ta chỉ tưởng là họ yêu, chịu được nhau, hay vì lý do này, lý do kia mà cưới nhau...

— Thế ông không tin thuyết tình yêu ?

— Nhưng với cái tuổi này, va chạm thực tế nhiều quá rồi, tình yêu không còn được thần thánh hóa nữa.

Câu chuyện gần tắt thì có một ông bạn khác kể chuyện :

— Tôi có một bà bạn phàn nàn rằng bà ở trong hội đã 5 năm rồi. Bà đã thành hội viên cựu trào, quen tất cả các nam

hội viên, quen rất nhiều đàn ông các giới. Ai cũng thích bà, quý bà, nói quá đáng một chút là yêu bà cũng được. Thế mà sau khi hiểu bà và gia đình của bà, người ta cứ tìm người khác để cưới, trong khi vẫn kêu gào yêu quý bà vô cớ.

— Tôi có quen bà ấy nên tôi có thể trả lời câu hỏi bí mật ấy được. Lý do chỉ vì đứa con của bà. Chúng nó vào quãng 15, 16 tuổi và tính nết kỳ đặc biệt lạ thường. Một đứa thì bất cứ người bạn nào đến chơi với mẹ nó. Một đứa cả ngày cứ lì - lì không thèm chào hỏi hay nói với ai một câu. Một đứa nói như vẹt, nói không bao giờ ngừng, không để cho ai có cơ hội nói một câu gì khác. Chỉ khi nào mẹ nó đuổi nó vào phòng khoá trái cửa lại thì khách mới có cơ hội chuyện trò với mẹ nó. Cô thử tưởng tượng, nếu tôi cưới bà ấy, tôi phải làm cha chúng nó, ở chung với chúng nó một nhà, mà đứa thì thù mình, một đứa không thèm chào mình, còn một đứa thì nói hết cả phần mình. Sống thế nào được hở trời!

Ấy, đại khái những điều nhỏ nhất là những chướng ngại vật cản trở tình yêu của hai người. Rồi sau này lại còn vụ con mình, con tôi, con chúng ta nữa...!

Câu chuyện hình như có thể kéo dài vô tận vì ai cũng có một bờ kinh nghiệm sống để kể. Những người bạn mới quen trong buổi họp từ hàng chục thành phố kéo đến. Họ mới gặp nhau lần đầu nhưng là kẻ cùng hội cùng thuyền, không ít thì nhiều hoàn cảnh cũng giống nhau, nên coi nhau như thân rồi, và trong câu chuyện phát biểu ý kiến tự nhiên chứ không cần dè dặt gì cả.

Mọi người ai cũng có vẻ còn hứng tán chuyện, nhưng đến giờ nên phải ngừng lại để ăn cơm chiều.

Buổi dạ hội tối hôm ấy không biết các

ông ở đâu kéo đến liên miên, nên mọi người đều đủ đôi đũa bày cả. Thỉnh thoảng khi dàn nhạc nghỉ các bà, các ông hội viên lên khán-đài biểu-diễn đàn hát những bài hát khôi hài ngộ nghĩnh làm mọi người cười vang.

oOo

Trên đường về, ông bạn đi cùng đường hỏi tôi :

— Có thấy vấn đề to nhất và khó giải quyết nhất của chúng tôi là vấn đề gì ?

— Tôi nghe nhiều chủ tịch các nơi phân nửa số hội viên nữ áp đảo phái nam, vì thế có lắm nơi muốn cử một ông chủ tịch nam giới mà không được. Muốn tổ chức khiêu vũ cũng không được. Chỉ nhẽ đàn bà lại nhảy với nhau.

— Có có biết tại sao không ?

— Tôi không biết chắc, nhưng có lẽ vì các ông không phải nuôi con nên có nhiều cơ hội và phương tiện hoạt động hơn các bà. Nhất là khi các ông độc thân lại rồi thì các cô « làm phiền » các ông quá, đâu có rảnh để tham gia tổ chức nào khác. Tâm hoạt động của các ông đã quá rộng rãi và bận bịu rồi!

Ông bạn cười :

— Đó cũng là một lý do nhưng tương đối thôi. Đàn ông là phái chủ động nhưng cũng lắm anh lười kinh khủng, và cả thẹn hơn con gái nhà lành. Không phải ai cũng có 5, 7 cô bạn cả đâu! Chính tôi cũng đang muốn tìm hiểu tại sao trong các quán rượu, chỗ chơi thì đầy cả đàn ông, mà các hội, các tổ chức từ thiện thì chỉ có toàn các bà. Họ đi tìm bạn ở những quán rượu, trong khi các bạn đang chờ họ ở các nơi khác đầy thiện chí.

— Chắc là vì hai mục đích khác nhau. Một bên chỉ muốn tìm vui chốc lát

còn một bên muốn xây dựng lâu dài. Họ không bao giờ gặp nhau là phải!

oOo

Đề cho bài phóng sự được đầy đủ, L.B. đã đi cắm trại ngay tại thành phố nhà với một nhóm hội viên ở bờ biển Monterey. Ngồi trên một mỏm đá cao, L.B. nhìn xuống đám lửa trại của họ đốt, một ít củi còn ướt nên khói lên nghi ngút, mù mịt bay tỏa khắp nơi. Đám trẻ con đủ các tuổi đang chơi đùa với nhau. Một đám bắt ốc, một đám chạy đua trên bãi cát, còn một nhóm lấy xiên sắt ghim xúc xích nướng trên lửa, lợi dụng buổi cắm trại để ăn nhiều hơn lúc ở nhà.

Đang mãi nhìn L.B. bỗng giật mình vì có ai đang kéo tóc sau lưng. L.B. quay lại thấy một em bé trai độ 4 tuổi đang túm lấy tóc giật mạnh. Em bé đưa cho L.B. một chiếc bánh khô dính đầy cát, chắc lúc em leo lên phải dùng cả hai tay để bò.

L.B. cầm lấy cái bánh xong, em leo lên ngồi gọn gàng ngay vào lòng L.B. chả nghĩ ngợi gì, mẫu tính tự nhiên đến, ôm chặt em ru nhẹ nhàng. Em bé mặt mày dính bê bết đầy đất cát bánh kẹo, mắt mở to nhìn L.B. mỉm cười có vẻ bằng lòng lắm.

Em bé cứ ngồi lý trong lòng L.B. hàng nửa giờ không chịu đi chơi, làm L.B. hơi ngạc nhiên, không biết con cái nhà ai mà lạ quá. Ra bãi biển lại không chạy nhảy nô đùa với trẻ khác, chỉ đi tìm người đời bế.

L.B. hỏi:

— Mẹ em đâu?

Em bé chỉ vu vơ lên trời:

— Mẹ em kia, ở với Chúa.

Thảo nào! Thì ra em bé mất mẹ ở với cha nên mới thêm một vòng tay ấp-ủ như thế.

— Ba em đâu?

Em bé chỉ một người đàn ông đang nói chuyện với mấy người khác, bên cạnh có hai đứa bé nữa, mỗi đứa đang cố lôi kéo cha đi một đằng.

Đám trẻ con vẫn nô đùa một cách vô tư lự, các bà mẹ ngồi tụm năm tụ ba, có bà ngồi xa xa một mình mơ mộng. Về chiều nắng tắt, gió biển lồng lộng g lạnh buốt. Tóc các bà rối bồng, mặt nhợt nhạt phấn son trôi hết trông hốc hác tàn tạ thế nào!

Nhìn từng người ngồi dựa lưng vào những tảng đá trên bãi cát chạy dài mông - mênh. Chấn len quàng qua người che kín đầu, chỉ hở cái mặt rám nắng và vương đầy bụi cát, L.B. liên-tưởng đến những người bộ hành cô đơn trên sa mạc. Họ cũng quấn chặt chân vào người và che đầu như thế để chống với gió cát nắng sương. Nhưng kẻ phụ mẫu độc thân cũng là những bộ hành cô độc trên sa mạc đường đời. Chính mình đã bơ vơ mà còn phải hướng dẫn một đàn con, làm cả 2 nhiệm-vụ của cha và mẹ trong một lúc. Cái nhiệm-vụ mà xưa kia, khi còn có « hai mình » chỉ phải làm một thôi cũng đủ mệt lắm rồi.

Những bộ hành cô đơn ấy bây giờ đang rủ nhau đi từng đoàn...

Monterey tháng 4 năm 1968

LINH-BẢO

Đã Phát - hành

**ĐỜI TRANH ĐẤU CỦA  
M. LUTHER KING**

*Ca-Dao xuất bản*

Giá 70 \$

# Thời-sự thế-giới

TỪ - TRÌ

Cuộc khủng-hoảng chính-trị và xã-hội tại Pháp đang bước sang títáng thứ hai. Tuy bắt đầu lắng dịu nhưng cuộc khủng hoảng này đã như vết dầu, loang dần sang các nước lân cận của Pháp ở Tây-Âu. Trong khi đó Hội nghị Mỹ-Bắc Việt ở Ba-Lê vẫn chưa đi tới một kết quả nào được coi là khả quan và tại Hoa-kỳ tin thượng-ng nghị-sĩ Kennedy bị sát hại đã làm chấn động dư-luận thế-giới.

## Âu Châu : Khủng hoảng tiếp diễn tại Pháp.

Như chúng ta đã biết, trước cuộc Tổng đình-công của 8 triệu công-nhân Pháp và trước những cuộc biểu-tình bạo-tông đồ máu, Tướng De Gaulle đã quyết-định tồ-chức một cuộc trưng-cầu dân-ý quốc-dân Pháp. Nhưng ngay trong khi tướng De Gaulle đang đọc bài diễn-văn này, sinh-viên và công-nhân lại biểu-tình dữ dội hơn bao giờ hết. Sau đó người ta được tin rằng tổng-thống Pháp và De Gaulle phu-nhân đã rời khỏi điện Élysée ; Người ta đều đoán là Tướng De Gaulle muốn trở về Colombey-Les-Deux-Églises để suy nghĩ trong khung cảnh tĩnh mịch về thế-thái nhân-tình trước khi quyết định rút lui như ông đã làm năm 1946. Nhưng sự thật đã trái hẳn với những dự đoán của mọi người. Thay vì đến thẳng Colombey, tướng De Gaulle lại đáp trực thăng đi thăm Bộ tư-lệnh quân-đội Pháp tại miền Đông và tiếp-xúc bằng điện-thoại với các tướng-lãnh. Đi đến đâu ông cũng trình-bày tình-hình và được các tướng lãnh nắm giữ quân-đội đoạn quyết ủng-

hộ. Sau cùng ông còn đáp trực-thăng sang Baden - Baden ở Đức là nơi quân - đội Pháp còn chiếm đóng. Tại đây Tướng nhẩy dù Massu cũng hứa trung thành với ông. Sau khi yên lòng về sự ủng-hộ của Quân-đội, Tổng-thống De Gaulle trở về suy nghĩ tại Colombey trong một đêm, không phải đề từ chức, mà để đánh một đòn chính-trị quyết liệt. Trở lại Paris, Tướng De Gaulle đã đọc một bài diễn - văn dài đúng ba phút tuyên-bố giải-tán Quốc-hội, không rút lui, vì ông được quốc-dân trao cho sứ-mạng bảo- vệ chính-thể Cộng-hòa. Ông quyết tâm làm tròn sứ-mạng dù cộng-sản có âm-mưu súi dục dân-chúng nổi-dậy. Vì vậy ông ra lệnh hoãn cuộc trưng-cầu dân-ý, giữ nguyên Thủ-tướng Pompidou, tuy có cải-tổ chính-phủ. Ông Michel Debré Tổng-trưởng Tài-chánh được bổ-nhiệm Tổng-trưởng Ngoại-giao và ông Maurice Couve de Murville sang thay thế ông Debré ở chức-vụ Tổng-trưởng Tài-chánh.

Quyết-định của Tướng De Gaulle đã làm cho các đối-thủ của ông hết sức bối rối. Khi ông rời khỏi điện Élysée, họ yên trí rằng ông sẽ đi hẳn, nên ông Mitterand, lãnh-tụ Liên - hiệp Tả-phái, đã tuyên - bố sẵn sàng giữ chức - vụ Tổng-thống và đề - nghị ông Mendès France làm Thủ-tướng. Trước quyết định của De Gaulle, hai ông này bị coi là đã mong muốn tham-chính quá vội.

Ngoài ra hoãn vô-hạn-định cuộc trưng-cầu dân-ý và tồ - chức tổng-tuyên-cử

Tướng De Gaulle đã đánh một đòn chính-trị cao vượt bậc. Thật vậy, phe đối-lập tố-cáo De Gaulle đã dùng cuộc trưng-cầu dân-ý để làm áp-lực đối với quốc-dân Pháp, bắt họ phải lựa chọn giữa De Gaulle và tình-trạng rối loạn hiện nay. De Gaulle dọa: nếu dân-chúng không tán-đồng đề-nghị của ông, ông sẽ ra đi mặc cho người Pháp đánh xé lẫn nhau. Phe đối-lập cho rằng phương-pháp trưng-cầu dân-ý như vậy không có tính-cách dân-chủ vì dân không có nhiều lựa chọn. Do đó họ cố vận-động tẩy chay cuộc trưng-cầu dân-ý này. Biết như vậy, Tướng De Gaulle đã đổi hẳn chiến-lược. Thay vì là trưng-cầu dân-ý, ông tổ-chức bầu-cử Quốc-hội. Bầu-cử Quốc-hội, dân-chúng có nhiều lựa chọn vì có nhiều ứng-cử-viên. Các đảng đối-lập như vậy không còn có thể tẩy chay phương-thức bầu-cử hoàn toàn dân-chủ này được nữa. Trên thực-tế thì dân-chúng cũng chẳng có nhiều lựa chọn hơn. Vì khi bầu họ sẽ chỉ được lựa chọn giữa các ứng-cử-viên của phe De Gaulle và những ứng-cử-viên đối-lập. Tuy thay đổi phương-sách, mục-tiêu của De Gaulle trong cuộc trưng-cầu dân-ý và trong cuộc bầu-cử Quốc-hội không khác gì nhau.

Hơn nữa bãi bỏ cuộc trưng-cầu dân-ý, De Gaulle còn tránh được một hậu-quả đáng ngại là nếu cuộc trưng-cầu dân-ý bị tẩy chay, một số lớn dân-chúng sẽ không đi bỏ phiếu. Như vậy dù De Gaulle có lợm được đa số thăm của cử-tri bỏ phiếu thì số người ủng-hộ ông vẫn chỉ là thiểu số đối với tổng số công-dân Pháp. Trong trường-hợp này De Gaulle vẫn bắt buộc sẽ phải rút lui.

Sau hết, De Gaulle đã chọn đúng lúc để loan báo quyết định quan-trọng này.

Hiện thời nhân-dân Pháp, nhất là giới trung lưu, đều chán ngái những cuộc biểu-tình bạo động và cuộc Tổng-đình-công làm xáo trộn đời sống quốc-gia. Họ muốn văn-hội trật-tự. Vì vậy phe De Gaulle đã tổ-chức một cuộc biểu-tình vi-đại huy động được gần 1 triệu người gồm cả thợ thuyền, sinh viên, dân quê, cựu chiến-binh, ông già bà cả, công chức, thương-gia, công-dân đủ mọi giới, kéo đến đông nghịt từ công-trường Concorde tới công-trường Etoile để ủng-hộ De Gaulle và phản-đối cộng-sản.

Đồng thời De Gaulle cũng cho lệnh đem một đoàn quân cơ-giới kéo về bảo-vệ thủ-đô trong khi đợi cuộc bầu-cử vào hai ngày chủ-nhật liên tiếp 23 và 30 tháng 6 tới. Các công-nhân đã bắt đầu đi làm trở lại, đời sống nhân dân Pháp đã gần như được bình-thường-hóa. Tuy nhiên, giờ đây các đảng-phái Pháp đang bước sang giai-đoạn tranh đấu mới để tranh nhau lá thăm của cử-tri. De Gaulle sẽ thắng hay bại chưa biết được, nhưng với óc thông-minh và tài xoay-chuyển của ông, De Gaulle có nhiều hy vọng sẽ thành công một lần nữa để văn-hội trật-tự cần-thiết, không những cho riêng nước Pháp mà còn cho cả các quốc-gia Tây-Âu nữa...

Hiện thời phong-trào sinh-viên biểu-tình đã lan dần sang tới các quốc-gia lân cận như Bỉ, Ý, Đức, Hòa-Lan... Ở đâu người ta cũng thấy giới sinh-viên có cùng một luận-điểm là lật đổ một xã-hội « trường giả » (bourgeois) để xây dựng một xã-hội công-bằng hơn. Các phong-trào sinh-viên này làm người ta liên-tưởng tới cuộc cách-mạng dây-chuyền năm 1848 đã phát-xuất từ Pháp, rồi lan sang các nước Âu-châu, để lật đổ một hệ-thống chính-trị xã-hội hồi đó.

Trong khi đời sống ở Pháp bị xáo trộn

lên lao hai phái-đoàn Mỹ và Bắc-Việt vẫn thảo-nhiên đá kích lẫn nhau và mặc cả với nhau. Họ gần như không để ý tới những vụ lộn xộn diễn ra ở quanh họ. Bắc-Việt vẫn khư khư đòi Mỹ phải ngưng mọi hành - động chiến-tranh trong khi Mỹ cũng không kém cương-quyết, đòi Bắc - Việt phải đáp ứng sự xuống thang của Mỹ. Phái-đoàn Bắc-Việt đi được Lê-Đức-Thọ, một nhân-vật cao-cấp của Trung-ương Đảng-bộ, tới tăng cường. Và người ta hy vọng rằng sự có mặt của Lê-Đức-Thọ có thể giúp cho phái đoàn Bắc - Việt quyết-định được mau chóng hơn. Sau 7 phiên họp, cả hai bên đều chưa đạt tới một kết-quả nào khả-quan và nhất định không chịu nhượng-bộ nhau. Tuy trong hội-ngị thì như vậy nhưng trên thực-tế, Mỹ vẫn tiếp tục giới hạn oanh-tạc Bắc-Việt ở vi-tuyến thứ 20, trong khi Bắc - Việt lợi-dụng tăng-cường chuyềa quân và võ-khí vào Nam và liên tiếp tấn-công Saigon, tức là Mỹ cũng đã tỏ ra nhượng bộ đối-phương quá nhiều rồi.

### Mỹ-châu : Bi-kịch thứ hai của gia-đình Kennedy

Ngày 5 tháng 6 vừa qua Thượng-Nghị-si Robert Kennedy, em ruột của cố Tổng-thống John Kennedy, đã bị một người gốc Jordanie hạ sát tại Los Angelès, khi ông tới tranh cử tại cuộc bầu - cử sơ khởi ở tiểu-bang Californie. Một lần nữa, định-mệnh đã tỏ ra tàn-nhẫn với gia-đình Kennedy và một lần nữa sự bạo động lại làm hoen-ố nền văn-minh của xã-hội Hoa-kỳ.

Robert Francis Kennedy sinh ngày 20-11-1925 tại Boston, con thứ bảy của Joseph và Rose Kennedy. Sinh trưởng trong một gia-đình tỷ-phú, cậu Robert mà người ta thường gọi một cách thân



Robert Kennedy

mật là Bob hay Bobby đã có một cuộc sống xa hoa ngay từ khi mới lọt lòng mẹ. Giòng họ Kennedy, gốc tại Ái-nhì-lan, di cư sang lập nghiệp tại Hoa - kỳ trước đây vào khoảng một thế-kỷ. Họ Kennedy theo công-giáo và rất ngoan đạo. Ông nội của Robert Kennedy trước chỉ là một người thợ đóng thùng đã cùng ông thân sinh ra Robert Kennedy là Joseph Kennedy lập ra một cơ nghiệp vĩ-đại. Nhiều kẻ ghen ghét cho rằng hai bố con ông Joseph Kennedy đã làm giàu bằng một cách không chính đáng lắm. Nhưng dù chính đáng hay không, ông Joseph Kennedy, sau nhiều năm trên thương-trường, đã trở thành một trong 10 người giàu nhất nước Mỹ ! Đã được « phú », ông Joseph Kennedy còn muốn có thêm « quý » nữa. Ông dồn bao nhiêu nỗ lực và hy - vọng vào người con trưởng là Joseph Kennedy Jr. Những cậu con trưởng đã bị tử nạn khi thi - hành một phi-vụ trong cuộc Đệ-nhị thế-chiến. Người con thứ hai, John Kennedy, với những thành - tích quân-sự vẻ vang, liền đứng lên thay thế

người anh quá cố và được đắc-cử Tổng-thống năm 1959.

Robert Kennedy chỉ là người con trai thứ ba, lại kém John Kennedy những 8 tuổi, nên lúc thiếu thời chưa được thân-phụ nghĩ tới việc đưa ra chính-trường. Hồi nhỏ, cậu chỉ sống gần 3 chị gái và một cô em gái nên bà nội cậu đã e rằng cậu trở thành ủy-mị. Sau đó cậu theo học tại trường Harvard, một học-đường của quí-tộc Mỹ, và tốt-nghiệp tại viện Đại-học Luật-khoa Virginia. Tại Đại-học, Robert không phải là một sinh-viên xuất-sắc, hay đúng hơn chỉ xuất-sắc về môn thể-dục. Cho đến tận năm 1960 Robert Kennedy chưa được ai chú ý đến vì chỉ là một luật-sư trung-bình, chưa hề lãnh được một vụ kiện nào danh tiếng. Nhưng thật ra Robert Kennedy đã theo dõi và quan sát đời sống chính-trị trong nước hết sức kỹ càng. Trong cuộc bầu cử Tổng-thống năm 1955, ông đã theo sát cuộc cử-động bầu-cử và mỗi khi thấy một sự việc nào đáng chú ý liền ghi vào cuốn sổ-tay. Những nhận-xét được ghi chép năm 1955 đã khiến cho Robert Kennedy trở thành một cử-động-viên lợi hại trong cuộc tranh cử của John Kennedy năm 1959.

Đầu năm 1960, mặc dầu có nhiều sự chống-đối mạnh mẽ, Tổng-thống John Kennedy cương-quyết cử Robert Kennedy làm Bộ-trưởng Tư-pháp. Trong chức-vụ này, Robert Kennedy đã tỏ ra là một chính-trị gia hết sức cứng rắn và có những tư-tưởng táo bạo nếu không nói là cách-mạng. Tia-đỏ của thuyết « Tân-biên-cương » (New Frontier) do anh ông đề xướng, Robert Kennedy tranh đấu để san bằng những bất-công của xã-hội Hoa-kỳ. Ông đã mạnh bạo tranh-đấu chống sự kỳ-thị chủng tộc, chống các

nhóm áp-lực đại-tư-bản, chống các lãnh-tụ nghiệp-đoàn, vì ở Hoa-kỳ các lãnh-tụ nghiệp-đoàn bóc lột công-nhân không kém giới chủ nhân tại các nước tư-bản. Ông đã tranh-đấu không chùn bước chống những đảng cướp hùng mạnh (Mafia). Kẻ thù của ông là những tên cướp ghê gớm như Jimmy Hoffa, Joey Gallo v.v...

Từ tháng 1-1960 tới tháng 11-1963, Robert Kennedy đã là một cộng-sự-viên đặc lực của Tổng thống John Kennedy. Không một quyết-định quan trọng nào mà Tổng-thống John Kennedy không tham-khảo ý-kiến Robert Kennedy. Từ quyết-định trực-tiếp can thiệp vào vấn-đề Việt-Nam năm 1961 tới vụ khủng-hoảng Nga-Mỹ ở Cuba tháng 10-1962, từ vụ đổ bộ tại Vịnh Con-Heo (Baie des Cochons) ở Cuba tới các cuộc nổi loạn đa đen, tranh chấp chủ thợ trong ngành kỹ-nghệ thép... Robert Kennedy đều đóng một vai trò quan trọng. Trái ngược với một John Kennedy mềm dẻo, hòa nhã, Robert Kennedy, trong mọi trường hợp, đều tỏ ra hết sức cứng rắn, nghiêm-khắc và nhiều khi cách xử-thể rất vụng về.

Trong đời tư, người ta lại thấy một Robert Kennedy khác hẳn. Lấy vợ sớm, là cha của một bầy con đông đúc, Robert Kennedy có đời sống gia-đình dễ-dãi. Năm 19 tuổi ông lấy cô Ethel Kaskel và đã có 10 con ; người con lớn nhất là cô Kathleen đã 17 tuổi. Hiện nay bà Robert Kennedy đang có mang người con thứ 11. Tại Washington, trong biệt thự Hickory Hill, Robert Kennedy sống với gia-đình hòa thuận và hết sức nghệ-si : Súc vật ở trong nhà, người sống ngoài sân, trẻ con muốn ở đâu tùy thích. Sau khi



Tổng thống Kennedy bị sát hại, người ta luôn luôn thấy hai con cò Tổng-thống phá phách trong văn phòng bộ-trưởng Tư pháp của ông chú Robert : cậu John Jr. bò lồm cồm dưới đất và cô Caroline thồi kèn inh tai.

Cái chết bi thảm của John Kennedy đã biến gia đình Kennedy thành một gia đình « tử vì đại-nghĩa » (martyr). Robert Kennedy mạnh bạo đứng lên kế nghiệp anh Ông rời bỏ chính-phủ của Tổng thống Johnson, ra ứng cử thượng nghị-sĩ tiểu-bang New-ước để sửa soạn tương lai. Biết rằng mình có tính quá cương trực, thiếu nềm dẻo, ông đã bắt đầu học nói, học cười, xử sự khôn khéo trước đám đông. Ông cố bắt chước cử chỉ, dáng dấp của người anh quá cố. Ông xử dụng những cố vấn cũ của John Kennedy như các văn sĩ Schlesinger và Sorensen.

Robert Kennedy đi khắp nước Mỹ bênh vực kẻ yếu, chống kẻ áp-bức. Hình ảnh một Robert Kennedy, trẻ đẹp, bông nõn đưa trẻ da đen nghèo khổ, vuốt ve những đứa trẻ da đỏ, đòi cải-tiến mức sống dân nghèo, đã in sâu vào đầu óc của thế-hệ trẻ. Các thanh thiếu-niên, các người yếu kém, nghèo-nàn, coi Robert Kennedy là một thần-tượng, một siêu-nhân, một « Batman ». Các nhóm kinh-tài, các tướng cướp, các lãnh-tụ nghiệp-đoàn coi Robert Kennedy là một kẻ thù cần phải hạ. Nếu chính-sách Việt-Nam của Robert Kennedy đã ngược lại với đường lối của dân ta, cũng chỉ vì ông thành thực muốn tránh một cuộc can thiệp tốn kém cho Hoa-kỳ, để lấy

tiền phát-triển trong nước. Nhưng chưa chắc khi đắc-cử, Tổng-thống Robert Kennedy đã có can đảm đầu hàng cộng-sản. Gia-đình Kennedy là một gia-đình kiêu-hãnh. Chắc hẳn không có một người nào mang giòng họ Kennedy lại có gan đưa Hoa-kỳ tới một sự lùi bước ô-nhục cho lịch-sử kiêu-hùng của Hoa-kỳ. Hơn nữa, chính Robert Kennedy đã cùng với Tổng-thống John Kennedy quyết-định can-thiệp trực-tiếp vào chiến-cuộc ở Nam-Việt.

Trước đây ít lâu người ta bàn tán về ý-định của Robert-Kennedy, người thì cho rằng ông sẽ ra ứng-cử năm 1968 người thì cho rằng ông sẽ ra ứng-cử năm 1972. Là người thấm-nhuần triết-lý hiện-sinh của Camus, Robert Kennedy đã nói : « Chẳng nên có quá nhiều dự-định, tôi sẽ là n gì trong tương lai ? Có lẽ tôi chẳng còn sống đến lúc đó để mà ra làm Tổng-thống ». Câu nói đầy triết lý này đã vận vào Robert Kennedy chăng ? Ngày 5-6-1968 Robert Kennedy chưa kịp mừng về thành quả của cuộc bầu-cử sơ-khởi tại tiểu-bang Californie, thì đã bị hạ sát.

Cái chết của Robert Kennedy cũng như cái chết của anh ông có nhiều bí mật. Đó là một hành động liều lĩnh và cuồng tín của một nhóm người bị đường lối tranh đấu của Kennedy đe dọa. Sau John Kennedy, sau Martin Luther King, Robert Kennedy đã bước vào lịch-sử một cách bi thảm nhưng thật vẻ vang. Edward Kennedy, người em út trong gia đình, đã nhận lãnh kế tục sự nghiệp của hai anh bị thảm sát, liệu có thực hiện được hoài bão cao đẹp mà không kém gian nguy của những người đã khuất chăng ?

# CHIẾN QUỐC SÁCH

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIỂN-LÊ giới thiệu, dịch và chú thích.

**CHIẾN QUỐC SÁCH** (Mưu mô thời Chiến - Quốc), gồm khoảng 500 « cổ sự » về các mưu mô của bọn chính khách và các lời hùng biện của bọn tung-boành gia thời Chiến Quốc, là một tác phẩm bất hủ của Trung Hoa, do nhiều người viết trong đời Tần và đầu Hán, về phương diện chép chuyện chỉ kém *Sử Ký* của Tư-Mã Thiên, về phương diện dùng ngụ ngôn chỉ kém *Nam Hoa Kinh* của Trang Tử.

Mỗi đoạn, dù ngắn dù dài, cũng là một cổ sự hoàn chỉnh, tình tiết, kết cấu, nhân vật rất linh động, có cái phong vị tiểu thuyết.

Tương truyền Tô Tuân, cha của Tô Đông Pha, đi đâu cũng mang theo bộ đó, đọc đi đọc lại tới thuộc lòng, nhờ vậy mà có một giọng văn nghị luận mạnh mẽ, cõ kính, tinh luyện, nổi danh thời Tống.

Ngày nay chúng ta càng đọc bộ đó càng thấy chuyện thời xưa mà cứ y hệt chuyện trước mắt. Tâm lý, hành động của con người đông, tây, kim cổ đều như nhau cả.

o o o

Lần này là lần đầu tiên, bộ đó được dịch ra Việt ngữ và in thành sách.

Hai học-giả Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê đã bỏ ra một năm tham khảo ba bản Hoa-văn, một bản giới-thiệu bằng tiếng Pháp, một bản nữa bằng tiếng Anh, lựa chọn lấy khoảng 200 truyện hay nhất, dịch sát mà xuôi và chú thích rất công phu.

Công phu nhất là phần giới thiệu khoảng sáu chục trang ở đầu sách, trong đó hai ông nghiên cứu Thời Chiến Quốc. Nguồn gốc **Chiến Quốc Sách**, xã hội Trung-Hoa trong thời Chiến Quốc, phê bình giá trị về tài liệu lịch sử, và giá trị về phương diện văn học của tác phẩm bất hủ ấy.

Toàn bộ dày trên 500 trang.

# THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

## Ký giả vô danh.

Jacques Lacan gần đây nổi như phao. Sách của ông là thứ sách nghiên cứu hiểm hóc của một nhà chuyên-môn, vậy mà cuốn *Ecrits* in một lần hàng chục ngàn cuốn.

Mới rồi J. Lacan ra một tạp chí, tên là *Scilicet*. Do một từ ngữ la-tinh, có nghĩa: « Anh có thể biết ». Biết về cái gì? Về Freud. Bởi vì nhóm J. Lacan nghiên cứu phân-tâm-học.

*Scilicet* có lẽ lối đặc biệt là tất cả mọi bài vở, trừ bài của J. Lacan, đều không ký tên tác-giả. Mỗi năm tạp chí ra ba số. Cuối năm, toà-soạn công bố một bản danh-sách các biên-tập-viên đã (ộng) tác trong năm qua. Thế thôi.

Tại sao lạ vậy? Bởi vì phân-tâm-học chuyên phanh phui các tâm-sự bí ẩn. Các nhà nghiên-cứu dĩ nhiên phải cấu cớ lập luận của mình trên những bằng chứng xác thực, bằng chứng ấy lại là đời tư sâu kín của bệnh nhân đã thể lộ với mình. Dem phơi bày bằng chứng ấy ra, dù dấu tên đương sự nhưng trưng tên nhà nghiên-cứu thì bạn bè thân thuộc của đương sự vẫn đoán ra. Nguy hiểm. Do đó có sự tở-nhị của J. Lacan.

## Hội Sách

Năm 1969 sẽ là một năm quan trọng cho giới văn nghệ, xuất bản.

Nghiệp-đoàn các nhà xuất bản nước Bỉ đã dự định tổ chức một Hội-chợ quốc-tế về sách, từ, từ 21 đến 30-3-1969 Hội chợ sẽ đặt trong tâm vào đề-tài: « Sách trong đời sống hàng ngày. »

Pháp cũng tổ chức tại Nice một Đại-hội Sách, từ 31-5 đến 9-6-69. Tại đây sẽ có giải-thưởng văn-chương, cấp cho tiểu thuyết, biên khảo v.v..., có hội thảo, và có triển-lãm sách,

Đó là không kể Hội-chợ Francfort, hội-chợ về sách thường niên vẫn có từ trước.

Giới xuất bản nước nhà có lẽ nên họp nhau một chuyến, đề chuẩn bị, xem có gì đáng đem qua Âu-châu khoe khoang tí chút chăng.

## Cuộc đời khó khăn của các linh-mục.

Jacques Duquesne vừa cho xuất-bản một cuốn sách chắc chắn sẽ có tác-động mạnh trong giới công-giáo. Cuốn *Demain, une Eglise sans prêtres?* Giáo-hội không linh-mục? Ngày mai có thể có được cái hình-thức giáo-hội ấy không?

J. Duquesne nhận xét rằng càng ngày số linh-mục càng sút giảm. Ở Pháp từ 1870 đến 1900, trung bình mỗi năm có 1.500 linh-mục mới; nhưng từ 1961 về sau thì mỗi năm chỉ thêm 500 vị. Thêm như thế không đủ bù với số mất, vì có những vị già, chết. Trung bình ở Pháp hàng năm hao hụt từ 250 đến 300 linh-mục.

Ở Bỉ, từ 1960 đến 1967 số linh-mục được thụ phong giảm 15%.

Ở Tây-ban-nha, trong khoảng mười năm, số theo học tại các chủng-viên giảm 30%.

Sau khi suy cứu về các nỗi khó khăn trong cuộc đời cô-độc của các vị linh-mục, J. Duquesne đề-nghị vài ba điều cải-cách, trong đó có ý-kiến đề các linh-mục cưới vợ, và ý-kiến làm thế nào cho các linh-mục được gần gũi các hoạt-động của xã-hội trần-tục, được tham-gia vào các hoạt-động ấy...

Chẳng qua là một ý-kiến. Hẳn tòa-thánh đã nghĩ đến điều ấy.

TRANG-THIÊN

## SÁCH BÁO MỚI

**Tâm sự người cha** tập II Tùy bút, Thư, của Phạm-Trung-Việt do Khai-Tri phát hành và tác-giả gửi tặng. Sách dày 100 trang. Giá 50đ.

— **Văn-nghệ xám** tuyển tập thi-văn của 12 tác-giả do Thế-Uyên chủ trương, Thái-độ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 218 trang, Phạm-Hoán vẽ bìa. Giá 110đ.

— **Bên kia đường** tập truyện của Võ Hồng do Mặt Trời xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 164 trang, gồm 7 truyện đặc sắc của Võ-Hồng. Bản đặc biệt.

— **Cỗ xe và ngôi sao** sưu khảo về sáng kiến cộng đồng tại Hoa-kỳ, Tác giả: Margaret Mead Muriel Brown. Dịch giả: Lê bá Kông và Võ Bá Hoàng, do Ziên Hồng xuất bản và gửi tặng Sách dày 252 trang. Giá 60đ.

— **Đuốc thiêng trong sa mạc**: nguyên tác «Death comes for the archbishop», của Willa Cather, bản dịch của Lê-Bá-Kông, Ziên-Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang, in lần thứ hai Giá 45đ

— **Tự do đầu tiên và cuối cùng** của J. Krishnamurti. Nguyên tác «The First and Last Freedom». Bản dịch của Phạm công Thiện, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 700 trang gồm 21 chương và những câu trả lời của Krishnamurti về ngót 40 vấn đề trọng đại. Lời giới thiệu của Henry Miller, Lời bạt của Aldous Huxley. Giá 240đ. Giá bán tại Huế: 100 đ.

— **Hương xưa**, tập thơ của Hà-thượng-Nhân, in offset lần thứ hai trên giấy tốt, do tác giả gửi tặng. Sách gồm những bài thơ theo thể Đường luật, tác giả làm phần lớn từ năm 1943-44, một số thơ chữ Hán, một số thơ xướng họa, in rất mỹ-thuật, đề riêng tặng các thi hữu.

## HỘP THƯ

— **Bách-khoa đã nhận được những bài sau đây** :

Lời nguyện sau cùng; Trước giờ hấp hối (Nhất-Tâm-Phượng). Nhớ bạn; Trời mưa xanh; Bên hồ tây (Lê-văn-Ngẩn). Trưa địa ngục; Về trời (Trần-hoài-Tư). Khi về Phan-Thiết để tang chị; Ở chỗ ngồi mới (Chu-Trầm - Nguyễn-Minh). Niềm đau non nước; Nhặt - tảo ca (Việt-Huy Nguyễn-tuấn-Quốc). Ngươi về; Mông lung chiều (Tuy-Viễn). Tiếng nói cho hôm nay; Kỷ-nguyên mới (Du-Trung-Phong). Trong cuộc: di-hành (Lê-Hoài-Vọng). Đêm về biên-giới (Phạm-Miền-Tông). Hy-vọng; Yên hôm nay (Linh Thủy). Trung thu; Mưa; Tử thần; Tỉ lệ; Ước mơ (Ng.-hoàng-Tùng). Miếng đất lạ; Cối em; Lời cuối cho em (Hương-Sơn). Trần gian (Mường-Mán). Ngày về; Người tình trong mộng (Phau-si-Hoè). Những dấu chân buồn (Chu-Trầm - Nguyễn-Minh). Cho Việt-Nam tình này; Việt-Nam thương đau (T.C.). Tương về quê cũ làng xưa; Dừng quân quê ngoại (Hoa-Sắc). Một bóng; Tương (Hoài-Nhã - Liên-Ván). Quanh đời nhớ; Lục bát từ Kb: 4.100 (Tô-đình-Sự).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường-hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Trần-quí-Sách: Rất mừng được tin anh thoát hiểm lần nữa. Chắc lúc này anh đã bình phục. Sẽ đăng «Trưa địa ngục» và bài thơ trên số tới. Chúc anh gặp nhiều may mắn và vui vẻ. L.N.C.

Ô. Hồ-minh-Dũng (Huế): Rất mong thư anh. Đã nhận được thêm «Một đoạn trong kỷ-niệm khô». Sẽ gửi thư riêng.